

ĐỀ ÁN

Phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất **SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó thành lập tỉnh Tuyên Quang mới trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Sau sáp nhập, tỉnh Tuyên Quang có diện tích tự nhiên 13.795,50 km², dân số 1.865.270 người; là vùng đất địa đầu Tổ quốc, nằm ở trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc, giữ vai trò cửa ngõ kết nối Vùng Thủ đô Hà Nội với các tỉnh biên giới phía Bắc. Đồng thời nằm trên các hành lang kinh tế quan trọng như Hà Nội – Phú Thọ – Tuyên Quang – Hà Giang kết nối Tây Nam Trung Quốc; Hà Nội – Tuyên Quang – Lào Cai gắn với hành lang Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Đây là lợi thế lớn nổi bật để tỉnh có khả năng trở thành trung tâm trung chuyển, gắn kết chặt chẽ với các trung tâm du lịch lớn như Hà Nội, Thái Nguyên, Lào Cai, Cao Bằng, tạo thành mạng lưới du lịch liên hoàn, đa dạng loại hình và sản phẩm. Với vị trí và tiềm năng này, tỉnh có khả năng đảm nhận vai trò hạt nhân lan tỏa, thúc đẩy phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng; đồng thời cùng với Lào Cai hình thành khu vực động lực phát triển du lịch toàn vùng, mở rộng kết nối với thị trường khách quốc tế, đặc biệt là tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, đã xác định du lịch văn hoá là một trong những loại hình quan trọng trong phát triển các ngành công nghiệp văn hoá với mục tiêu đóng góp 7% GDP.

Tỉnh Tuyên Quang sở hữu nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc, đa dạng và có tầm vóc quốc gia, quốc tế. Nổi bật là ba địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia: (i) Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn – công viên địa chất đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận; (ii) Khu bảo tồn thiên nhiên và Danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Na Hang – Lâm Bình gắn kết Ba Bể (Thái Nguyên) đã được đưa vào danh mục nghiên cứu lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản thiên nhiên thế giới và (iii) Khu di tích lịch sử Quốc

gia đặc biệt Tân Trào gắn với thương hiệu “Thủ đô kháng chiến”. Ngoài ra, tỉnh còn có hệ sinh thái và cảnh quan đặc thù như đèo Mã Pì Lèng, sông Nho Quế, ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, các khu bảo tồn thiên nhiên Du Già, Tây Côn Lĩnh, Bát Đại Sơn cùng hệ thống núi, sông, hồ phong phú. Bên cạnh đó là kho tàng lễ hội truyền thống, di sản văn hóa phi vật thể và phong tục tập quán đặc sắc của hơn 20 dân tộc, tiêu biểu như lễ hội Thành Tuyên, lễ hội hoa tam giác mạch, lễ nhảy lửa, lễ hội mùa vàng, lễ hội Lồng Tồng cùng các lễ, nghi lễ độc đáo. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh phát triển nhiều loại hình du lịch đặc thù, hấp dẫn như du lịch địa chất, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, văn hóa – lịch sử, cộng đồng – khám phá, thể thao - mạo hiểm, du lịch xanh và du lịch thông minh.

Tuy nhiên, ngành du lịch còn bộc lộ những hạn chế: định hướng phát triển du lịch của tỉnh còn thiếu tính đồng bộ và chưa có tầm nhìn tích hợp; hệ thống hạ tầng du lịch chưa hoàn chỉnh, cơ sở lưu trú hạn chế cả về quy mô lẫn chất lượng. Định hướng phát triển còn chông chéo, thiếu một chiến lược chung toàn tỉnh; thương hiệu du lịch phân tán, chưa định hình rõ giá trị khác biệt; liên kết không gian - sản phẩm - thị trường giữa hai tỉnh cũ chưa chặt chẽ; nguồn lực đầu tư và quản lý phân tán; vị thế trên bản đồ du lịch quốc gia và quốc tế chưa được khẳng định. Các sản phẩm du lịch còn trùng lặp, thiếu sức cạnh tranh, chưa hình thành được sản phẩm chủ lực mang thương hiệu quốc gia; trong khi đó, công tác xúc tiến, quảng bá vẫn phân tán, chưa xây dựng được thương hiệu thống nhất. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực du lịch còn yếu, thiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ và khả năng ứng dụng công nghệ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng “Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050” là yêu cầu cấp thiết nhằm: (i) thống nhất định hướng phát triển du lịch toàn tỉnh sau sáp nhập; (ii) định vị lại không gian du lịch, tăng cường kết nối vùng, quốc gia và quốc tế; (iii) hoàn thiện hệ thống sản phẩm, phát triển thương hiệu đặc trưng, nâng cao năng lực cạnh tranh; (iv) đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp khả thi về quản lý, đầu tư, xúc tiến quảng bá và huy động nguồn lực; (v) đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, hướng tới ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

II. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội;

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Nghị quyết số 92-NQ/TU ngày 13/05/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch Tuyên Quang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050.

2. Căn cứ pháp lý

Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Nghị quyết 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030;

Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm

nhìn đến năm 2050;

Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực du lịch trong tình hình mới;

Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam;

Quyết định số 440/QĐ-BVHTTDL ngày 20/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chiến lược Marketing du lịch Việt Nam đến 2030;

Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam;

Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 6/2/2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các văn bản pháp lý khác liên quan.

Phần thứ hai

TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH

I. Hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang

1. Vị thế, mối liên hệ vùng trong phát triển du lịch tỉnh

- Tỉnh đã và đang đẩy mạnh nhiều chính sách quan trọng trong thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh như: Nghị quyết về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn gắn với phát triển kinh tế – xã hội và trở thành một trong những động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân và quảng bá hình ảnh tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện sáp nhập hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang, không gian phát triển du lịch được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để liên kết vùng, xây dựng các tuyến, điểm du lịch mới, góp phần gia tăng trải nghiệm cho du khách.

- So với các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, du lịch tỉnh đang thuộc nhóm các tỉnh phát triển du lịch trung bình. Năm 2025, tỉnh đón khoảng 3,9 triệu lượt khách xếp 6/9 tỉnh so với các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ¹. Tổng thu từ khách du lịch: năm 2025 đạt 10.633 tỷ đồng xếp 3/9 trong khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ, điều này cho thấy khách du lịch đến Tuyên Quang chi trả cho các dịch vụ du lịch tương đối cao. Tỷ trọng trong cơ cấu GRDP của tỉnh năm 2025 chiếm khoảng 10,4% (GRDP toàn tỉnh là 95.634 tỷ đồng) xếp hạng

¹ Thái Nguyên 7,3 triệu lượt khách, Lào Cai đón 10,5 triệu lượt khách, Phú Thọ 14,5 triệu lượt khách

29/34 tỉnh, thành phố trên cả nước. Tỷ lệ này tương đối cao so với các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc và một số tỉnh.

- Tuyên Quang giữ vai trò mắt xích kết nối đa chiều về giao thông và văn hoá chiến lược trong hành lang du lịch vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tuyến cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ và Tuyên Quang – Hà Giang đã tối ưu hóa khả năng kết nối giữa vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với các tỉnh biên giới, đặt Tuyên Quang vào vị trí cửa ngõ điều tiết luồng khách. Bên cạnh đó, mạng lưới Quốc lộ (QL2, QL4, QL4C, QL279) tạo thành trục ngang kết nối Đông Bắc và Tây Bắc, đây là điều kiện thuận lợi để Tuyên Quang liên kết chặt chẽ với các điểm trung tâm du lịch lớn như hồ Ba Bể (Thái Nguyên), hồ Thác Bà (Yên Bái).

Vì vậy, du lịch Tuyên Quang đang sở hữu năng lực cạnh tranh vượt trội về hiệu quả kinh tế so với quy mô lượng khách. Để duy trì vị thế trong các tỉnh đứng đầu về doanh thu trong vùng, tỉnh cần tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm để giảm thiểu tính mùa vụ và đầu tư mạnh mẽ vào chuyển đổi số trong quản lý điểm đến.

2. Nhận diện tài nguyên, tiềm năng du lịch trên địa bàn tỉnh

2.1. Tiềm năng về tài nguyên du lịch tự nhiên

Tuyên Quang sở hữu hệ thống cảnh quan thiên nhiên đa dạng, từ hồ sinh thái, núi đá vôi, sông, hẻm, vực đến ruộng bậc thang và rừng nguyên sinh, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm và du lịch bền vững quy mô vùng. Một số cảnh quan thiên nhiên đặc trưng, nổi bật của tỉnh trong phát triển du lịch, cụ thể như:

Khu du lịch Na Hang - Lâm Bình là quần thể cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của tỉnh Tuyên Quang, nổi bật với hệ thống núi đá vôi, lòng hồ sinh thái rộng lớn và rừng nguyên sinh còn tương đối nguyên vẹn. Cảnh quan sông nước đan xen núi rừng tạo nên không gian thiên nhiên hùng vĩ, giàu giá trị sinh thái, đồng thời gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hóa của các cộng đồng dân tộc bản địa, là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm.

Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn là khu vực cảnh quan núi đá vôi quy mô lớn, có giá trị đặc biệt về địa chất, địa mạo và thẩm mỹ cảnh quan. Địa hình karst đặc trưng kết hợp với không gian sinh sống lâu đời của các dân tộc vùng cao đã hình thành một quần thể cảnh quan – văn hóa độc đáo, mang tầm quốc gia và quốc tế, đóng vai trò hạt nhân trong phát triển du lịch khám phá và nghiên cứu khoa học của vùng.

Sông Nho Quế tạo nên một trong những cảnh quan sông – núi ấn tượng nhất khu vực miền núi phía Bắc, với dòng nước xanh uốn lượn giữa hẻm vực sâu và vách núi dựng đứng. Giá trị cảnh quan nổi bật của sông Nho Quế không chỉ mang tính thẩm mỹ cao mà còn mở ra tiềm năng lớn cho các loại hình du lịch trải nghiệm, tham quan và du lịch đường thủy gắn với bảo tồn thiên nhiên.

Đèo Mã Pì Lèng là điểm nhấn cảnh quan đặc sắc với địa hình đèo núi cao, hiểm trở và tầm nhìn rộng mở bao quát toàn bộ không gian hẻm vực sông Nho Quế. Cảnh quan hùng vĩ, ấn tượng của khu vực này góp phần tạo dựng hình ảnh nhận diện mạnh mẽ cho du lịch vùng núi phía Bắc, đặc biệt phù hợp với phát triển du lịch khám phá, ngắm cảnh và nhiếp ảnh.

Khu vực Tây Côn Lĩnh sở hữu cảnh quan núi cao và hệ sinh thái rừng nguyên sinh phong phú, với mức độ can thiệp của con người còn hạn chế. Đặc điểm địa hình và khí hậu đặc trưng tạo nên không gian thiên nhiên hoang sơ, có giá trị cao về đa dạng sinh học, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, trekking và du lịch nghiên cứu gắn với bảo tồn tài nguyên rừng.

Khu vực Hoàng Su Phì nổi bật với hệ thống ruộng bậc thang quy mô lớn, được hình thành qua quá trình canh tác lâu dài của các cộng đồng dân tộc. Cảnh quan nông nghiệp truyền thống này không chỉ có giá trị thẩm mỹ cao mà còn phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên, tạo tiền đề cho phát triển du lịch cảnh quan, du lịch văn hóa và du lịch theo mùa.

Khu vực Xín Mần là khu vực có cảnh quan núi cao, thung lũng sâu và ruộng bậc thang xen kẽ các bản làng dân tộc, tạo nên không gian tự nhiên mang tính nguyên sơ và giàu bản sắc. Cảnh quan nơi đây phù hợp để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với sinh kế địa phương, đồng thời góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch của toàn vùng.

2.2. Tiềm năng về tài nguyên du lịch văn hoá

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 794 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 215 di tích được xếp hạng quốc gia, 308 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 03 Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, 04 bảo vật quốc gia. Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả. Nhiều di tích được phục hồi, tôn tạo đã phát huy hiệu quả giá trị, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch của địa phương, nhất là một số di tích tiêu biểu như: Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng; các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia: Căng Bắc Mê; Chùa Nậm Dầu, Tiểu khu Trọng Con; di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia: Nhà Vương, Phố cổ Đồng Văn; di tích chùa Sùng Khánh, chùa Bình Lâm

Tỉnh có 871 di sản văn hoá phi vật thể, trong đó có 53 di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể: Nghệ thuật trình diễn dân gian (08 di sản), tập quán xã hội và tín ngưỡng (23 di sản), lễ hội truyền thống (12 di sản), tri thức dân gian (09 di sản), nghề thủ công truyền thống (01 di sản); 01 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO công

nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Thực hành Then của người Tày Nùng Thái ở Việt Nam).

3. Hiện trạng phát triển du lịch Tuyên Quang

3.1. Các chỉ tiêu phát triển cơ bản

a) *Về lượng khách du lịch:* Theo thống kê, năm 2025, lượng khách đến tỉnh đạt 3.926.057 lượt khách, trong đó có khoảng 546.657 lượt khách quốc tế và 3.379.400 lượt khách nội địa. Lượng khách du lịch quốc tế đến tỉnh liên tục tăng qua các năm. Năm 2025, tổng lượng khách quốc tế đạt 546.657 lượt khách. Trước sáp nhập, năm 2024, tỉnh Hà Giang đón khoảng 400.340 lượt khách, năm 2023 là 304.558 lượt khách.

Khách nội địa vẫn là thị trường chính của du lịch tỉnh với tổng lượng khách nội địa năm 2025 đạt 3,5 triệu lượt khách. Lượng khách nội địa có xu hướng tăng trưởng nhanh chóng qua các năm. Năm 2024, lượng khách nội địa đến Hà Giang đạt hơn 2,8 triệu lượt khách, năm 2023 là hơn 2,7 triệu lượt khách.

b) *Về doanh thu:* Giai đoạn 2016 - 2025 (bao gồm doanh thu du lịch tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang) liên tục tăng trưởng: năm 2016, tổng thu từ du lịch của Tuyên Quang (trước sáp nhập) đạt được 1.239 tỷ đồng và đến năm 2019 đã lên tới 1.750 tỷ đồng, năm 2024 đạt 3.700 tỷ đồng. Năm 2024, tỉnh Hà Giang, doanh thu đạt 8.150 tỷ đồng. Năm 2025, tổng doanh thu du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập đạt 10.633 tỷ đồng.

c) *Về cơ cấu chi tiêu của khách du lịch:* Tổng thu du lịch của Tuyên Quang chủ yếu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống của khách và nguồn thu từ vé tham quan, vận chuyển và các dịch vụ bổ sung, bán hàng lưu niệm, hoạt động lữ hành, dịch vụ khác.

3.2. Hiện trạng thị trường khách du lịch

a) *Khách quốc tế:* Theo thống kê khách quốc tế trong giai đoạn 2020 - 2025 khách từ 192 quốc gia, vùng lãnh thổ, chủ yếu là khách Châu Âu, Châu Mỹ (Bắc Mỹ), Đông Á (ngoài Trung Quốc), Đông Âu, Châu Úc. Trong đó thị trường khách đông nhất là Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc, Hà Lan, Mỹ, Australia (Úc), Canada, Airolen (Ireland), Israel, Tây Ban Nha (Spain), Đan Mạch, Thụy Điển (Sweden), Thụy Sĩ (Switzerland). Còn lại là khách du lịch đến từ các quốc gia vùng lãnh thổ khác. Tuy nhiên, theo đánh giá các thị trường khách quốc tế chủ yếu tập trung tại một số điểm du lịch như vùng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào... chưa có sự phân bổ đồng đều tại các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) *Khách nội địa:* Thị trường khách du lịch trong nước đến với tỉnh gồm tất cả các tỉnh thành, thành phố lớn như: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đồng

Nai, Cần Thơ, Kiên Giang, Tiền Giang,... Số ngày lưu trú trung bình đối với khách quốc tế là 2,5 ngày, đối với khách nội địa là 1,8 ngày.

3.3. Hiện trạng loại hình, sản phẩm du lịch

Hiện trạng sản phẩm du lịch tỉnh đang phát triển đa dạng và đạt được nhiều thành công nhờ việc khai thác hiệu quả nhiều loại hình phong phú. Nổi bật là du lịch cộng đồng với 72 làng văn hóa tiềm năng, trong đó thôn Lô Lô Chải đã được vinh danh là “Làng Du lịch Tốt nhất thế giới” năm 2025. Tỉnh cũng ghi dấu ấn với các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh tại các khu di tích như Tân Trào, Kim Bình và các sản phẩm du lịch lễ hội với thương hiệu tiêu biểu như: Lễ hội Thành Tuyên, Lễ hội hoa Tam giác mạch, Chợ phong lưu Khâu Vai, Khèn Mông... Bên cạnh đó, du lịch sinh thái đang từng bước khẳng định vị thế điểm đến xanh thông qua các mô hình nghỉ dưỡng, homestay thân thiện với môi trường, kết hợp cùng sự mở rộng của các loại hình du lịch nông nghiệp - dược liệu, du lịch thể thao mạo hiểm và hệ thống 454 sản phẩm hỗ trợ OCOP giúp đa dạng hóa hàng hóa phục vụ du khách.

Bên cạnh đó du lịch tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, năng lực tổ chức và tính liên kết tour tuyến còn yếu; hạ tầng phục trợ thiếu; và một số loại hình như du lịch trải nghiệm bằng phương tiện vận chuyển hay hoạt động tại các điểm du lịch mùa cao điểm vẫn mang tính tự phát, tiềm ẩn rủi ro về quản lý, sức tải cũng như an toàn.

3.4. Hiện trạng nguồn nhân lực du lịch

Theo thống kê tổng số lao động liên quan đến du lịch trên địa bàn tỉnh có khoảng gần 27.000 người. Tổng số lao động trong các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng là 8.835 người, đào tạo lại là 3.050 người. Về hướng dẫn viên du lịch, toàn tỉnh có 331 hướng dẫn viên du lịch, trong đó 41 hướng dẫn viên du lịch quốc tế, 108 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 182 hướng dẫn viên du lịch tại điểm

Tuy nhiên, tỷ lệ lao động được đào tạo đúng chuyên ngành, hoặc được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ bài bản về du lịch còn hạn chế (khoảng 10%). Số lao động tham gia phục vụ hoạt động du lịch được các cơ sở nhà hàng, khách sạn đào tạo, tập huấn ngắn hạn chiếm tỷ lệ lớn. Vì vậy tính chuyên nghiệp và kỹ năng của lao động ngành du lịch chưa cao, lao động du lịch còn mang tính phổ thông, khả năng đáp ứng được yêu cầu phát triển dịch vụ du lịch cho khách quốc tế và khách cao cấp còn hạn chế.

Về công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch, trong những năm qua tỉnh đã quan tâm, thúc đẩy việc đào tạo nhân lực du lịch. Các lớp tập huấn, đào tạo nhân lực về du lịch, kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến buồng phòng; lễ tân, du lịch cộng đồng, chế biến món ăn, nghiệp vụ du lịch cho người điều

khuyến và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch... nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng phục vụ du khách; cán bộ, viên chức và người lao động trong lĩnh vực du lịch tham gia các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức quản lý, nghiệp vụ về du lịch, tham gia các Hội thi Hướng dẫn viên du lịch giỏi... qua đó nghiệp vụ, kỹ năng của người lao động trong ngành đã từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng du lịch trên địa bàn toàn tỉnh.

3.5. Hiện trạng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

a) Cơ sở hạ tầng: Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng tạo nền tảng vững chắc cho định hướng phát triển du lịch. Hạ tầng giao thông được đầu tư, cải thiện. Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên xã được xây dựng, cải tạo, đảm bảo kết nối giữa các trung tâm xã, phường với các khu, điểm du lịch trọng điểm. Tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn I đang dần hoàn thiện góp phần tăng cường kết nối vùng và thu hút du khách. Tuy nhiên, tại một số khu, điểm du lịch còn xuất hiện những tình trạng cục bộ về giao thông như: Các trục đường chính tại Đồng Văn, Mèo Vạc rất hẹp (mặt đường phổ biến 5,5m - 7,5m). Hiện trạng bãi đỗ xe tại các trung tâm du lịch thiếu hụt, dẫn đến tình trạng ùn tắc nghiêm trọng khi xe ô tô đổ về trong các dịp lễ, tết hoặc mùa lễ hội.

Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại vùng núi do bị tác động của địa hình karst nên một số khu vực như Đồng Văn, Mèo Vạc thường xuyên thiếu nước sạch vào mùa khô. Các hồ treo sau thời gian vận hành trữ nước và cung cấp nước vào mùa khô, hệ thống đường ống dẫn nước từ các nguồn xa có tình trạng bị hư hỏng do bị đá lở và sụt lún nền đường. Tại khu vực lòng hồ như Na Hang – Lâm Bình chưa có hệ thống cảng thủy nội địa phục vụ thương mại – du lịch.

Hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại các điểm có lưu lượng khách lớn như sông Nho Quế, đèo Mã Pì Lèng. Các tàu du lịch phần lớn chưa có hệ thống thu gom nước thải; việc thu gom phụ thuộc vào các đợt ra quân tình nguyện, chưa có quy trình công nghiệp. Hiện trạng các điểm dừng chân (check-in) tự phát mọc lên mà không có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Nước thải chủ yếu xả trực tiếp xuống các khe núi, thấm vào hệ thống nước ngầm Karst ảnh hưởng nguồn nước sinh hoạt của cư dân vùng thấp hơn.

b) Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Tính đến năm 2025, tỉnh có 1.500 cơ sở lưu trú (trong đó có 170 khách sạn; 570 nhà nghỉ; 741 homestay; 19 cơ sở lưu trú khác), 14.415 buồng, 27.251 giường/đệm. Nhiều cơ sở lưu trú được đầu tư đồng bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Hệ thống dịch vụ ăn uống cơ bản đáp ứng nhu cầu khách du lịch, gắn với phát triển ẩm thực đặc trưng và sản phẩm OCOP. Một số địa phương đã hình thành các khu ẩm thực, chợ phiên, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP phục vụ du khách. Tuy nhiên, hệ thống

cơ sở lưu trú khách sạn của tỉnh chiếm khoảng 11% và tập trung chủ yếu ở các trung tâm như Đồng Văn, Hà Giang 1,2,... còn lại chủ yếu là các homestay, nhà nghỉ, điều này dẫn đến sự thiếu hụt về khả năng cung cấp cơ sở lưu trú cao cấp cho khách du lịch khi đến Tuyên Quang. Sản phẩm OCOP nhiều nhưng sản lượng còn thấp chưa đáp ứng nhu cầu thị trường.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch bước đầu được triển khai với việc ứng dụng mã QR tại các điểm du lịch, xây dựng bản đồ số du lịch, cổng du lịch thông minh tỉnh (<https://mytuyenquang.vn>) và các sản phẩm truyền thông số. Tuy nhiên, hệ thống dữ liệu du lịch số của tỉnh chưa hoàn chỉnh, năng lực ứng dụng và quản lý còn hạn chế, nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa.

3.6. Hiện trạng công tác quản lý và cơ chế, chính sách du lịch

Công tác quản lý Nhà nước về du lịch trên địa bàn do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, với sự tham mưu của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Theo đó, công tác quản lý Nhà nước về du lịch, được Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện thông suốt, hiệu quả với các công tác như quản lý môi trường du lịch, đánh giá, kiểm tra, bảo tồn, khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên du lịch, quản lý các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cơ chế, chính sách phát triển du lịch của tỉnh được quan tâm hoàn thiện, từng bước tạo môi trường thuận lợi cho phát triển ngành du lịch theo hướng bền vững, chuyên nghiệp. Nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù đã được ban hành và triển khai, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào du lịch, phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, thủ tục giải ngân, tiếp cận vốn vay ưu đãi còn chậm, khiến người dân, doanh nghiệp khó tiếp cận. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường còn xảy ra nhiều tình trạng quá tải vào mùa cao điểm, các phương án quản lý, điều tiết giao thông, phân luồng khách còn chưa hiệu quả. Tình trạng xây dựng tự phát bằng hình thức bê tông hóa các cơ sở lưu trú trong vùng di sản vẫn diễn ra do thiếu các quy hoạch chi tiết về kiến trúc đặc thù.

3.7. Hiện trạng xúc tiến, quảng bá du lịch tỉnh

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch đã được tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sáp nhập quan tâm và thực hiện đạt được nhiều kết quả như: xây dựng các ấn phẩm như Video, Clip, tờ rơi tập gấp, bản đồ, cẩm nang du lịch... Tổ chức các đoàn famtrip khảo sát du lịch nhằm xây dựng và phát triển các tour tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh và kết hợp khảo sát nội tour, tuyến với các tỉnh bạn trong khu vực và quốc tế. Đưa vào hoạt động “Cổng Thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động kết hợp bản đồ số du lịch tỉnh Tuyên Quang”; Đăng cai và tổ chức thành công các sự kiện văn hóa cấp quốc gia và khu vực; Tham gia hội nghị, hội chợ xúc tiến, quảng bá đầu tư du lịch tại các tỉnh, thành

phổ; thường xuyên tổ chức đón các doanh nghiệp lữ hành trong nước khảo sát các tuyến, điểm du lịch và đưa khách du lịch đến Tuyên Quang.... Tuy nhiên, nguồn kinh phí còn hạn hẹp, chưa huy động được nguồn lực xã hội hóa; trình độ nghiệp vụ, phương tiện xúc tiến, quảng bá còn hạn chế và bất cập nên việc xúc tiến quảng bá vẫn còn nhỏ lẻ, chưa chuyên nghiệp, thiếu chiến lược dài hạn và chủ yếu quảng bá ở thị trường trong nước.

3.8. Hiện trạng đầu tư du lịch

Công tác đầu tư vào lĩnh vực du lịch của tỉnh đã được các cấp chính quyền quan tâm. Đầu tư cho du lịch nằm trong các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh diễn ra đồng thời với đầu tư của các ngành: giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, y tế, bảo hiểm, bảo tồn văn hoá, di tích lịch sử, bảo tàng.... Đầu tư trực tiếp cho các hoạt động du lịch do các chủ doanh nghiệp đảm nhiệm bao gồm các lĩnh vực: xây dựng, nâng cấp các khách sạn, nhà hàng; đào tạo, xúc tiến du lịch... Trong đó, giai đoạn 2021-2025 tổng vốn đầu tư cho phát triển du lịch là 14.315 tỷ đồng, trong đó vốn xã hội hóa là 4.277 tỷ đồng. Một số dự án đầu tư tiêu biểu như: Four Points Sheraton; Flamingo; Bách Thảo Ngân; Mường Thanh; Hoa Cương; HmongVillage; Papiu resort... Bên cạnh đó, giai đoạn 2021-2025 đã bố trí 65.130 triệu đồng thực hiện Dự án 6 về bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hệ thống giao thông phục vụ du lịch được đầu tư theo hướng kết nối liên vùng, hiện đại và bền vững. Tỉnh đã hoàn thành nâng cấp hơn 1.500 km đường các cấp, bảo đảm 100% xã có đường ô tô đến trung tâm, 100% thôn bản có đường xe cơ giới. Các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, huyện được đầu tư đồng bộ, kết nối các điểm du lịch trọng điểm, cửa khẩu và khu vực biên giới. Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn I) được triển khai; nhiều công trình như cầu vượt sông, đập dâng nước, bến thủy nội địa, cầu treo dân sinh đã góp phần cải thiện điều kiện tiếp cận và bảo đảm an toàn cho người dân, du khách.

Nhìn chung, công tác thu hút đầu tư du lịch đã đạt được nhiều thành tựu. Nhóm các dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư thuộc lĩnh vực du lịch - thương mại - dịch vụ (chiếm 40-50%), từng bước góp phần trong hoàn thiện hạ tầng, phát triển sản phẩm du lịch và kết nối với các trung tâm du lịch của vùng nhằm phát triển ngành du lịch tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

4. Một số điểm nghẽn trong phát triển du lịch

4.1. Thứ nhất, Điểm nghẽn về thể chế, chính sách: Các chính sách phát triển du lịch đã được ban hành nhưng khả năng thu hút thấp. Nguyên nhân do các dự án nằm trong đối tượng thu hút (điểm dừng chân, xây dựng sản phẩm du lịch mạo hiểm...) chịu sự tác động của nhiều quy định khác như đất đai, xây dựng, quy hoạch, an toàn...

Tính liên kết vùng, quy hoạch chưa thống nhất: Quy hoạch du lịch giữa các xã sau sáp nhập thiếu gắn kết, thiếu chiến lược phát triển tổng thể theo vùng sản phẩm đặc thù (văn hóa – lịch sử – sinh thái). Chưa có lộ trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả thực thi chính sách một cách liên tục.

Mức độ ưu tiên đầu tư công còn thấp: So với một số tỉnh miền núi khác, hàng năm ngân sách bố trí cho du lịch ở Tuyên Quang còn hạn chế dẫn đến chậm triển khai các dự án hạ tầng then chốt.

4.2. Thứ hai, điểm nghẽn về đầu tư, hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật: Hạ tầng chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư: Giao thông kết nối đến các điểm du lịch chính (hồ, rừng, di tích lịch sử) còn khó khăn dẫn đến chi phí vận chuyển và thời gian di chuyển cao. Cơ sở điện nước, internet, dịch vụ hỗ trợ tại điểm còn yếu.

Thiếu các dự án lớn mang tính “điểm nhấn”: Không có nhiều sản phẩm đầu tư quy mô (khu nghỉ dưỡng, văn hóa tổng hợp, công viên chủ đề, sân golf, resort sinh thái...) đủ tầm thu hút thị trường rộng. Nhiều dự án đăng ký nhưng triển khai chậm, hoặc dừng lại do thiếu vốn/đánh giá hiệu quả không chính xác.

Rủi ro trong thu hút đầu tư tư nhân: Thủ tục hành chính đầu tư phức tạp, thời gian cấp phép kéo dài. Thiếu cơ chế “chia sẻ rủi ro – lợi ích” để thu hút đầu tư vào loại hình mới (du lịch mạo hiểm, trải nghiệm bản địa...).

4.3. Thứ ba, điểm nghẽn về sản phẩm, tính mùa vụ trong du lịch: Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thiếu điểm nhấn. Phần lớn phát triển theo tuyến tham quan ngắn, thiếu sản phẩm đặc thù đủ sức giữ chân khách (không có sản phẩm nghỉ dưỡng dài ngày). Sản phẩm mới chủ yếu: du lịch sinh thái – cộng đồng, chưa đi sâu vào dịch vụ cao cấp hoặc đặc thù văn hóa. Chưa khai thác tốt tài nguyên bản địa. Nhiều giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống, nghề thủ công chưa được số hóa, tình trạng thương mại hóa dẫn đến mất cơ hội tăng giá trị gia tăng. Thiếu trải nghiệm gắn với bản sắc địa phương (âm nhạc, ẩm thực, nông nghiệp trải nghiệm...). Thiếu sản phẩm đêm, hoạt động ngoài trời tổ chức thường xuyên, các tour liên tuyến gắn với nhiều điểm đến khác nhau. Sản phẩm lặp lại thiếu hấp dẫn dẫn đến khó thu hút khách quay lại.

4.4. Thứ tư, điểm nghẽn về thương hiệu, xúc tiến quảng bá: Thiếu một bộ nhận diện thương hiệu du lịch thống nhất, khác biệt, có khả năng lan tỏa cao. Hoạt động quảng bá chủ yếu theo cách truyền thống, ít ứng dụng kỹ thuật số, ít hợp tác với KOL/Influencer du lịch. Không có chiến lược truyền thông dài hạn theo từng phân khúc khách (trẻ, quốc tế, gia đình...). Chưa có hệ thống dữ liệu khách du lịch theo thời gian thực, làm khó trong hoạch định chiến lược quảng bá dựa trên insight thị trường.

4.5. Thứ năm, điểm nghẽn về phối hợp liên ngành, liên kết vùng: Hoạt động quản lý phát triển ngành du lịch liên quan đến nhiều ngành và trực tiếp tại địa bàn nhưng công tác phối hợp có lúc chưa chặt chẽ, còn có sự đùn đẩy trách

nhiệm, thiếu chủ động trong xử lý tình huống. Các tuyến điểm mới chưa kết nối tốt với dịch vụ vận chuyển, lưu trú... dẫn đến trải nghiệm khách bị gián đoạn. Liên kết với nông nghiệp, giáo dục, công nghiệp bản địa để tạo chuỗi giá trị cho sản phẩm còn thấp. Phối hợp giữa Doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh và người dân còn chưa hiệu quả trong việc chia sẻ thông tin, chia sẻ lợi ích dẫn đến những hiểu lầm hoặc không hợp tác làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

4.6. Thứ sáu, điểm nghẽn về nhân lực du lịch: Thiếu nhân lực chất lượng cao: Nhân lực phục vụ du lịch (hướng dẫn viên, điều hành tour, kỹ năng ngoại ngữ...) thiếu số lượng và chất lượng. Các hoạt động đào tạo, tập huấn được tổ chức hàng năm, tuy nhiên tính hiệu quả chưa cao. Nội dung đào tạo còn cũ, thiếu kiến thức số hóa, kỹ năng phục vụ khách quốc tế. Nhiều cơ sở lưu trú, dịch vụ nhỏ lẻ chưa có tiêu chuẩn phục vụ chuyên nghiệp. Đặc biệt tại vùng nông thôn/xã vùng sâu: hiểu biết về marketing, ngoại ngữ, quản lý khách sạn – nhà hàng còn hạn chế.

II. Bối cảnh và xu hướng phát triển du lịch

1. Bối cảnh phát triển du lịch quốc tế và quốc gia có tác động đến du lịch tỉnh

Bối cảnh phát triển du lịch của tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050 đang đứng trước một "vận hội mới". Việc phân tích bối cảnh này cần đặt trong sự tương tác đa chiều giữa các xu hướng dịch chuyển toàn cầu và những điều chỉnh chiến lược cấp quốc gia, đặc biệt là sau dấu mốc sáp nhập địa giới hành chính.

Trước hết, sự thay đổi của bối cảnh du lịch quốc tế. Sự lên ngôi của du lịch trách nhiệm và kỹ thuật số trên phạm vi toàn cầu với các hình thức du lịch như du lịch xanh, du lịch trải nghiệm có chiều sâu, chú trọng các dịch vụ chất lượng hay việc quản lý sức chịu tải tại các điểm đến du lịch là những xu thế tăng trưởng nhanh chóng sau giai đoạn COVID-19. Tuyên Quang, với tỷ lệ che phủ rừng trên 65%, trở thành điểm đến lý tưởng cho mô hình phát triển du lịch xanh, du lịch Net-Zero và du lịch tái tạo.

Xu hướng chuyển đổi số và cá nhân hóa đang phát triển mạnh bằng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong cá nhân hóa hành trình trải nghiệm của du khách giúp Tuyên Quang tiếp cận trực tiếp luồng khách lẻ quốc tế thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các công ty lữ hành truyền thống. Bên cạnh đó, các xu hướng du lịch như thích ứng biến đổi khí hậu có thể xây dựng tại Khu danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình gắn với các mô hình thích ứng bền vững, giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học.

Thứ hai, định hướng chiến lược và quy hoạch quốc gia. Theo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030 (Quyết định 509/QĐ-TTg), Chính phủ xác định Tuyên Quang thuộc tiểu vùng du lịch Việt Bắc, tập trung vào dòng sản phẩm văn hóa - lịch sử và sinh thái núi rừng. Đồng thời, Nghị quyết số 11-NQ/TW đã chỉ ra định hướng vùng Trung du và Miền núi phía Bắc trở thành vùng phát triển xanh,

bền vững và toàn diện. Tuyên Quang với vai trò trung tâm du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng trọng điểm của cả khu vực.

Thứ ba, tác động từ chủ trương sáp nhập địa giới (Tuyên Quang mới bao gồm Tuyên Quang và Hà Giang). Việc sáp nhập Tuyên Quang và Hà Giang (theo Nghị quyết 202/2025/QH15) đã tạo ra một thực thể du lịch có quy mô và phạm vi lớn. Các di sản lớn của hai địa phương được hợp nhất và tạo thành chuỗi di sản như các di sản gắn với cách mạng "Thủ đô Kháng chiến" (Tuyên Quang) và "Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn" (Hà Giang) tạo ra một sản phẩm du lịch độc nhất trên bản đồ Việt Nam. Mặt khác, việc sáp nhập địa giới hành chính còn khẳng định vị thế kinh tế của tỉnh, từ vị trí 6/9 về lượng khách (trước sáp nhập), Tuyên Quang nhanh chóng vươn lên nhóm dẫn đầu các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc nhờ khả năng tích hợp luồng khách quốc tế từ Hà Giang cũ và năng lực lưu trú cao cấp từ Tuyên Quang.

Thứ tư, các điều kiện thuận lợi trong liên kết vùng và hợp tác quốc tế tại tỉnh Tuyên Quang. Hành lang kinh tế xuyên biên giới với sự kết nối trực tiếp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) qua cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy mở ra cơ hội khai thác thị trường khách lớn từ Tây Nam, Trung Quốc. Trục cao tốc chiến lược như tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai đã xóa bỏ rào cản về hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi để Tuyên Quang trở thành "cửa ngõ" của trung tâm du lịch lớn của các nước là Hà Nội và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

Nhìn chung, du lịch Tuyên Quang trong giai đoạn mới, không chỉ khai thác các du lịch ở dạng tiềm năng mà đã trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh và vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhờ tận dụng tốt lợi thế từ việc sắp xếp đơn vị hành chính và hạ tầng giao thông đột phá.

2. Xu hướng phát triển du lịch quốc tế và trong nước

Theo Báo cáo thường niên của Tổ chức Du lịch Liên Hợp Quốc (UN Tourism) năm 2025, lượng khách du lịch trên toàn cầu đạt 1,52 tỷ khách du lịch nhiều hơn gần 60 triệu người so với năm 2024. Trong đó, các nhu cầu du lịch vẫn tăng trưởng mạnh trước những thách thức lớn như lạm phát, các vấn đề về chính trị hay chiến tranh. Đồng thời, các chính sách mới của các nước như tăng cường kết nối hàng không, giảm các thủ tục liên quan đến thị thực (visa) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi du lịch của khách du lịch. Các thị trường du lịch lớn nhất trên thế giới như Châu Âu khoảng 793 triệu lượt khách quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương khoảng 331 triệu lượt khách,... Doanh thu du lịch trên toàn cầu cũng tăng trưởng mạnh với mức chi tiêu cao, ước tính doanh thu đạt 1,9 nghìn tỷ USD, đồng thời dự kiến khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ là khu vực phục hồi và tăng trưởng mạnh nhất trong năm 2026.

Bên cạnh các kết quả tăng trưởng, xu hướng du lịch trên thế giới cũng chịu ảnh hưởng từ các thách thức như: tình hình chính trị, các cuộc xung đột đang diễn ra tại một số quốc gia như các chính sách mới của Mỹ, xung đột Nga - Ukraine, bất ổn chính trị tại Israel, chiến tranh biên giới tại Thái Lan - Campuchia, hay thách thức đến từ cuộc cách mạng công nghệ AI,... tạo ra những thách thức trong sự phát triển chung của ngành du lịch thế giới và Việt Nam.

Tại Việt Nam, các xu hướng du lịch cũng đã thay đổi với nhiều sản phẩm, thói quen tiêu dùng và sự quan tâm mới của khách du lịch. Theo Báo cáo Triển vọng Du lịch Việt Nam năm 2026 của Agoda nhấn mạnh các yếu tố như: đơn giản hoá thủ tục thị thực, hay các lựa chọn hướng đến giá trị và khám phá văn hoá sẽ là ưu tiên lựa chọn của người Việt Nam đi du lịch nước ngoài. Đối với xu hướng du lịch nội địa, các dự báo cho thấy rằng, số lượng người Việt Nam đi du lịch trong nước sẽ tăng gấp đôi so với năm trước, trong đó như thế hệ Gen Z sẽ đi du lịch trong năm 2026 sẽ tăng hơn 54%,.... Về động cơ du lịch, tỷ lệ người Việt Nam lựa chọn đi du lịch với các mục đích như: Nghỉ ngơi, thư giãn (45%), khám phá văn hoá (43%), trải nghiệm ẩm thực (35%), du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng,...

Theo dữ liệu từ Booking.com cho thấy du khách Việt Nam năm 2025-2026 hướng tới các trải nghiệm mang tính cá nhân hoá cao, du lịch bền vững và gắn kết gia đình. Các xu hướng chính bao gồm du lịch về đêm, du lịch bền vững ưu tiên các trải nghiệm độc đáo, ý nghĩa thay vì chỉ nghỉ dưỡng thuần túy. Báo cáo này cũng chỉ ra rằng có tới 96% du khách Việt Nam quan tâm đến du lịch bền vững và muốn có các lựa chọn thân thiện với môi trường, cộng đồng. Du khách thường ưu tiên chọn các điểm đến mát mẻ, tránh quá tải và giảm thiểu tác động. Đồng thời, tỷ lệ khách du lịch Việt Nam ưu tiên du lịch biển (61%), thiên nhiên (59%), và 41% có dự định tăng ngân sách du lịch để tạo trải nghiệm ý nghĩa. Những xu hướng này cho thấy du lịch chuyển dịch qua những chuyến đi giàu trải nghiệm, khám phá có chiều sâu về văn hoá, tự nhiên thay vì những chuyến đi tham quan đơn thuần.

Nhìn chung, trước những xu hướng vận động của thị trường du lịch quốc tế và nội địa tập trung vào các chuyến đi du lịch chú trọng trải nghiệm có chiều sâu về văn hoá bản địa, cảnh quan tự nhiên, thư giãn, đồng thời có sự tham gia mạnh mẽ của các yếu tố công nghệ. Vì vậy, việc phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn sắp tới cần chú trọng đến các sản phẩm du lịch phù hợp với xu hướng của thị trường như sản phẩm du lịch trải nghiệm chiều sâu văn hoá các dân tộc thiểu số, văn hoá địa phương, trải nghiệm ẩm thực, hay các sản phẩm du lịch gắn gũi với thiên nhiên, chú trọng đến việc nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ, đồng thời cần chú trọng và tích hợp công nghệ số trong trải nghiệm của khách du lịch như công nghệ AI, thanh toán thông minh hay các dịch vụ đặt phòng trực tuyến.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

I. Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch

1. Quan điểm phát triển

- Phát huy tối đa hiệu quả các giá trị lịch sử cách mạng, thiên nhiên, văn hóa, tâm linh để xây dựng, phát triển thương hiệu về du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, xanh, bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, con người Tuyên Quang, là điểm đến an toàn, hấp dẫn, độc đáo và là một trong các điểm đến đẹp nhất thế giới, điểm đến văn hóa khu vực hàng đầu châu Á.

- Đầu tư phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm; phát huy tối đa lợi thế cảnh quan tự nhiên, di sản địa chất, bản sắc văn hóa truyền thống và hệ sinh thái đa dạng. Ưu tiên phát triển các vùng có tiềm năng đặc biệt, có khả năng hình thành khu du lịch quốc gia hoặc trung tâm du lịch chuyên đề, tạo động lực phát triển du lịch cho toàn tỉnh; đồng thời chú trọng kết nối các điểm đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Phát triển không gian du lịch gắn với ba trụ cột chiến lược: (1) kinh tế di sản; (2) công nghiệp văn hóa; (3) kinh tế cửa khẩu; xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn đóng vai trò thúc đẩy chuỗi giá trị liên ngành: Du lịch – nông nghiệp đặc sản – công nghiệp chế biến – thương mại dịch vụ. Ngành du lịch tạo điều kiện thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP, phát triển đô thị và nâng tầm thương hiệu địa phương.

- Gắn kết phát triển không gian du lịch với không gian đô thị, dịch vụ, thương mại - biên mậu; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác quốc tế; khai thác thị trường quốc tế và nội địa.

- Phát triển du lịch đi đôi với bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của đồng bào các dân tộc; phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh theo hướng tăng trưởng bền vững, hình thành hệ thống sản phẩm đặc thù, chất lượng cao, có sức cạnh tranh trong khu vực. Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu và hạ tầng du lịch trọng điểm gắn với các khu du lịch quốc gia: Cao nguyên đá Đồng Văn, Tân Trào và Na Hang – Lâm Bình. Đẩy mạnh hệ sinh thái du lịch thông minh, xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, hội nhập, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, quốc phòng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

- Tổng lượt khách du lịch đạt 6 triệu lượt, trong đó 0,9 triệu lượt khách quốc tế. Tổng chi tiêu từ khách du lịch: ước đạt 16.300 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân năm trên 10%; đóng góp của du lịch vào GRDP trên 10% GRDP.

- Phân đầu được công nhận 02 Khu du lịch quốc gia: Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn và Khu du lịch quốc gia Tân Trào. Khu du lịch Na Hang – Lâm Bình được hoàn thiện hạ tầng, tiêu chí theo quy hoạch, đủ điều kiện để lập hồ sơ đề nghị công nhận trong giai đoạn tiếp theo.

- Phân đầu 100% các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh áp dụng chuyển đổi số và số hoá tài nguyên du lịch phục vụ khách du lịch.

- Tối thiểu 20% các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đạt chứng nhận hoặc nhãn du lịch bền vững.

- Tạo việc làm và thu hút khoảng 40.000 lao động trong chuỗi giá trị du lịch (bao gồm lao động trực tiếp và gián tiếp);. Tỷ trọng lao động du lịch chiếm 12-15% lao động xã hội; tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên môn đạt trên 80%.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, tính chuyên nghiệp và năng lực hội nhập của ngành du lịch thông qua việc tăng tỷ lệ lao động được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng nghề, gắn với phát triển bền vững và chuyển đổi số.

b) Đến năm 2035:

- Tổng lượng khách du lịch đạt 8 triệu lượt khách, trong đó khoảng 1,3 triệu lượt khách quốc tế, tổng chi tiêu từ khách du lịch đạt khoảng 18.000 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân trên 15%; đóng góp của du lịch vào GRDP là 18 - 20% GRDP.

- Khu danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình được công nhận là khu du lịch quốc gia tạo nền tảng hoàn thiện mạng lưới các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

- Tạo việc làm và thu hút khoảng 65.000 lao động trong chuỗi giá trị du lịch (bao gồm lao động trực tiếp và gián tiếp);

- Tối thiểu 50% các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đạt chứng nhận hoặc nhãn du lịch bền vững.

- Cơ bản hình thành hệ thống du lịch thông minh, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý, xúc tiến và nâng cao trải nghiệm du khách; thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đưa vào vận hành các dự án du lịch quy mô lớn về nghỉ dưỡng, sinh thái và văn hóa đặc thù của tỉnh.

c) Tầm nhìn đến 2050: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, xanh và bền vững; xây dựng Tuyên Quang

trở thành trung tâm du lịch quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc, có thương hiệu và năng lực cạnh tranh cao trên bản đồ du lịch quốc gia và quốc tế. Phát huy hiệu quả giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu du lịch quốc gia Tân Trào, Khu du lịch Na Hang – Lâm Bình cùng hệ thống di sản văn hoá, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc các dân tộc để hình thành hệ thống sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao. Hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được đầu tư đồng bộ, hiện đại; môi trường du lịch an toàn, văn minh, thân thiện; góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2050, số lượt khách du lịch khoảng 20 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 150.000 tỷ đồng, ngành du lịch đóng góp khoảng 30-40% vào GRDP của tỉnh.

II. Chiến lược then chốt phát triển du lịch tỉnh

1. Chiến lược phát triển sản phẩm

1.1. Mục tiêu: Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các điểm đến miền núi phía Bắc, việc phát triển sản phẩm du lịch của tỉnh không thể tiếp tục dựa trên việc khai thác các giá trị tài nguyên du lịch sẵn có mà phải chuyển sang tư duy xây dựng hệ sinh thái sản phẩm có chiều sâu, có phân khúc và có khả năng tạo giá trị gia tăng cao. Mục tiêu của chiến lược này là hình thành các nhóm sản phẩm chủ lực mang tính nhận diện rõ ràng, đồng thời kết nối chúng thành các chuỗi trải nghiệm liên hoàn, qua đó kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách.

1.2. Nội dung: Nội dung triển khai tập trung vào việc khai thác tính độc đáo giữa tài nguyên địa chất - cảnh quan núi đá với tài nguyên sinh thái hồ, rừng và di tích lịch sử. Các sản phẩm du lịch địa chất, khám phá và mạo hiểm được định vị ở phân khúc trung và cao cấp, hướng tới khách quốc tế và nhóm khách trẻ có nhu cầu trải nghiệm sâu. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch cộng đồng được phát triển theo hướng “du lịch chậm”, gắn với bảo tồn văn hóa và cải thiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số. Các sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng và lễ hội được tái cấu trúc để không chỉ phục vụ tham quan ngắn ngày, mà trở thành một phần trong hành trình trải nghiệm tổng thể.

1.3. Ngân sách: Ngân sách nhà nước chủ yếu đóng vai trò “dẫn dắt”, hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm, xây dựng mô hình thí điểm, tiêu chuẩn hóa dịch vụ và đào tạo cộng đồng, chiếm khoảng 10-15% tổng nguồn lực. Vốn đầu tư cho cơ sở lưu trú, dịch vụ trải nghiệm và khai thác sản phẩm đến từ doanh nghiệp và các nhà đầu tư chiến lược (vốn xã hội hoá), đặc biệt trong các khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng.

2. Chiến lược tiếp thị, quảng bá và phát triển thị trường

2.1. Mục tiêu: Mục tiêu của chiến lược này là xây dựng một hình ảnh điểm đến thống nhất, vừa kế thừa được giá trị thương hiệu sẵn có, vừa mở rộng

không gian nhận diện sang các phân khúc mới, hướng tới tăng trưởng chất lượng thay vì số lượng.

2.2. Nội dung: Chiến lược được triển khai thông qua việc tái định vị thương hiệu du lịch tỉnh theo thông điệp nhấn mạnh hành trình trải nghiệm đa dạng, từ núi đá hùng vĩ đến rừng xanh và không gian văn hóa - lịch sử. Công tác xúc tiến được chuyển dịch mạnh sang nền tảng số, tận dụng mạng xã hội, nội dung số và hợp tác với các nhà sáng tạo nội dung để kể câu chuyện điểm đến một cách chân thực và hấp dẫn. Cùng với đó là duy trì sự hiện diện có chọn lọc tại các hội chợ du lịch quốc tế trọng điểm, nhằm tiếp cận các thị trường có mức chi tiêu cao và nhu cầu trải nghiệm bền vững.

Với các thị trường mục tiêu, ngành du lịch Tuyên Quang tiếp tục hướng đến các phân khúc giá trị cao, có mức chi tiêu cao hơn thay du lịch đại chúng trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó, với từng phân khúc, cần xây dựng những sản phẩm và dịch vụ phù hợp đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của từng phân khúc khách hàng mục tiêu.

Đối với thị trường khách siêu sang, các sản phẩm và dịch vụ xây dựng riêng biệt, trải nghiệm chiều sâu văn hoá, cảnh quan ngoạn mục như Cao nguyên đá Đổng Văn, sông Nho Quế, đèo Mã Pì Lèng, Tây Côn Lĩnh, Khu sinh thái Na Hang – Lâm Bình,... Cần chú ý tách các trải nghiệm hạng sang khỏi các trải nghiệm du lịch đại chúng.

Đối với thị trường hạng sang, tập trung vào các hạ tầng dịch vụ chất lượng cao như lưu trú (khách sạn, resort), vận chuyển, các trải nghiệm văn hoá, cộng đồng giàu bản sắc.

Đối với thị trường khách phổ thông và bình dân tập trung khai thác các thị trường nội địa, và một số thị trường quốc tế chi trả không quá cao bằng các sản phẩm và dịch vụ như tham quan, check-in, lưu trú homestay,...

2.3. Ngân sách: Ngân sách dành cho xúc tiến và xây dựng thương hiệu thường chiếm khoảng 5-10% tổng ngân sách du lịch, trong đó ưu tiên các hoạt động có khả năng đo lường hiệu quả và tạo tác động dài hạn, thay vì dàn trải theo phong trào.

3. Chiến lược phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

3.1. Mục tiêu: Mục tiêu của chiến lược này là tạo ra hệ thống hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các tiểu vùng du lịch và nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách.

3.2. Nội dung: Chiến lược tập trung vào đầu tư hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hoàn thiện các tuyến đường vào khu du lịch trọng điểm, phát triển bến thuyền, điểm dừng chân, trung tâm thông tin du lịch và các công trình hỗ trợ an

toàn, cứu hộ. Đồng thời, khuyến khích phát triển đa dạng loại hình lưu trú từ homestay đạt chuẩn, ecolodge đến resort sinh thái cao cấp, phù hợp với đặc điểm từng vùng. Về nguồn lực, đây là lĩnh vực cần tỷ trọng ngân sách lớn nhất.

3.3. Ngân sách: Ngân sách nhà nước tập trung cho hạ tầng khung và các công trình công cộng, trong khi khu vực tư nhân đầu tư vào cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch. Mô hình hợp tác công - tư được xem là giải pháp then chốt để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực du lịch

4.1. Mục tiêu: Mục tiêu của chiến lược này là nâng cao chất lượng dịch vụ một cách bền vững, thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho lao động địa phương và tăng cường vai trò làm chủ của cộng đồng trong chuỗi giá trị du lịch.

4.2. Nội dung: Chiến lược tập trung vào đào tạo nghề du lịch, ngoại ngữ, kỹ năng quản lý và an toàn cho các loại hình du lịch đặc thù như du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái. Đồng thời, xây dựng cơ chế liên kết giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cộng đồng để bảo đảm đào tạo gắn với nhu cầu thực tế.

4.3. Ngân sách: Ngân sách cho lĩnh vực này không lớn, thường khoảng 3–5%, nhưng mang lại hiệu quả lan tỏa lâu dài.

5. Chiến lược bảo tồn tài nguyên và phát triển bền vững

5.1. Mục tiêu: Mục tiêu của chiến lược này là bảo đảm du lịch trở thành công cụ hỗ trợ bảo tồn, thay vì là nguyên nhân gây áp lực lên tài nguyên.

5.2. Nội dung: Chiến lược được triển khai thông qua việc xác định sức chứa du lịch, áp dụng các tiêu chuẩn du lịch xanh, giảm thiểu rác thải và phát thải carbon, đồng thời tái đầu tư một phần doanh thu du lịch cho công tác bảo tồn. Ban hành bộ quy chế quản lý kiến trúc – cảnh quan vùng Cao nguyên đá Đồng Văn, áp dụng cho tất cả các hoạt động liên quan đến xây dựng nhà ở, các công trình kiến trúc đặc biệt là các công trình phục vụ du lịch. Trong đó, quy định chiều cao công trình tối đa tại các khu vực trong Cao nguyên đá Đồng Văn; kiểm soát vật liệu xây dựng như hạn chế bê tông hoá, bằng các vật liệu thân thiện với môi trường, hài hoà với cảnh quan thiên nhiên. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các biển quảng cáo, pano tấm lớn.

Xây dựng các chính sách thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo tồn tài nguyên và phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Thực hiện các đánh giá tác động môi trường và xã hội (SIA) một cách minh bạch trước khi cấp phép các dự án lớn. Người dân cần được thông báo về các thay đổi khi phát triển các dự án về du lịch. Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng bằng việc trích lập một phần doanh thu từ các khu du lịch trọng điểm để tái đầu tư vào hạ tầng dân sinh và bảo tồn văn hóa tại địa phương. Duy trì sự tham gia thường xuyên của cộng đồng vào các hoạt động hoặc dự án phát triển du lịch tại địa phương.

5.3. Ngân sách: Nguồn lực cho chiến lược này đến từ ngân sách môi trường, các chương trình hỗ trợ quốc tế và đóng góp của doanh nghiệp du lịch.

6. Chiến lược hợp tác, liên kết

6.1. Mục tiêu: Mục tiêu cốt lõi của chiến lược này là nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Tuyên Quang trong bức tranh tổng thể của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời giảm gánh nặng đầu tư cho ngân sách nhà nước.

6.2. Nội dung: Nội dung trọng tâm của chiến lược trước hết là tăng cường liên kết nội vùng trong phạm vi tỉnh sau sáp nhập, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tiểu vùng du lịch đã được quy hoạch. Các địa phương không phát triển du lịch theo hướng cạnh tranh lẫn nhau, mà cùng tham gia vào chuỗi giá trị chung, trong đó mỗi khu vực đảm nhận một vai trò cụ thể trong hành trình trải nghiệm của du khách. Trên cơ sở đó, tỉnh chủ động mở rộng liên kết với các tỉnh lân cận như Cao Bằng, Phú Thọ, Lào Cai để hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh, đặc biệt là các tuyến khám phá Đông Bắc và kết nối Đông Bắc – Tây Bắc. Việc liên kết này không chỉ nhằm tăng lượng khách, mà quan trọng hơn là kéo dài thời gian lưu trú và phân bổ lại dòng khách, giảm áp lực lên các điểm đến đang quá tải. Đồng thời, liên kết quốc tế với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á bằng các chính sách hợp tác giao lưu văn hoá, giao lưu thương mại, du lịch quốc tế cần được thực hiện.

Song song với liên kết vùng, chiến lược hợp tác công – tư đóng vai trò then chốt trong việc huy động vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ khu vực doanh nghiệp. Nhà nước tập trung vào vai trò kiến tạo, thông qua việc hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm quyền tiếp cận đất đai và tài nguyên một cách minh bạch, ổn định. Khu vực tư nhân được khuyến khích tham gia đầu tư vào các khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ vui chơi giải trí và các sản phẩm du lịch giá trị cao. Đối với những lĩnh vực đòi hỏi vốn lớn nhưng khả năng thu hồi chậm như hạ tầng du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, mô hình hợp tác công - tư được xem là giải pháp phù hợp để chia sẻ rủi ro và lợi ích giữa các bên. Tăng cường liên kết với các hãng lữ hành quốc tế trong tổ chức các tour, tuyến du lịch, quảng bá du lịch quốc tế.

Đẩy mạnh hợp tác liên ngành trong phát triển du lịch, trong đó ngành du lịch Tuyên Quang cần liên kết chặt chẽ với các cơ quan, ngành liên quan trong phát triển du lịch như liên kết với ngành Nông nghiệp và Môi trường, các công ty, doanh nghiệp địa phương về vấn đề môi trường, xử lý rác thải, nước thải; đồng thời thiết lập cơ chế liên ngành (Môi trường, Xây dựng, Giao thông,...); Số hóa quy hoạch không gian và hiện trạng môi trường để các bên liên quan có thể truy cập và giám sát chéo. Thiết lập các tổ công tác liên ngành xử lý các vấn đề phát sinh về ô nhiễm hoặc vi phạm quy hoạch tại các khu điểm du lịch trọng điểm.

Vận hành mô hình hợp tác Công - Tư - cộng đồng địa phương, trong đó, vai trò của cộng đồng địa phương được coi trọng trong mọi hoạt động phát triển du lịch. Xây dựng được cơ chế lấy ý kiến hoặc tham gia của cộng đồng địa phương trong các dự án phát triển du lịch có liên quan đến cộng đồng hoặc sử dụng tài nguyên du lịch trong cộng đồng. Thành lập và vận hành Ban giám sát độc lập để đảm bảo minh bạch tài chính và tuân thủ các cam kết về môi trường/văn hóa tại các điểm đến du lịch cộng đồng.

6.3. Ngân sách: Về nguồn lực thực hiện, ngân sách nhà nước chủ yếu được sử dụng cho công tác xúc tiến liên kết, xây dựng cơ chế phối hợp vùng, hỗ trợ chuẩn bị dự án và đầu tư hạ tầng khung. Phần lớn nguồn vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án du lịch đến từ khu vực tư nhân và các nhà đầu tư chiến lược. Tỷ trọng ngân sách dành cho chiến lược này không chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi, nhưng có vai trò kích hoạt và dẫn dắt các dòng vốn xã hội hóa.

7. Chiến lược chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

7.1. Mục tiêu: Mục tiêu của chiến lược này là nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, cải thiện trải nghiệm của du khách và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế.

7.2. Nội dung: Nội dung của chiến lược tập trung vào việc xây dựng hệ sinh thái du lịch số đồng bộ, bắt đầu từ khâu quản lý tài nguyên, điểm đến và doanh nghiệp du lịch. Việc số hóa dữ liệu tài nguyên du lịch, di tích, lễ hội, cơ sở lưu trú và dịch vụ giúp cơ quan quản lý có cơ sở khoa học để theo dõi sức chứa, dự báo dòng khách và đưa ra các quyết định điều tiết phù hợp. Đồng thời, các nền tảng số phục vụ du khách như bản đồ du lịch thông minh, hệ thống đặt dịch vụ, vé điện tử và hướng dẫn trải nghiệm số được phát triển nhằm nâng cao sự tiện lợi và cá nhân hóa hành trình du lịch.

Bên cạnh đó, công nghệ số được ứng dụng mạnh mẽ trong công tác xúc tiến và xây dựng thương hiệu, thông qua việc kể câu chuyện điểm đến bằng hình ảnh, video, thực tế ảo và các nền tảng mạng xã hội. Điều này đặc biệt phù hợp với các sản phẩm du lịch trải nghiệm, khám phá và sinh thái của Tuyên Quang, vốn khó truyền tải đầy đủ giá trị nếu chỉ dựa vào các hình thức quảng bá truyền thống. Chuyển đổi số cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ, hộ gia đình và cộng đồng địa phương tham gia sâu hơn vào thị trường du lịch, thông qua các nền tảng bán hàng trực tuyến và kết nối trực tiếp với du khách.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phát triển du lịch từ các nguồn lực của địa phương. Trong đó, thiết lập các quỹ khuyến khích đầu tư hoặc cơ chế tín dụng ưu đãi có mục tiêu, cho phép các doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn dựa trên đánh giá về tiềm năng đổi mới và tác động xã hội thay vì chỉ dựa trên tài sản thế chấp truyền thống. Xây dựng khung chính sách ưu đãi về thuế, phí và không gian thử nghiệm cho các mô hình kinh doanh tuần hoàn, du lịch xanh và các giải

pháp công nghệ hỗ trợ quản lý điểm đến. Tập trung vào việc chuyển hóa các tài sản văn hóa phi vật thể và sản vật địa phương thành các sản phẩm dịch vụ hoàn chỉnh; hỗ trợ kỹ thuật về chuyển đổi số và quản trị trải nghiệm khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

7.3. Ngân sách: Về nguồn lực, ngân sách nhà nước giữ vai trò đầu tư ban đầu cho hạ tầng số, xây dựng cơ sở dữ liệu và các nền tảng dùng chung, chiếm khoảng 3–5% tổng ngân sách phát triển du lịch. Phần lớn chi phí vận hành, nâng cấp và khai thác các ứng dụng số được xã hội hóa thông qua sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp du lịch và các dự án hợp tác quốc tế. Hiệu quả của chiến lược này không chỉ thể hiện ở việc giảm chi phí quản lý, mà còn ở khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh và tính bền vững của du lịch Tuyên Quang trong dài hạn.

III. Các định hướng phát triển

1. Định hướng không gian phát triển du lịch gắn với vùng kinh tế

Theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; không gian kinh tế tỉnh Tuyên Quang được tổ chức theo hướng: 1 trục động lực, 2 cực tăng trưởng, 3 vùng kinh tế, 4 hành làng phát triển, 5 trụ cột phát triển². Như vậy, tỉnh Tuyên Quang sẽ có 3 vùng kinh tế bao gồm: Vùng Tây Bắc; vùng Đông Bắc và vùng phía Nam.

Không gian du lịch là khu vực địa lý chứa tài nguyên du lịch (tự nhiên, văn hóa), được quy hoạch, đầu tư hạ tầng và dịch vụ để phục vụ nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí của du khách. Nó không chỉ là địa điểm vật lý mà còn là mạng lưới trải nghiệm, hình ảnh và dịch vụ kết nối các điểm đến. Đồng thời, không gian du lịch là một bộ phận không thể tách rời của không gian phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, không gian phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang sẽ phát triển tập trung với 03 không gian, bao gồm:

1.1. Vùng phía Tây Bắc: Sinh thái – Nghỉ dưỡng

- Phạm vi: bao gồm các xã phía Tây Bắc của tỉnh.
- Loại hình và sản phẩm du lịch chủ đạo: Du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, trải nghiệm thiên nhiên, du lịch mạo hiểm,... gắn với tài nguyên du lịch thiên nhiên, rừng núi, ruộng bậc thang tại Hoàng Su Phì, Xín Mần, Tây Côn Lĩnh,....

1.2. Vùng phía Đông Bắc: Di sản – Cộng đồng

- Phạm vi: bao gồm các xã phía Đông Bắc của tỉnh.
- Loại hình và sản phẩm du lịch chủ đạo: Du lịch di sản, du lịch địa chất gắn với Công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn, du lịch cộng đồng tại các bản làng du

² Điều chỉnh Quy hoạch phát triển tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

lịch văn hoá như Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ,... du lịch mạo hiểm gắn với các cảnh quan thiên nhiên như đèo Mã Pì Lèng, sông Nho Quế,...

1.3. Vùng phía Nam: Văn hoá – Lịch sử

- Phạm vi: bao gồm các xã phía Nam của tỉnh.

- Loại hình và sản phẩm chủ đạo: Du lịch văn hoá, du lịch lịch sử cách mạng gắn với các di tích Tân Trào; du lịch hoài niệm, du lịch lễ hội như lễ hội Thành Tuyên; du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe gắn với khoáng nóng Mỹ Lâm.

2. Định hướng phát triển không gian du lịch gắn với loại hình sản phẩm

2.1. Không gian lịch sử – cách mạng: Phát triển du lịch lịch sử về nguồn gắn với các địa danh tiêu biểu như: Tân Trào, Kim Bình, Mặt trận biên giới Vị Xuyên, Căng Bắc Mê và các cụm di tích lịch sử, cách mạng tiêu biểu trên địa bàn tỉnh; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục truyền thống, tri ân và trải nghiệm văn hóa – lịch sử; từng bước hoàn thiện các điều kiện cần thiết để xây dựng khu du lịch lịch sử – cách mạng có thương hiệu, sức lan tỏa cao.

2.2. Không gian di sản địa chất: Phát triển du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, khai thác giá trị di sản văn hóa dân tộc, di sản địa chất, cảnh quan đặc sắc; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản với phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm, khám phá, mạo hiểm và làng nghề truyền thống. Phát huy giá trị và uy tín quốc tế đã được vinh danh là “Điểm đến văn hóa hàng đầu thế giới”, từng bước khẳng định vai trò trung tâm du lịch di sản văn hóa - địa chất tiêu biểu, có sức cạnh tranh cao ở tầm khu vực và quốc tế.

2.3. Không gian sinh thái: Phát triển du lịch sinh thái gắn với hệ thống lòng hồ, sông, suối và rừng đặc dụng của tỉnh; khai thác hợp lý giá trị cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học và môi trường sinh thái đặc thù. Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch đường thủy, du lịch trải nghiệm thiên nhiên và các mô hình du lịch cộng đồng tiêu biểu; gắn với triển khai các đề án du lịch sinh thái rừng đã được phê duyệt, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế du lịch bền vững.

2.4. Không gian danh thắng quốc gia ruộng bậc thang và vùng thảo nguyên xanh: Phát triển du lịch gắn với danh thắng quốc gia ruộng bậc thang phía Tây và thảo nguyên Suối Thầu, khai thác giá trị tri thức canh tác ruộng bậc thang trên triền dốc kết hợp không gian thảo nguyên xanh vùng cao. Định hướng phát triển du lịch cộng đồng, trải nghiệm mùa vụ, dã ngoại và văn hóa bản địa; hình thành không gian du lịch nông nghiệp – thảo nguyên tiêu biểu, góp phần bảo tồn tri thức truyền thống và tạo sinh kế bền vững cho người dân.

2.5. Không gian nghỉ dưỡng: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với suối khoáng Mỹ Lâm, suối khoáng Quảng Ngần, suối khoáng Thanh Hà và suối khoáng Nậm Choong; định hướng hình thành các sản phẩm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe

cao cấp, du lịch dược liệu và nghỉ dưỡng dài ngày. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút đầu tư các cơ sở lưu trú và nghỉ dưỡng chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách và góp phần gia tăng giá trị của ngành du lịch.

2.6. Không gian du lịch tâm linh – lễ hội: Phát triển du lịch gắn với hệ thống di tích tâm linh, tín ngưỡng và lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh. Định hướng tổ chức, nâng cao chất lượng các lễ hội tiêu biểu như Lễ hội Thành Tuyên, chợ phong lưu Khau Vai, lễ hội hoa Tam giác mạch, lễ hội Nhảy lửa, Gầu Tào, Lồng Tông, Hoa Lê, hoa Đào...; hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa – lễ hội đặc trưng, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch.

3. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Căn cứ theo không gian phát triển du lịch, hệ thống các sản phẩm du lịch tỉnh Tuyên Quang được định hướng phát triển cụ thể như sau:

3.1. Vùng phía Tây Bắc: Sinh thái – Nghỉ dưỡng

- Sản phẩm du lịch sinh thái gắn với thiên nhiên trong các khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng như Tây Côn Lĩnh, Xín Mần, Linh Hồ, Minh Ngọc,...;
- Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, trải nghiệm thiên nhiên gắn với tài nguyên rừng, núi kết hợp văn hoá địa phương của các dân tộc thiểu số;
- Sản phẩm du lịch mạo hiểm như leo núi, trekking, khám phá rừng tự nhiên tại Tây Côn Lĩnh.

- Sản phẩm du lịch biên mậu: phát triển kinh tế cửa khẩu với các dịch vụ như mua sắm miễn thuế, Casino, giao lưu văn hoá, thương mại quốc tế giữa Việt Nam – Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy - Thiên Bảo...

-+ Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm loại hình Farmstay (nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt,...) kết hợp với dược liệu tại các xã có thế mạnh về chăn nuôi, trồng trọt nông nghiệp sạch như Linh Hồ, Minh Ngọc, v.v.

- Sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm văn hoá, bản sắc dân tộc tại bản Khun, xã Bằng Lang.

3.2. Vùng phía Đông Bắc: Di sản – Cộng đồng

- Sản phẩm du lịch gắn với di sản là Công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn, các hoạt động như trải nghiệm, tìm hiểu, thám hiểm các giá trị của công viên địa chất gắn với văn hoá bản địa các dân tộc thiểu số;

- Sản phẩm du lịch địa chất: Tập trung khai thác các hoạt động du lịch nghiên cứu chuyên đề về địa chất, địa mạo, tìm hiểu các giá trị khoa học của Công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn;

- Sản phẩm du lịch cộng đồng: Tập trung bảo tồn phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể nhất là kiến trúc truyền thống đặc trưng, xây dựng trở thành làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với sản phẩm OCOP. Nâng cấp một số làng văn hóa

du lịch cộng đồng tiêu biểu để nhân rộng như: Làng văn hóa Lô Lô Chải (văn hóa du lịch cộng đồng tiêu biểu kiến trúc truyền thống dân tộc Lô Lô), Làng văn hóa du lịch thôn Nậm Dăm (theo tiêu chuẩn ASEAN), Làng văn hóa dân tộc Tày Làng văn hóa dân tộc Dao Tiên, Làng văn hóa dân tộc Sán Chay...;

- Sản phẩm du lịch biên mậu: kết nối giao lưu văn hoá, thương mại quốc tế, kết nối tour tuyến du lịch giữa Việt Nam – Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu...;

- Sản phẩm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng vùng lòng hồ thủy điện Na Hang – Lâm Bình gắn với khai thác các giá trị di sản tự nhiên của rừng phòng hộ Na Hang – Lâm Bình;

- Sản phẩm du lịch mạo hiểm tại thác Khuổi Nhi, thác Nậm Mè, gắn với văn hoá bản địa tại vùng Na Hang – Lâm Bình; du lịch mạo hiểm khám phá hồ sụt Hà Giang (thôn Tia Chí Dừa);

- Sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với ruộng bậc thang tại Hồng Thái;

3.3. Vùng phía Nam: Văn hoá – lịch sử

- Sản phẩm du lịch văn hoá – lịch sử tập trung khai thác các giá trị của Khu du lịch tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Kim Bình và một di tích khác tại vùng phía Nam như di tích Thành Tuyên, v.v.

- Sản phẩm du lịch tâm linh – lễ hội: Tập trung khai thác các sản phẩm gắn với tín ngưỡng thờ mẫu, lễ hội Festival và Carnival như Lễ hội đền Hạ, đền Thượng, đền Ủ La, Lễ hội Thành Tuyên,...

- Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng – chăm sóc sức khoẻ gắn với nguồn khoáng nóng tại Mỹ Lâm, Quảng Ngần với dịch vụ chất lượng cao;

- Sản phẩm du lịch đêm và trải nghiệm kinh tế đêm tại phường Minh Xuân, tập trung các hoạt động như mua sắm, phố đi bộ, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, ánh sáng, âm nhạc đường phố, phố ẩm thực, tham quan Bảo tàng tỉnh tại quang khu vực hồ Tân Quang;

4. Định hướng phát triển các tuyến du lịch

4.1. Các tuyến du lịch liên vùng, liên tỉnh:

- Tuyến Tuyên Quang - Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh theo QL 34, QL 4A, QL 4B, QL 18 kết nối du lịch Tuyên Quang với Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh - Móng Cái (ở phía Đông Bắc).

- + Tuyến Tuyên Quang - Cao Bằng - Thái Nguyên - Hà Nội theo QL 34, QL 3 kết nối Tuyên Quang với Cao Bằng - Thái Nguyên - Hà Nội (phía Đông Bắc).

- + Tuyến Tuyên Quang – Lào Cai - Phú Thọ - Hà Nội theo quốc lộ 2, một phần đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai để kết nối du lịch Tuyên Quang – Lào Cai - Hà Nội (ở phía Tây Bắc).

+ Tuyến Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn - Cao Bằng theo QL2, QL37, QL3, QL1A, QL4A để kết nối du lịch các tỉnh theo Chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc”.

+ Tuyến Tuyên Quang - Lào Cai - Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hà Nội theo QL 2, QL 4D, QL 12, QL 6 kết nối du lịch Tuyên Quang với Lào Cai - Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hà Nội (phía Tây Bắc).

+ Tuyến đô thị Hà Giang - Hoàng Su Phì - Xín Mần - Bắc Hà (Lào Cai); + Tuyến hồ Na Hang (Tuyên Quang) - hồ Ba Bể (Thái Nguyên)

+ Tuyến đường Thủy Tuyên Quang - Cao Bằng thông qua lòng hồ thủy điện Nho Quế

4.2. Các tuyến du lịch liên vùng, quốc gia, quốc tế:

Tuyến du lịch quốc tế của du lịch Tuyên Quang dựa trên việc khai thác các cửa khẩu đường bộ giữa Tuyên Quang với hai tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), bao gồm:

- Tuyến du lịch Tuyên Quang - Côn Minh (Vân Nam) thông qua cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

- Tuyến du lịch Tuyên Quang - Quảng Tây thông qua hệ thống cửa khẩu thuộc không gian Công viên ĐCTCCNB Đồng Văn (cửa khẩu Lũng Làn, xã Mèo Vạc);

- Tuyến du lịch thông qua cặp cửa khẩu chính Xín Mần - Đô Long, (Mã Quan - Châu Văn Sơn) Săm Pun - Điện Bồng (Phú Ninh - Châu Văn Sơn).

5. Định hướng phát triển thị trường

5.1. Định hướng thị trường khách quốc tế

Với thị trường khách quốc tế, tiếp tục chú trọng các thị trường trọng điểm đến Tuyên Quang như Pháp, Anh, một số nước châu Á, Trung Quốc, Nhật Bản, ASEAN.

- Anh, Pháp và Châu Âu (Đức, Hà Lan, Iceland,...): Đây là thị trường có lượng khách đông nhất là cơ hội để Tuyên Quang tiếp tục thu hút khách du lịch đến địa phương. Đối với thị trường này, cần tập trung vào các sản phẩm từ hạng sang đến trải nghiệm chiều sâu văn hoá, khác biệt hay thưởng ngoạn cảnh quan ngoạn mục (Đồng Văn, Mèo Vạc, Na Hang – Lâm Bình). Đồng thời, đảm bảo các yêu cầu chặt chẽ liên quan đến an ninh, an toàn hay chất lượng dịch vụ du lịch. Chú trọng đến bảo tồn tài nguyên văn hoá, tự nhiên, xây dựng các sản phẩm và dịch vụ xanh, bền vững giảm thiểu các tác động đến môi trường. Tiếp tục phát huy các phương thức xúc tiến, quảng bá tiếp cận thị trường này như TripAdvisor,

Booking.com, hay các phương tiện truyền thông như Tạp chí Traveller, National Geographic Traveller,...

- Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Canada,...) và Australia : Đây là phân khúc thị trường giàu tiềm năng khai thác, có thể thu hút lượng khách chi trả cao, hạng sang đến Tuyên Quang. Thiên nhiên và mạo hiểm là các yếu tố quan trọng nhất đối với các nhóm du khách này. Đồng thời, cũng phải đảm bảo an toàn, thuận tiện và điểm du lịch phải đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu. Dần dần, xây dựng đề xuất giá trị rõ ràng cho các sản phẩm du lịch văn hóa và giá trị di sản, quảng bá hình ảnh Tuyên Quang là một điểm đến du lịch văn hóa và sinh thái quanh năm với các sản phẩm du lịch dưỡng sinh và mạo hiểm mới nổi.

- Trung Quốc: Thị trường này là thị trường truyền thống, chiếm tỷ lệ khách tương đối (nằm trong top 10 thị trường quốc tế) đến Tuyên Quang. Với lợi thế về khoảng cách địa lý, Tuyên Quang hoàn toàn có thể khai thác thị trường này thông qua Cửa khẩu Thanh Thủy, kết hợp với các trải nghiệm về mua sắm, ẩm thực, văn hoá bản địa. Tương lai, cần mở rộng hợp tác ở tỉnh Vân Nam nhằm có những cơ chế về du lịch cho du khách của 2 tỉnh trong giao thương, du lịch biên giới.

- Nhật Bản, Hàn Quốc: Tuyên Quang giàu tiềm năng trong thu hút thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc. Các khách du lịch Nhật Bản thường tìm kiếm các trải nghiệm văn hoá hoặc về với thiên nhiên. Đa số lượng khách trên 50 tuổi, đi theo nhóm hoặc theo đoàn. Các điểm đến ưu chuộng như Đồng Văn, Mèo Vạc, Na Hang – Lâm Bình, khoáng nóng Mỹ Lâm, Quảng Ngần... là những điểm đến phát triển và thu hút khách Nhật Bản. Tuyên Quang cần liên kết hợp tác chặt chẽ với các hãng lữ hành Nhật Bản trong xây dựng các chương trình du lịch trọn gói. Tăng cường quảng bá văn hoá, quảng bá du lịch thông qua các câu chuyện trên các phương tiện truyền thông của nhật Bản như Arirang.

Thị trường Hàn Quốc cũng là thị trường ưu thích du lịch tại Việt Nam. Bằng các chuyến bay thẳng, sự thuận tiện tiếp cận, lượng khách Hàn Quốc đến Việt Nam liên tục tăng trưởng. Cho thấy, việc Tuyên Quang tiếp cận và khai thác thị trường này là hợp lý, đẩy mạnh truyền thông trên mạng xã hội hay thông qua các KOLs nổi tiếng của Hàn Quốc nhằm thu hút khách Hàn Quốc đến Tuyên Quang.

- Châu Á (Đài Loan, Ấn Độ, Trung Đông,...): Thị trường giàu tiềm năng khai thác, tập trung các sản phẩm và dịch vụ trải nghiệm đa dạng từ văn hoá đến thiên nhiên. Tuyên Quang cần tăng cường quảng bá hình ảnh văn hoá, du lịch đến các thị trường này, nhằm thu hút thêm lượng khách. Đồng thời xây dựng các tiêu chuẩn trong dịch vụ du lịch nhằm đáp ứng thị trường châu Á đa dạng về văn hoá như Hồi giáo, Phật giáo,...

- ASEAN: Các thị trường trong khu vực ASEAN được xác định chưa phải là một thị trường mục tiêu chính. Thứ nhất, các nước ASEAN còn lại đều là các thị trường khách đi du lịch nước ngoài có quy mô nhỏ. Thứ hai, thị hiếu của khách

du lịch từ ASEAN thường muốn thăm thú thành phố hay đi biển hơn là đến với những địa danh trên núi. Cuối cùng, khách du lịch siêu sang từ ASEAN thường có xu hướng muốn đến các thành phố đô thị và đặc biệt chú trọng mua sắm.

5.2. Định hướng thị trường khách nội địa

Du khách nội địa chiếm thị phần lớn trong lượng khách du lịch đến Tuyên Quang, với khoảng 3 triệu lượt khách nội địa năm 2025. Du khách trong nước thường lựa chọn những điểm đến với mức chi tiêu phù hợp, thuận lợi về giao thông, thường tham khảo các thông tin về du lịch qua mạng xã hội, truyền miệng. Tuy nhiên, thị trường du lịch nội địa vẫn đóng vai trò quan trọng (chiếm 78% lượng khách năm 2025); do vậy, cần xây dựng đa dạng các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường du lịch nội địa.

Du khách miền Bắc thường đi du lịch cùng nhóm bạn, gia đình để tham quan, nghỉ dưỡng kết hợp phượt. Họ quan tâm đến các điểm tham quan, cảnh quan ngoạn mục (Sông Nho Quế, Mã Pí Lèng, Đồng Văn, Mèo Vạc, Na Hang – Lâm Bình,...). Để đáp ứng thị trường này, Tuyên Quang cần đẩy mạnh truyền thông, quảng bá đặc biệt là các mạng xã hội như Facebook, Tiktok, Youtube hay thông qua các KOLs.

Du khách miền Nam, miền Trung – đây là nhóm đối tượng đặc biệt ưu thích trải nghiệm tại vùng Tây Bắc trong đó có Tuyên Quang. Nhóm này thường đi du lịch theo nhóm bạn bè, gia đình hoặc đi theo đoàn, tour du lịch trọn gói. Họ thường chi tiêu cao hơn với các dịch vụ trải nghiệm văn hoá, tự nhiên hay sử dụng các dịch vụ tại địa phương.

6. Định hướng phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

6.1. Cơ sở hạ tầng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện trục cao tốc liên vùng: Đẩy nhanh và tối ưu hóa tuyến Tuyên Quang – Hà Giang kết nối với cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ. Nâng cấp Quốc lộ 2 và 2C; mở rộng các đoạn thắt nút cổ chai và cải thiện độ an toàn tại các cung đèo. Hệ thống đường gom và đường huyện: Phát triển mạng lưới đường nối từ cao tốc vào các khu công nghiệp (Tuyên Quang) và các cụm du lịch (Hà Giang) để đảm bảo tính đồng bộ. Đẩy mạnh việc đầu tư các tuyến đường nối tỉnh: Các tuyến đường tỉnh như Đường nối Phở Yên - Tuyên Quang - Yên Bái; Tuyến kết nối Na Hang - Ba Bể; Tuyến Tuyên Quang - Phú Lương; Tuyến Sơn Dương - Đạo Trù - IC4; tuyến Hàm Yên - Thái Nguyên,... Các tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái; Tuyến đường sắt kết nối cửa khẩu Thanh Thủy,... Các tuyến đường thủy sông nho Quế, Na Hang - Lâm Bình, cùng hệ thống cảng thủy nội địa,... Nghiên cứu xây dựng Cảng hàng không nội địa phục vụ du lịch tại xã Na Hang.

Tuyến đường di sản: Phát triển hạ tầng giao thông kết nối trực tiếp hồ Na Hang - Lâm Bình (Tuyên Quang) với Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang).

Chuẩn hoá hệ thống điểm dừng chân, điểm dừng ngắm cảnh trên tuyến QL4C. Xây dựng phương án tổ chức giao thông tại khu vực đèo Mã Pì Lèng tránh ùn tắc cục bộ vào mùa cao điểm. Trên các trục giao thông chính kết nối từ vùng thấp lên các xã vùng cao, tổ chức trồng cây cảnh quan và hoa theo mùa, ưu tiên các loài bản địa chịu hạn, chịu lạnh như hoa ban, hoa gạo, tam giác mạch, đào, mận nhằm tạo điểm nhấn cảnh quan đặc sắc; từng bước hình thành các cung đường hoa, thung lũng hoa và điểm dừng chân cảnh quan phục vụ khách tham quan, trải nghiệm theo mùa.

Xây dựng hệ thống thu gom rác thải tập trung và có phương án xử lý rác thải tại nguồn như khu vực Lũng Cú, sông Nho Quế, Na Hang - Lâm Bình, Mèo Vạc, v.v. Đồng thời, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn quốc gia. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến, bảo vệ môi trường tại trung tâm lớn như Đồng Văn, Na Hang - Lâm Bình, Mèo Vạc.

6.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch theo hướng hiện đại, đồng bộ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của các khu, điểm du lịch trọng điểm và tiêu chí Khu du lịch Quốc gia; gắn với mục tiêu phát triển du lịch xanh, chuyên nghiệp, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng phục vụ kinh tế di sản, công nghiệp văn hóa và kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, khai thác và vận hành cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Hiện nay, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như khách sạn, các công trình vui chơi giải trí, nhà hàng và các công trình dịch vụ bổ trợ khác của tỉnh còn thiếu và chất lượng chưa cao. Vì vậy, để tăng cường thu hút khách du lịch trong thời gian tới cần tập trung đầu tư phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

- Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch: Tiếp tục đầu tư phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú du lịch.

+ Về số lượng: Đáp ứng đủ số lượng buồng lưu trú theo dự báo của phương án chọn (năm 2025 đã có trên 11.800 buồng; đến năm 2030 cần khoảng 18.500 buồng) với các loại hình: các khách sạn và khu resort nghỉ dưỡng, homestay, bungalow, nhà nghỉ sinh thái, camping... về loại hình khách sạn cần bố trí phát triển ở các trung tâm du lịch, nơi tập trung đông khách du lịch như: phường Minh Xuân, xã Na Hang, xã Lâm Bình, xã Tân Trào, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, xã Đồng Văn, xã Lũng Cú, và các trung tâm du lịch phụ trợ khác. Các khu resort nghỉ dưỡng cần phát triển tại các khu nghỉ dưỡng, chủ yếu ở Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, khu Na Hang, Lâm Bình, khu du lịch quốc gia công

viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn... Các nhà nghỉ cộng đồng, homestay cần bố trí phát triển ở các bản cộng đồng dân tộc.

+ Về chất lượng: Hiện nay, Tuyên Quang đang thiếu những khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn thương mại cao cấp (đến hết năm 2025, cả tỉnh mới có 01 khách sạn 5 sao; 03 khách sạn 4 sao; 04 khách sạn 3 sao), chưa đáp ứng nhu cầu phát triển trong xu thế hội nhập. Do vậy, trong thời gian tới cần ưu tiên đầu tư phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp 3 - 5 sao. Ưu tiên kêu gọi đầu tư cơ sở lưu trú cao cấp gắn với các sản phẩm du lịch mang tính biểu tượng của tỉnh nhằm nâng cao năng lực phục vụ phân khúc khách cao cấp, khách quốc tế và khách MICE.

- Phát triển các cơ sở dịch vụ: Cùng với việc phát triển số lượng và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú, Tuyên Quang cần đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng du lịch, các trung tâm tổ chức sự kiện (khu hội nghị, hội thảo, hội chợ), các cơ sở dịch vụ du lịch bổ trợ khác. Đây là một trong những hạn chế hiện nay của du lịch Tuyên Quang. Để góp phần đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch của Tuyên Quang, một trong những định hướng ưu tiên đầu tư xây dựng trong thời gian tới là lựa chọn các dự án đầu tư xây dựng các công trình thể thao tổng hợp, khu hội chợ triển lãm, khu hội nghị hội thảo để phát triển du lịch MICE.

Đối với khu hội chợ triển lãm và hội nghị - hội thảo quốc tế cần phải gắn với khu trung tâm phường Minh Xuân, phường Hà Giang 1 và phường Hà Giang 2; khu du lịch quốc gia CVĐC với khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy và các khu tổ hợp khách sạn cao cấp.

Với mục tiêu phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu cho số lượng khách du lịch đến Tuyên Quang trong những năm tới, cần có những ưu tiên đầu tư phù hợp để phát triển hệ thống nhà hàng ăn uống du lịch gắn với việc phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch.

Xây dựng trung tâm thông tin du lịch, biển chỉ dẫn, khu vệ sinh công cộng, điểm dịch vụ văn hóa - ẩm thực; Ưu tiên phát triển dịch vụ gắn với làng nghề, chợ phiên, không gian trải nghiệm văn hóa và sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương.

Ưu tiên phát triển các dịch vụ gắn với làng nghề, chợ phiên, không gian trải nghiệm văn hóa, nhằm nâng cao giá trị kinh tế từ sản phẩm văn hóa - cộng đồng và tăng tính hấp dẫn của điểm đến.

Phát triển các công trình vui chơi giải trí: Phát triển các loại hình vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đặc biệt tại các khu vực động lực và trung tâm đô thị. Tập trung phát triển các khu vui chơi giải trí cao cấp, các không gian trải nghiệm, công viên chuyên đề, khu thể thao ngoài trời và các sản phẩm giải trí phục vụ khách du lịch gia đình, giới trẻ và khách lưu trú dài ngày. Ưu tiên phát triển các tổ hợp vui chơi giải trí tại các khu du lịch quốc gia, các đầu mối giao thông và trung tâm dịch vụ du lịch, tạo thêm điểm nhấn và kéo dài thời gian

lưu trú của du khách. Gắn phát triển vui chơi giải trí với xây dựng không gian văn hóa - lễ hội, phố thương mại - dịch vụ, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và du lịch đêm, góp phần phát triển công nghiệp văn hóa của tỉnh.

- Phát triển về hạ tầng số: Ưu tiên phủ sóng mạng Internet miễn phí, mạng 5G tại các điểm du lịch như Công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn, các làng văn hoá du lịch như Lô Lô Chải,... Xây dựng hệ thống bản đồ số du lịch đồng thời đẩy mạnh công tác số hoá di sản trên địa bàn tỉnh như di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào,... Xây dựng trung tâm điều hành tập trung tích hợp kết nối dữ liệu du lịch phục vụ quản lý, điều tiết khách du lịch.

7. Khung sáng kiến phát triển du lịch tỉnh

- Kinh tế: Hoàn thiện chuỗi cung ứng, hỗ trợ doanh nghiệp SME và phát triển kinh tế di sản để tối ưu hóa thu nhập trực tiếp cho cộng đồng bản địa.

- Môi trường: Kiểm soát nghiêm ngặt sức chứa tại các điểm nhạy cảm, xanh hóa hạ tầng lưu trú và áp dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại để bảo vệ đa dạng sinh học.

- Văn hóa - Xã hội: Phát triển du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn UN Tourism, bảo tồn tính nguyên bản của văn hóa tộc người và đẩy mạnh trao quyền cho phụ nữ thông qua sự giám sát của các tổ chức xã hội địa phương.

- Quản trị & Công nghệ: Số hóa bộ công cụ quản lý bền vững và thí điểm mô hình "Điểm đến Net Zero" (không phát thải carbon) tại các khu nghỉ dưỡng trọng điểm để bắt kịp tiêu chuẩn toàn cầu (Chi tiết tại Biểu 17).

Phần thứ tư

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VÀ DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN

I. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức về phát triển du lịch

1.1. Đối với cộng đồng dân cư : Tổ chức các buổi hội thảo, họp về du lịch ngay tại các homestay thành công để người dân tận mắt thấy lợi ích kinh tế từ việc đón khách. Tập huấn kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ cơ bản. Mở các lớp ngắn hạn dạy cách chào hỏi, giới thiệu văn hóa bản địa và các quy tắc ứng xử văn minh với khách quốc tế. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử cộng đồng: Cùng người dân thảo luận và ban hành quy ước về việc giữ gìn vệ sinh, không chèo kéo khách, bảo vệ kiến trúc nhà truyền thống (như nhà trình tường, nhà sàn). Tuyên truyền về giá trị di sản giúp người dân hiểu rằng chính bản sắc văn hóa và cảnh quan nguyên sơ là các giá trị cần được gìn giữ lâu dài, từ đó họ tự giác bảo vệ môi trường.

1.2. Đối với cán bộ quản lý: Xây dựng các nhóm Zalo/Facebook kết nối giữa chính quyền và các hộ kinh doanh du lịch để cập nhật nhanh nhất các chính sách, quy định mới của tỉnh. Tổ chức các chuyến Famtrip học tập kinh nghiệm, đưa cán bộ xã, cấp thôn/bản đi tham quan các mô hình quản lý du lịch xuất sắc trong và ngoài tỉnh để thay đổi tư duy từ quản lý sang phục vụ và kiến tạo. Lồng ghép nội dung du lịch vào các kỳ họp đưa chỉ tiêu về môi trường du lịch và mức độ hài lòng của khách vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm của các đơn vị.

1.3. Đối với du khách : Phát động các trào lưu trên mạng xã hội như "Check-in xanh", "Đổi rác lấy quà" hoặc "Hành trình không dấu vết" để khuyến khích khách bảo vệ môi trường. Lắp đặt các bảng mã QR tại di tích không chỉ để thuyết minh lịch sử mà còn để nhắc nhở về các quy định bảo tồn và bảo vệ cảnh quan. Sử dụng người có sức ảnh hưởng (KOLs/KOCs), các blogger có lối sống xanh đến trải nghiệm và kể những câu chuyện cảm hứng về văn hóa, con người địa phương.

1.4. Các hình thức tuyên truyền trực quan và hiện đại: Sản xuất các ấn phẩm đa phương tiện. Kết hợp giữa sản xuất tờ rơi truyền thống với sản xuất các video ngắn (Shorts/TikTok) về quy trình làm đặc sản, các lễ hội dân gian hoặc các quy tắc bảo vệ môi trường tại điểm đến. Sử dụng hệ thống loa phát thanh thông minh phát các mẫu tin ngắn về gương người tốt việc tốt trong du lịch hoặc nhắc nhở vệ sinh môi trường bằng ít nhất 2 ngôn ngữ (Tiếng Việt và Tiếng dân tộc địa phương). Sử dụng các bức tường trống trong bản du lịch để vẽ các bức tranh tuyên truyền về bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và nét đẹp văn hóa tộc người.

2. Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách

2.1. Cơ chế, chính sách chung:

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong điều kiện mô hình chính quyền hai cấp; bảo đảm sự thống nhất trong quản lý quy hoạch, không gian phát triển, kiến trúc cảnh quan và hoạt động đầu tư kinh doanh du lịch. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch gắn với bảo tồn di sản và cảnh quan; kiểm soát việc cấp phép đầu tư – xây dựng tại các không gian du lịch.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào các khu du lịch quốc gia, khu sinh thái rừng và không gian vệ tinh; nghiên cứu chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng làm du lịch.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo vệ tài nguyên, bảo đảm an ninh, an toàn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý du lịch.

- Tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ Phát triển Du lịch, Hiệp hội Du lịch Việt Nam, các Chương trình Mục tiêu Quốc gia và tổ chức quốc tế trong đào tạo, chuyển đổi số, xúc tiến quảng bá và phát triển bền vững.

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang với vai trò chủ thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh với sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành liên quan.

- Tích hợp các dự án đã có chủ trương đầu tư vào Quy hoạch chung của tỉnh Tuyên Quang và định hướng phát triển hạ tầng của tỉnh để đảm bảo tính thống nhất về không gian phát triển. Rà soát, đánh giá tiến độ, hiệu quả của các dự án, xây dựng phương án thúc đẩy đầu tư, thu hút nhà đầu tư tiếp tục đầu tư phát triển các dự án.

2.2. Cơ chế và chính sách ưu đãi đầu tư

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng khung các khu du lịch, các điểm du lịch quốc gia và đối với các điểm du lịch tiềm năng được định hướng trong quy hoạch để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển các công trình vật chất kỹ thuật, sản phẩm dịch vụ...

- Ưu tiên về vốn vay, hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và hỗ trợ thuê đất ổn định lâu dài đối với các dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch đặc thù có sức cạnh tranh, ưu tiên các dự án phát triển sản phẩm du lịch “xanh” thân thiện với môi trường.

- Khuyến khích đầu tư vào phát triển các loại hình vui chơi giải trí hiện đại, mạo hiểm, đặc thù.

- Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng thay thế; tiết kiệm năng lượng và nước trong hoạt động phát triển du lịch.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch để huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

- Tạo cơ chế thông thoáng về đầu tư phát triển du lịch, có chính sách khuyến khích đảm bảo an toàn về vốn cho người đầu tư và đơn giản hóa các thủ tục hành chính và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư để thu hút được các nhà đầu tư.

- Tạo ra sự bình đẳng giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, giữa đầu tư của tư nhân với đầu tư từ khu vực Nhà nước; mở rộng các hình thức thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước như các hình thức BOT, BTO, BT, PPP.v.v...

2.3. Cơ chế chính sách về phát triển nguồn nhân lực

Có chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao bên cạnh việc phát triển nguồn nhân lực du lịch cộng đồng.

Ban hành cơ chế chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực du lịch mang tính chuyên nghiệp bằng các chế độ ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao về công tác tại khu du lịch ở địa phương;

Khuyến khích các tổ chức kinh tế, kinh tế - xã hội, doanh nghiệp tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch.

Bên cạnh đó, đối với du lịch mang tính cộng đồng, cần khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, ưu tiên phát triển lao động là đồng bào các dân tộc với những lao động giản đơn để dần dần xã hội hóa phát triển nguồn nhân lực tại các khu du lịch Tuyên Quang.

2.4. Cơ chế chính sách về thị trường

Hỗ trợ từ ngân sách và ưu tiên đối với các hoạt động nghiên cứu thị trường du lịch Tuyên Quang.

Xã hội hoá hoạt động xúc tiến quảng bá, thông qua chính sách tài khoá cho hoạt động này, đặc biệt đối với việc tạo dựng hình ảnh Tuyên Quang.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch dưới các hình thức như: góp vốn cổ phần với doanh nghiệp nhà nước, hình thành công ty du lịch dựa trên sở hữu hỗn hợp giữa nhà nước với tư nhân hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật.

Khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư, bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh; bảo tồn và phục dựng các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu đề xuất cơ chế đón khách Trung Quốc và khách nước thứ 3 đi qua các cặp cửa khẩu quốc tế giữa Việt Nam – Trung Quốc.

2.5. Cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành

- Khuyến khích các địa phương trong tỉnh liên kết phát triển sản phẩm; kết nối tour, tuyến du lịch; xúc tiến quảng bá du lịch; xúc tiến đầu tư du lịch; xây dựng thương hiệu du lịch.

- Xây dựng và phát huy các cơ chế phối hợp liên ngành, tạo thuận lợi cho phát triển du lịch giữa các ngành giao thông, xây dựng đô thị, nông nghiệp phát triển nông thôn.v.v...trong việc khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường cảnh quan, lồng ghép các chương trình dự án.v.v...

2.6. Chính sách phát triển gắn với bảo tồn và phát triển bền vững

Khuyến khích, mở rộng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới để tăng khả năng tiếp cận của cộng đồng đối với các nguồn tín dụng như ưu đãi về lãi suất cho mục đích phát triển các dịch vụ du lịch; hỗ trợ đào tạo năng lực tổ chức và kinh doanh du lịch; hỗ trợ về hạ tầng du lịch ở các điểm du lịch cộng đồng.

Khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, an toàn, thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Quản lý sức chứa thông minh: Sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống đặt chỗ trực tuyến để kiểm soát lượng khách tại các điểm nhạy cảm về sinh thái như Na Hang - Lâm Bình hoặc vùng lõi Công viên địa chất Đồng Văn.

2.7. Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Xây dựng gói tín dụng đặc thù cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với lãi suất thấp hơn mặt bằng chung, đặc biệt cho các dự án du lịch xanh. Thành lập các quỹ bảo lãnh tại địa phương để giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có tài sản thế chấp vẫn có thể tiếp cận vốn vay. Cấp kinh phí một phần cho việc cải tạo hạ tầng (như nhà vệ sinh, hệ thống xử lý nước thải) đạt chuẩn du lịch.

Miễn phí hoặc giảm phí tham gia các sàn giao dịch du lịch điện tử quốc gia và các ứng dụng quản lý điểm đến. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng nội dung đa phương tiện (ảnh 360, VR, video chất lượng cao) để quảng bá trên các nền tảng mạng xã hội toàn cầu.

Tổ chức các lớp tập huấn thực chiến về marketing số, quản trị dữ liệu khách hàng cho chủ doanh nghiệp và nhân viên. Hỗ trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ nghề theo tiêu chuẩn (như tiêu chuẩn VTOS) về buồng, bàn, bar và hướng dẫn viên.

Rút ngắn thời gian cấp các loại giấy phép (giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tối thiểu). Thành lập tổ công tác đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp xử lý các vướng mắc về mặt pháp lý và mặt bằng kinh doanh. Ưu tiên các doanh nghiệp địa phương tham gia cung ứng dịch vụ trong các sự kiện văn hóa, du lịch do tỉnh tổ chức.

3. Nhóm giải pháp về sản phẩm du lịch

3.1. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch

Mở rộng dòng sản phẩm chuyên đề: Phát triển mạnh du lịch thể thao, khám phá thiên nhiên, du lịch nghiên cứu - học tập và tham quan hệ thống di tích danh nhân, cách mạng.

Du lịch có trách nhiệm: Tập trung khai thác các vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao và biên giới nhằm tạo sinh kế cho đồng bào, đồng thời tăng thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách.

Thúc đẩy công nghiệp văn hóa: Chú trọng các sản phẩm du lịch sáng tạo dựa trên nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề thủ công truyền thống và sản xuất quà tặng lưu niệm mang bản sắc riêng biệt của Tuyên Quang.

Chiến lược thị trường trọng tâm: Nghiên cứu kỹ phân khúc khách hàng mục tiêu để xây dựng mối quan hệ "sản phẩm – thị trường" hiệu quả, đảm bảo các sản phẩm mới luôn đi đúng định hướng phát triển xanh và bền vững của tỉnh.

3.2. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch

Du lịch di sản: Chuyển từ tham quan thuần túy sang trải nghiệm sâu (trực tiếp canh tác, chế tác nhạc cụ, dệt lanh cùng 30 dân tộc); phát triển công nghiệp văn hóa (quà tặng thổ cẩm, thủ công mỹ nghệ). Du lịch lịch sử: Lấy Tân Trào làm trung tâm, kết nối các di tích cách mạng để hình thành tuyến du lịch giáo dục truyền thống.

Phát triển sản phẩm du lịch “Về nguồn” giáo dục truyền thống, khai thác các giá trị các khu di tích quốc gia đặc biệt và các địa danh cách mạng tiêu biểu như Tân Trào, Kim Bình, Lũng Cú, Mặt trận biên giới Vị Xuyên, Căng Bắc Mê, v.v.

Du lịch sinh thái, địa chất & nghỉ dưỡng: Địa chất: Khai thác di sản Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn gắn với giáo dục môi trường.

Du lịch nghỉ dưỡng: Phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp (Hmong Village, Papiu...) kết hợp trị liệu bằng dược liệu và suối khoáng nóng (Mỹ Lâm, Thanh Hà).

Du lịch sinh thái: Khám phá rừng đặc dụng (Tây Côn Lĩnh, Du Già), trekking và nghiên cứu đa dạng sinh học.

Du lịch tâm linh, lễ hội và công nghiệp văn hoá, khai thác các di tích đền, chùa, tín ngưỡng thờ Mẫu và các lễ hội đặc sắc như Lễ hội Thành Tuyên, chợ tình Khâu Vai, lễ hội hoa Tam giác mạch, Lễ hội Nhảy lửa,...

Du lịch cộng đồng và chợ phiên: Duy trì sức hút của các làng văn hóa đạt giải quốc tế (Lô Lô Chải) và tiêu chuẩn ASEAN (Nậm Đăm, Thôn Tha); phát triển du lịch gắn với OCOP 3-4 sao. Khai thác giá trị văn hóa độc đáo của Chợ phiên vùng cao (Đồng Văn, Mèo Vạc) và Chợ tình Khâu Vai.

Du lịch mạo hiểm & biên giới: Mạo hiểm: Leo núi (Chiêu Lầu Thi), dù lượn, chèo thuyền trên lòng hồ Na Hang - Lâm Bình, sông Nho Quế và trình diễn mô tô địa hình, khinh khí cầu.

Du lịch biên giới: Kết hợp tham quan, mua sắm tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Thiên Bảo, trọng tâm là khách Trung Quốc.

Kinh tế đêm: Mở rộng phố đi bộ, chợ đêm và trình diễn thực cảnh tại các khu du lịch trọng điểm để tăng chi tiêu của khách.

Du lịch net zero: Thí điểm mô hình phát thải bằng 0 (năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn) tại Nậm Đăm và Lô Lô Chải.

Sản phẩm bổ trợ: Phát triển du lịch theo mùa (hoa Tam giác mạch, lê, đào) và không gian trưng bày nông sản đặc trưng tại các điểm dừng chân.

4. Nhóm giải pháp về hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

- Ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, đặc biệt là giao thông kết nối các trung tâm và không gian du lịch. Tập trung hoàn thành cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang; nâng cấp các tuyến kết nối tới các điểm du lịch trọng điểm; tăng cường kết nối liên vùng Hà Nội – Tuyên Quang – Hà Giang – Cao Bằng – Lào Cai.

- Phát triển hệ thống bến thủy nội địa tại lòng hồ Na Hang – Lâm Bình, tuyến sông Gâm – Nho Quế; hoàn thiện hạ tầng phụ trợ gồm bãi đỗ xe, trạm dừng chân, vệ sinh công cộng, điểm đón – trả khách. Nghiên cứu phát triển bãi đáp trực thăng phục vụ cứu hộ và du lịch cao cấp.

- Đầu tư hạ tầng phục vụ hoàn thiện hồ sơ các Khu du lịch Quốc gia; thu hút nhà đầu tư chiến lược triển khai tổ hợp du lịch – nghỉ dưỡng – văn hóa; phát triển

hệ thống khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi giải trí đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

- Xanh hóa hạ tầng giao thông: Thực hiện lộ trình thay thế phương tiện chạy xăng bằng xe điện, taxi xanh trên các tuyến du lịch chính. Đến năm 2030, cung cấp dịch vụ xe đạp công cộng và thuyền điện tại các khu du lịch lòng hồ Na Hang – Lâm Bình, và khu vực sông Nho Quế.

- Tổ chức thực hiện đầu tư hạ tầng giao thông gắn với phát triển du lịch theo hướng đồng bộ, thông minh và có bản sắc; ưu tiên hoàn thiện các trục kết nối từ vùng thấp lên các xã vùng cao, các tuyến vào khu, điểm du lịch và hệ thống điểm dừng chân theo khoảng cách hợp lý từ 15–20 km/điểm, tích hợp đồng bộ các hạng mục thiết yếu như bãi đỗ xe, trạm sạc xe điện, tra cứu thông tin du lịch số và không gian giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, nông sản đặc trưng của tỉnh.

- Gắn đầu tư hạ tầng giao thông với chỉnh trang cảnh quan và xây dựng nhận diện không gian du lịch đặc trưng của từng tuyến, từng khu vực; ưu tiên tổ chức trồng cây xanh, cây hoa bản địa theo mùa dọc các trục giao thông chính kết nối từ vùng thấp lên vùng cao và tại các tuyến có dải phân cách phù hợp, sử dụng các loài đặc trưng như sa mộc, hoa ban, hoa mộc miên (hoa gạo), tam giác mạch và một số loài bản địa khác nhằm tạo hành lang cảnh quan theo mùa, nâng cao giá trị thẩm mỹ, hỗ trợ hình thành các sản phẩm trải nghiệm và điểm dừng chân cảnh quan đặc sắc.

5. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực du lịch

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn mới, đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số. Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch ở cả cấp tỉnh và cấp xã; nâng cao năng lực quản lý điểm đến, xây dựng sản phẩm và quản lý môi trường du lịch.

- Đa dạng hóa chương trình đào tạo cho lực lượng lao động trực tiếp trong ngành, chú trọng ngoại ngữ, kỹ năng số và phục vụ khách quốc tế; hỗ trợ đào tạo cho các mô hình du lịch cộng đồng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích doanh nghiệp, trường nghề, cơ sở đào tạo liên kết đào tạo thực hành; thu hút chuyên gia, nhà nghiên cứu, nghệ nhân và cộng tác viên du lịch tham gia hỗ trợ phát triển sản phẩm và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Phương án đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch:

- + Ngắn hạn: Đối tượng các hộ kinh doanh homestay, hướng dẫn viên địa phương, nhân viên thời vụ, người bán hàng, người lái xe máy, xe ô tô, lái thuyền, lái tàu tại địa phương... Hình thức đào tạo theo hình thức cầm tay chỉ việc trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ hoặc các cơ sở thực hành. Mục tiêu là giải quyết ngay sự thiếu hụt kỹ năng cơ bản để phục vụ khách du lịch vào mùa cao điểm.

+ Dài hạn: Đối tượng là nhân lực du lịch, học sinh, sinh viên định hướng nghề nghiệp du lịch, cán bộ quy hoạch, quản trị điểm đến của tỉnh. Hình thức đào tạo tại các cơ sở đào tạo uy tín như Trường Đại học Tân Trào, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội,... Mục tiêu là xây dựng đội ngũ quản lý cấp trung và cao cấp, có khả năng hoạch định chiến lược và vận hành các khu nghỉ dưỡng 4 - 5 sao.

- Các nhóm kiến thức, kỹ năng tập trung đào tạo trọng tâm:

+ Nhóm kỹ năng nghiệp vụ: Nghiệp vụ lưu trú, quy chuẩn buồng phòng, kỹ thuật dọn dẹp theo tiêu chuẩn Xanh; Nghiệp vụ ăn uống, chế biến món ăn dân tộc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Kỹ năng lễ hành, kỹ năng sơ cứu trong hang động, sử dụng thiết bị GPS, thiết bị cứu hộ cho tour du lịch mạo hiểm; Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp,...).

- Các cơ sở đào tạo và hợp tác như: Trường Đại học Tân Trào, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên; Trường Cao đẳng nghề; liên kết với dự án Thụy Sỹ (ST4SD), các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như Flamingo, Mường Thanh, v.v.

6. Nhóm giải pháp về xúc tiến, quảng bá du lịch

- Tăng cường quảng bá theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng mạnh công nghệ số và nội dung đa ngôn ngữ; xây dựng hình ảnh tỉnh Tuyên Quang là điểm đến an toàn, bản sắc, khác biệt và có sức cạnh tranh cao.

- Định vị thương hiệu: Xây dựng hình ảnh điểm đến "An toàn - Bản sắc - Khác biệt" dựa trên các giá trị nổi trội như Na Hang, Mỹ Lâm, Tân Trào... gắn liền với chuyển đổi số và nội dung đa ngôn ngữ. Phát huy hiệu quả các danh hiệu, thương hiệu du lịch quốc gia và quốc tế trong quảng bá hình ảnh, xây dựng sản phẩm và định vị thương hiệu điểm đến.

- Liên kết chiến lược: Hợp tác chặt chẽ với các trung tâm du lịch lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh), các hãng lữ hành hàng đầu (Viettravel, Saigontourist...) và các hãng hàng không trong nước (2026-2030) tiến tới quốc tế (sau 2031).

- Ứng dụng công nghệ AI (đại sứ ảo), thực tế ảo và các nền tảng mạng xã hội (TikTok, Facebook, TripAdvisor). Tổ chức Famtrip, Press Trip và nâng tầm các lễ hội (Thành Tuyên, Hoa Tam giác mạch) thành sự kiện quốc tế. Sử dụng hệ thống quảng cáo OOH tại các sân bay và trạm trung chuyển lớn. Đồng thời, ứng dụng Big Data, IoT và các nền tảng số trong quản lý sức chứa du lịch, giám sát môi trường, số hóa điểm đến và quản lý khách du lịch thông minh tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.

- Mở rộng thị trường quốc tế: Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa và tham gia các hội chợ du lịch toàn cầu (ITB Berlin, WTM London). Thí điểm đón khách Trung Quốc: Khai thác hiệu quả các cửa khẩu (Thanh Thủy, Xín Mần...), nghiên cứu

kéo dài thời gian lưu trú và ứng dụng công nghệ số để quản lý tour khép kín, đảm bảo an ninh quốc phòng.

7. Nhóm giải pháp về bảo tồn văn hoá, môi trường du lịch và phát triển bền vững

7.1. Nhóm giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống

Gắn kết Di sản với Du lịch: Duy trì và nâng cao chất lượng các lễ hội, làng văn hóa cộng đồng; tôn trọng sự đa dạng văn hóa song hành với việc xóa bỏ các hủ tục lạc hậu.

Tập trung nguồn lực bảo tồn: Ưu tiên bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống (Lô Lô, Dao, Tày, Pà Thẻn, Cao Lan...), trang phục, dân ca, dân vũ và các phong tục đặc sắc để tạo sản phẩm du lịch đặc trưng. Phát huy vai trò cộng đồng: Quản lý chặt chẽ tài nguyên rừng và hệ sinh thái; nhân rộng mô hình OCOP – du lịch; nâng cao năng lực quản trị môi trường và an ninh trật tự tại địa phương.

Xây dựng điểm đến "Xanh – An toàn": Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động du lịch; chủ động ứng phó thiên tai và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho du khách. Thúc đẩy bình đẳng giới và sinh kế: Hỗ trợ vốn, kỹ năng số và ngoại ngữ cho phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia quản lý homestay, làm hướng dẫn viên và sản xuất thủ công mỹ nghệ tại chỗ.

7.2. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Hạ tầng xanh và thông minh: Xây dựng trạm dừng chân sử dụng nhà vệ sinh công nghệ vi sinh (ít nước) để bảo vệ môi trường đá vôi. Lắp đặt hệ thống lọc nước sinh học và thuyền hút rác chuyên dụng tại sông Nho Quế, hồ Na Hang – Lâm Bình.

Cung cấp các cột lọc nước sạch tại điểm công cộng để giảm thiểu chai nhựa dùng một lần. Quản lý bằng công nghệ số: Sử dụng camera và vé điện tử để điều tiết sức chứa theo thời gian thực tại các hang động, hẻm vực. Số hóa bản đồ quản lý chất thải để theo dõi và xử lý kịp thời các "điểm nóng" về rác thải.

Cơ chế tài chính và vận hành: Chuyển từ phí tham quan thuần túy sang phí bảo tồn di sản, minh bạch hóa nguồn thu để tái đầu tư cho vệ sinh môi trường. Khuyến khích mô hình nông nghiệp tuần hoàn (dùng rác hữu cơ làm phân bón) tại các farmstay/homestay.

Truyền thông và Tiêu chuẩn xanh: Triển khai chiến dịch "Du lịch không dấu vết" cho các đơn vị lữ hành và du khách. Ban hành bộ tiêu chí và cấp nhãn "Điểm đến Xanh" cho các cơ sở lưu trú đạt chuẩn về tiết kiệm năng lượng và không sử dụng đồ nhựa.

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý sức chứa du lịch, giám sát môi trường, cảnh báo rủi ro và điều tiết lưu lượng khách tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.

8. Nhóm giải pháp về chuyển đổi số và khoa học công nghệ trong du lịch

- Xây dựng hạ tầng số và ứng dụng du lịch thông minh tại các điểm du lịch, khu du lịch trên địa bàn tỉnh; triển khai bản đồ du lịch số, dịch vụ đa ngôn ngữ và hệ thống quản lý điểm đến du lịch thông minh.

- Triển khai bản đồ du lịch số và hệ thống thuyết minh tự động (Audio Guide đa ngôn ngữ) qua mã QR. Sử dụng công nghệ VR/3D tái hiện di tích Tân Trào và không gian văn hóa các dân tộc để khách trải nghiệm trực tuyến.

- Hệ sinh thái dịch vụ “Một chạm”: Xây dựng nền tảng số tích hợp toàn diện từ đặt phòng, thanh toán không tiền mặt đến phản hồi chất lượng. Ứng dụng trợ lý du lịch ảo và các dịch vụ số hóa để nâng cao trải nghiệm khách hàng.

- Quản trị và Quảng bá dựa trên dữ liệu: Kết nối dữ liệu du lịch liên thông quốc gia để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Đẩy mạnh marketing trên các nền tảng trực tuyến và đào tạo kỹ năng số cho nguồn nhân lực địa phương.

- Đột phá công nghệ vận chuyển: Thí điểm các phương tiện bay hiện đại (eVTOL, drone chở khách) tại vùng địa hình chia cắt như Na Hang, Lâm Bình. Đầu tư hạ tầng bãi đáp xanh và hoàn thiện khung pháp lý cho du lịch bay tầm thấp.

9. Nhóm giải pháp về quản lý sức chứa của điểm đến

Công nghệ điều tiết thông minh: Bắt buộc đặt vé trực tuyến để kiểm soát ngưỡng khách theo khung giờ; sử dụng camera AI và bản đồ nhiệt thời gian thực để khuyến cáo du khách chuyển hướng khi mật độ quá cao.

Quy hoạch không gian và hạ tầng: Phát triển các điểm đến vệ tinh (làng văn hóa mới) để giãn khách khỏi vùng lõi. Thiết kế luồng di chuyển một chiều tại các hang động, di tích hẹp. Nâng cấp hạ tầng (bãi xe, nhà vệ sinh) đồng bộ với sức chịu tải của điểm tham quan.

Cơ chế kinh tế linh hoạt: Áp dụng giá vé theo khung giờ và ngày thấp điểm để dàn đều lượng khách; thu phí phụ thu quá tải đối với đoàn đông hoặc phương tiện lớn tại các khu vực nhạy cảm.

Hợp tác và Thiết lập tiêu chuẩn: Phối hợp với các hãng lữ hành cam kết tuân thủ lịch trình và số lượng khách. Xây dựng đề án xác định rõ 4 ngưỡng sức chứa: Vật lý, Tâm lý, Sinh thái và Xã hội để đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ quyền lợi cư dân bản địa.

10. Nhóm giải pháp về tăng cường quản lý điểm đến du lịch

10.1. Quản lý điểm đến chung (Mô hình DMO/DMC)

Cơ chế quản trị: Thành lập Hội đồng quản trị đa bên (Chính quyền - Doanh nghiệp - Cộng đồng - Chuyên gia). Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp SME, trao quyền cho phụ nữ và ứng dụng công nghệ trong điều hành.

Tài chính và Tiêu chuẩn: Thành lập Quỹ phát triển du lịch bền vững từ doanh thu vé tham quan. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá theo 4 trụ cột của GSTC (Quản lý - Kinh tế - Văn hóa - Môi trường).

Công nghệ & Rủi ro: Áp dụng IoT điều phối khách, bản đồ số cảnh báo thiên tai và bộ công cụ quản trị rủi ro cho toàn ngành. Tăng cường năng lực cứu hộ, cứu nạn; quản lý hoạt động du lịch mạo hiểm và các loại hình du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe khách du lịch.

Cam kết bền vững: Bắt buộc các dự án lớn phải thực hiện Đánh giá tác động môi trường (EIA) và cam kết sử dụng 30% - 50% lao động địa phương.

10.2. Quản lý các khu, điểm du lịch đã công nhận

Phân cấp quản lý: Giao quyền tự chủ cho cấp cơ sở (điểm nhỏ), tỉnh tập trung quản lý các khu trọng điểm quốc gia (Tân Trào, Đồng Văn).

Số hóa và Kiểm soát: Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông toàn tỉnh; số hóa cơ sở dữ liệu ranh giới và hiện trạng hạ tầng.

Bảo tồn nghiêm ngặt: Cấm xây dựng tại vùng lõi bảo tồn; yêu cầu hệ thống xử lý chất thải khép kín và áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Hậu kiểm: Thường xuyên thanh tra và kiên quyết rút giấy phép đối với các điểm xuống cấp, không duy trì chất lượng dịch vụ.

10.3. Quản lý điểm tiềm năng và đang hình thành

Quản lý trật tự: Kiểm kê tài nguyên và ngăn chặn tình trạng tự ý xây dựng, san gạt địa hình hoặc tạo các điểm check-in không phù hợp văn hóa.

Hỗ trợ cộng đồng: Vận động dân cư liên kết thành tổ hợp tác; hỗ trợ kinh phí cải tạo cảnh quan cơ bản và đào tạo kỹ năng đón khách.

Thu hút đầu tư: Ưu tiên nhà đầu tư chiến lược có cam kết phát triển du lịch sinh thái, ít tác động đến môi trường ngay từ giai đoạn lập dự án.

II. Kinh phí thực hiện và phân kỳ đầu tư giai đoạn 2026-2030

Căn cứ định hướng phát triển không gian du lịch và nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030 tập trung ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng thiết yếu, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch định hướng trở thành khu du lịch quốc gia, gồm: Khu du lịch quốc gia Tân Trào; Khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; Khu du lịch Na Hang - Lâm Bình.

Đồng thời, ưu tiên hỗ trợ đầu tư các khu, điểm du lịch vệ tinh; hạ tầng phục vụ du lịch cộng đồng; hệ thống biển chỉ dẫn, điểm dừng chân, trung tâm thông tin, công trình vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe quy mô nhỏ; phát triển sản phẩm và nâng

cao chất lượng dịch vụ du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với khai thác du lịch.

Các nội dung về phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số được triển khai theo các chương trình, đề án riêng của tỉnh và của ngành, không bố trí kinh phí trong Đề án này.

1. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí trực tiếp thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030 dự kiến là 846 tỷ đồng.

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 338 tỷ đồng, chiếm 40%;
- Nguồn xã hội hóa và huy động hợp pháp khác: 508 tỷ đồng, chiếm 60%.

Nguồn kinh phí nêu trên là nguồn ngân sách sự nghiệp và nguồn xã hội hóa trực tiếp phục vụ triển khai các nhiệm vụ phát triển du lịch theo nội dung Đề án, tập trung vào các nội dung: xúc tiến, quảng bá; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; phát triển sản phẩm du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; hỗ trợ đầu tư hạ tầng điểm đến quy mô nhỏ; nâng cao năng lực quản trị và chất lượng dịch vụ du lịch.

Các nội dung thuộc lĩnh vực chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa, thể thao gắn với du lịch, khoa học công nghệ, bảo tồn di sản văn hóa, phát triển hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành và các nhiệm vụ thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch chuyên ngành khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được triển khai theo các cơ chế, chính sách và nguồn kinh phí riêng theo quy định; không tính trùng, không cộng gộp vào tổng kinh phí thực hiện Đề án này.

Kinh phí thực hiện Đề án nêu trên không bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đã được ban hành hoặc sẽ ban hành theo các chương trình, đề án, nghị quyết riêng của Trung ương và của tỉnh.

Đối với các dự án kết cấu hạ tầng quy mô lớn, có tính chất liên ngành như đường bộ cao tốc, đường sắt, cảng hàng không, bến thủy nội địa, hạ tầng giao thông kết nối vùng, hạ tầng thể thao gắn với du lịch và các công trình kỹ thuật chuyên ngành khác, nguồn vốn thực hiện được cân đối, bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của Trung ương, của tỉnh, nguồn vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trên cơ sở các quy hoạch, chương trình, dự án chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không tính cộng gộp vào tổng kinh phí 846 tỷ đồng thực hiện trực tiếp Đề án này.

2. Phân kỳ đầu tư theo từng năm

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 là 846 tỷ đồng. Phân bổ theo từng năm như sau:

- Năm 2026: 30 tỷ đồng (ngân sách 15 tỷ đồng; xã hội hóa 15 tỷ đồng).
- Năm 2027: 215,5 tỷ đồng (ngân sách 102 tỷ đồng; xã hội hóa 113,5 tỷ đồng).
- Năm 2028: 233 tỷ đồng (ngân sách 103 tỷ đồng; xã hội hóa 130 tỷ đồng).
- Năm 2029: 191 tỷ đồng (ngân sách 76 tỷ đồng; xã hội hóa 115 tỷ đồng).
- Năm 2030: 176,5 tỷ đồng (ngân sách 42 tỷ đồng; xã hội hóa 134,5 tỷ đồng).

Trong đó, nguồn lực đầu tư được tập trung chủ yếu vào các năm 2027-2028, là giai đoạn triển khai cao điểm của Đề án, với các nội dung trọng tâm gồm:

- Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm, đặc biệt là Khu du lịch quốc gia Tân Trào, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và các khu du lịch cấp tỉnh, hệ thống điểm du lịch trên địa bàn;
- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá, liên kết hợp tác phát triển du lịch nhằm mở rộng thị trường, nâng cao hình ảnh và sức cạnh tranh của điểm đến;
- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, nhất là tại các khu vực phát triển du lịch cộng đồng, vùng sâu, vùng xa, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực quản lý;
- Phát triển sản phẩm du lịch chủ lực, bao gồm sản phẩm du lịch di sản, sinh thái, văn hóa - lịch sử, du lịch cộng đồng và các sản phẩm đặc thù của địa phương;
- Huy động mạnh nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt trong đầu tư phát triển khu, điểm du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ du lịch.

Các năm 2029-2030 tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả khai thác; đồng thời duy trì các hoạt động xúc tiến, quảng bá, đào tạo và bảo tồn tài nguyên du lịch, bảo đảm tính bền vững của Đề án.

Việc phân kỳ đầu tư theo hướng ưu tiên nguồn lực lớn trong giai đoạn 2027-2028 nhằm sớm hình thành hệ thống sản phẩm, hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, tạo động lực thu hút đầu tư xã hội hóa và thúc đẩy phát triển du lịch trong các giai đoạn tiếp theo.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

I. Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh và Công viên địa chất

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá hoạt động của các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện pháp luật, chính sách của nhà nước đối với công tác du lịch. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Nghiên cứu, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có

liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và xử lý các vướng mắc phát sinh trong hoạt động phát triển du lịch...

II. Phân công nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đôn đốc các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của đề án theo phân công của UBND tỉnh. Tham mưu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Phối hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch; tham gia thẩm định các dự án đầu tư du lịch phù hợp với quy hoạch. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án về xúc tiến quảng bá, phát triển sản phẩm, nguồn nhân lực du lịch, hợp tác liên kết và ứng dụng khoa học - công nghệ theo từng giai đoạn. Hướng dẫn UBND cấp xã chú trọng định hướng phát triển du lịch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Chủ trì, phối hợp bảo tồn, phục dựng lễ hội truyền thống, trò diễn dân gian, loại hình nghệ thuật, nghề thủ công phục vụ phát triển du lịch. Tham mưu cho tỉnh tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết. Phối hợp với Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam và các sở, ngành liên quan tổ chức xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa và tiềm năng du lịch của tỉnh. Phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch và tổ chức phát huy giá trị các sản phẩm du lịch của tỉnh, đặc biệt là du lịch giáo dục lịch sử. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch; hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở kinh doanh du lịch nâng cao chất lượng dịch vụ. Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh. Định kỳ 6 tháng, năm và yêu cầu của tỉnh trong việc tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề án.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh gắn với mục tiêu phát triển du lịch, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tham mưu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào các khu du lịch; nghiên cứu chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng làm du lịch. Trên cơ sở chỉ tiêu, kế hoạch vốn được phê duyệt của cấp có thẩm quyền, phối hợp cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện kế hoạch huy động nguồn lực, tham mưu bố trí ngân sách nhà nước theo quy định và tình hình thực tế tại địa phương để triển khai nhiệm vụ được phê duyệt trong Đề án như: phát

triển hạ tầng, sản phẩm du lịch, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến quảng bá, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch.... Tham mưu đánh giá tác động của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh trong việc đảm bảo mục tiêu bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện cơ chế tài chính theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương triển khai có hiệu quả các Đề án phát triển du lịch trong vùng bảo tồn thiên nhiên, môi trường rừng... Xây dựng kế hoạch phát triển bảo tồn, khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phát triển trang trại Farmstay phục vụ du lịch. Tham mưu chính sách đất đai để thu hút đầu tư triển khai các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Ban hành quy hoạch vùng trồng như: hoa Tam giác mạch, hoa Đào, hoa Lê, hoa cải vàng, ruộng bậc thang, dược liệu, rau sạch...; vùng chăn nuôi cung cấp thực phẩm địa phương: như gà đồi, lợn đen, bò vàng, cá bống, cá lăng, cá Chiên... tạo thành không gian cảnh quan và nguồn ẩm thực đặc trưng hấp dẫn du khách. Nghiên cứu phát triển đảm bảo chất lượng, số lượng đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng thu nhập cho người dân. Tham mưu ban hành Đề án xử lý hệ thống rác thải trên địa bàn tỉnh đến năm 2035, định hướng đến năm 2050 đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp. Lập phương án nghiên cứu khả thi đánh giá tác động của thiên tai đối với các khu, điểm du lịch trên địa bàn. Nghiên cứu và thu hút các nguồn lực đầu tư các dự án cung cấp nước sinh hoạt tại khu du lịch Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn. Tham gia đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong vùng du lịch đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên và môi trường du lịch. Phối hợp với chính quyền địa phương bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái tại các khu, điểm du lịch.

4. Sở Xây dựng

Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về xây dựng gồm: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng...theo Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang. Chủ trì tham mưu triển khai các dự án giao thông, bãi đỗ xe, hạ

tăng kỹ thuật phục vụ du lịch. Tham mưu lồng ghép các nguồn lực để đầu tư nâng cấp cải thiện hạ tầng cơ sở tại các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh. Tăng cường quản lý phương tiện vận chuyển khách du lịch theo quy định và lập phương án chi tiết vận tải khách du lịch mùa cao điểm đảm bảo thông suốt, an toàn. Hướng dẫn các địa phương triển khai các hoạt động giao thông đường thủy trong hoạt động du lịch và thu hút các dự án giao thông mới như taxi bay, cáp treo, xe điện... phù hợp với không gian phát triển của tỉnh và các quy định của pháp luật. Thực hiện công tác quản lý xây dựng trong các khu điểm du lịch, di sản đảm bảo mục tiêu bảo tồn kiến trúc văn hóa truyền thống, an toàn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu thu hút các dự án đầu tư khoa học công nghệ trong lĩnh vực du lịch. Phối hợp với các ngành chức năng triển khai có hiệu quả các dự án khoa học công nghệ và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong lĩnh vực văn hóa, du lịch, đặc biệt là tích hợp dữ liệu di sản văn hóa, số hóa các khu, điểm du lịch... phục vụ nhu cầu tìm hiểu du khách. Đề xuất các dự án nghiên cứu khoa học công nghệ phát triển các sản phẩm du lịch thể mạnh của tỉnh như: du lịch cộng đồng, kinh tế tuần hoàn, du lịch dược liệu, vật liệu xây dựng công nghệ mới gắn với văn hóa truyền thống địa phương... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch. Đề xuất phương án phổ rộng phủ sóng mạng di động và Internet trong toàn tỉnh để phục vụ nhu cầu du khách. Hướng dẫn xây dựng, bảo hộ và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức tuyên truyền giáo dục lịch sử văn hóa địa phương trong các cấp học nhằm mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống, kỹ năng nghề du lịch cho thế hệ trẻ của tỉnh. Chủ trì định hướng nghề nghiệp nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực du lịch tại chỗ có am hiểu văn hóa, tinh thông ngoại ngữ có kỹ năng nghề. Phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch địa phương. Nghiên cứu đề xuất phát triển các sáng kiến trong việc nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch và hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch của tỉnh.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch nhằm mục tiêu bảo tồn văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. Phối hợp triển khai các mô hình kinh tế di sản, công nghiệp văn hóa có thể mạnh của tỉnh. Tăng cường công tác số hóa thông tin dữ liệu và giới thiệu quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc. Thực hiện

công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp phát huy giá trị các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trở thành các sản phẩm du lịch tâm linh hấp dẫn. Đề xuất tham mưu hình thành các cơ sở tín ngưỡng tâm linh phù hợp với giá trị dân tộc, văn hóa địa phương và gắn với các tour tuyến du lịch.

8. Sở Ngoại vụ

Tham mưu cho tỉnh thiết lập, mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch; trọng tâm là các mạng lưới du lịch quốc tế, Công viên địa chất toàn cầu và các địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ hữu nghị. Chủ trì triển khai các chương trình ngoại giao văn hóa; phối hợp quảng bá tiềm năng, thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang thông qua các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo tỉnh, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các sự kiện đối ngoại nhân dân để thu hút khách quốc tế và các nhà đầu tư chiến lược. Chủ trì tham mưu cho tỉnh cơ chế tổ chức đón khách Trung Quốc và khách nước thứ 3 đến Tuyên Quang qua các cửa khẩu, lối mở giữa Việt Nam với Trung Quốc. Phối hợp quản lý và hướng dẫn các đoàn khách quốc tế, phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động, khảo sát và đưa tin về du lịch tại tỉnh; đảm bảo các hoạt động tuân thủ quy định về an ninh đối ngoại và nghi thức lễ tân ngoại giao. Phối hợp thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các đối tác, nhà đầu tư quốc tế và các tổ chức phi chính phủ triển khai các dự án, chương trình hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh; tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh có yếu tố nước ngoài trong hoạt động du lịch.

9. Công an tỉnh

Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đảm bảo an ninh, trật tự lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 - 2030” phục vụ nhiệm vụ phát triển du lịch địa phương.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch biên giới gắn với củng cố quốc phòng, an ninh biên giới, tạo môi trường an toàn tuyệt đối cho du khách, tham gia các hoạt động cứu hộ, cứu nạn trong du lịch khi xảy ra các tình huống khẩn cấp.

11. Báo và Phát thanh – Truyền hình tỉnh Tuyên Quang

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang trên các loại hình báo chí và nền tảng truyền

thông số. Xây dựng và duy trì các chuyên trang, chuyên mục, chương trình truyền hình, phát thanh, báo điện tử, phóng sự, phim tài liệu, clip quảng bá về tiềm năng, thể mạnh, tài nguyên du lịch, các sản phẩm du lịch đặc trưng, di sản văn hóa, lễ hội và bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Chủ động tuyên truyền, giới thiệu các sự kiện văn hóa – du lịch lớn của tỉnh; phối hợp truyền thông các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch trong nước và quốc tế; góp phần xây dựng và lan tỏa hình ảnh điểm đến Tuyên Quang an toàn, thân thiện, hấp dẫn, từng bước nâng cao nhận diện thương hiệu du lịch của tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về du lịch và bảo vệ tài nguyên. Tổ chức tham vấn các cơ chế chính sách trong phát triển du lịch của tỉnh. Thực hiện cơ chế giám sát các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch theo nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh.

13. Các Sở, Ban, Ngành khác của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành mình, phối hợp thực hiện các chương trình, dự án có liên quan đến phát triển du lịch. Lồng ghép mục tiêu du lịch vào các chương trình, dự án chuyên ngành nhằm huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư.

14. Hiệp hội Du lịch tỉnh

Là đầu mối tham mưu cho tỉnh cung cấp các chủ trương, đường lối, chính sách, đề án, kế hoạch... phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và lĩnh vực du lịch nói riêng đến các hội viên nhằm thống nhất nhận thức trong phát triển du lịch của tỉnh. Là cầu nối kết nối các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh để tham mưu đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách phát triển du lịch của tỉnh. Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, chương trình hợp tác để phát triển sản phẩm du lịch địa phương. Tổ chức nghiên cứu, chia sẻ thông tin thị trường, xu hướng du lịch trong nước và quốc tế. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, các xã, phường để quảng bá hình ảnh du lịch, xây dựng thương hiệu điểm đến, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân lực du lịch (hướng dẫn viên, quản lý khách sạn, nhân viên dịch vụ...) của tỉnh. Tổ chức hoặc tham gia hội chợ, sự kiện, chương trình xúc tiến du lịch trong và ngoài nước. Đề xuất thu hút các nhà đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch trên địa bàn. Thực hiện chế độ

báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan đơn vị trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

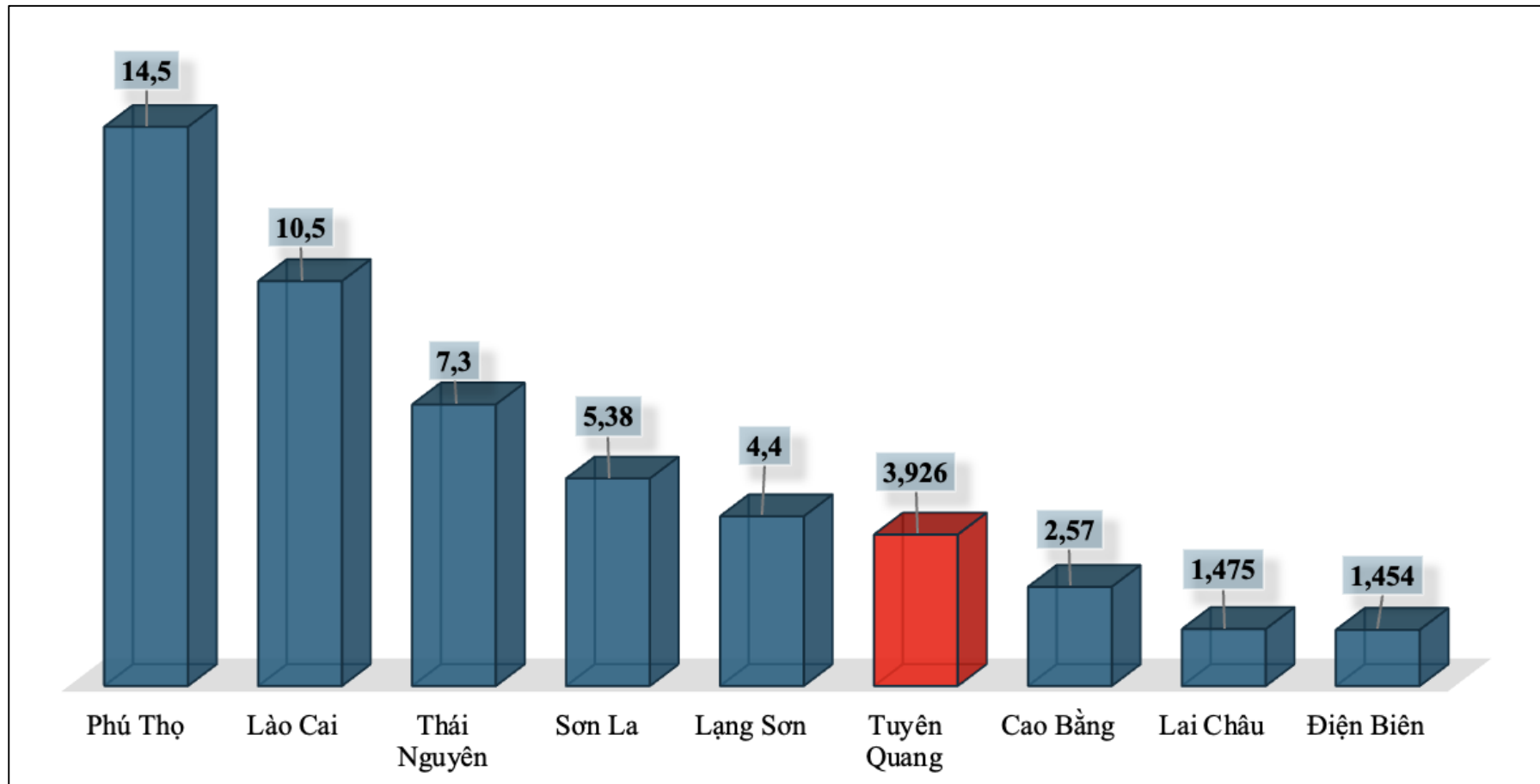
15. Ủy ban nhân dân cấp xã

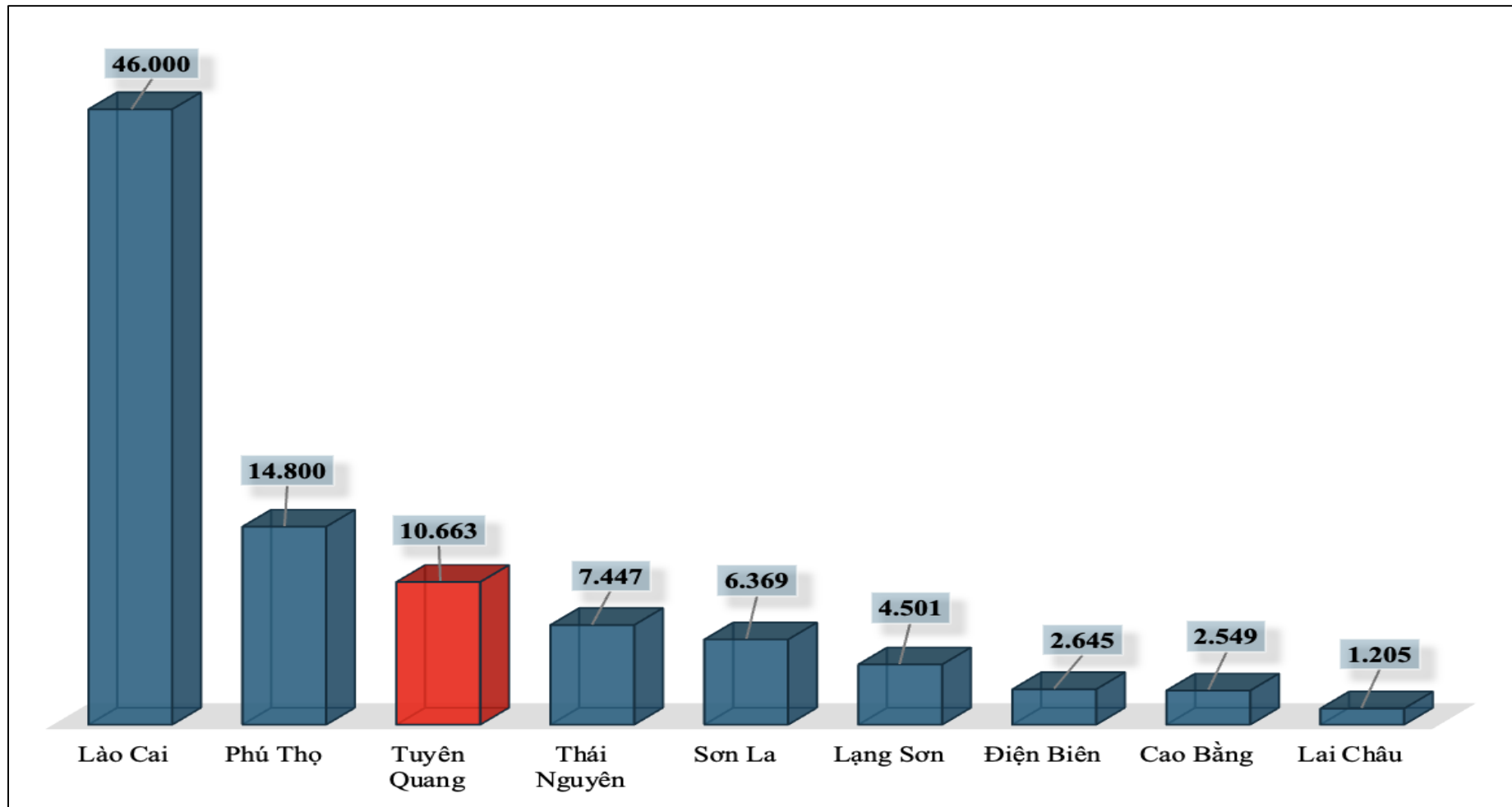
Chủ trì tổ chức rà soát đánh giá tiềm năng du lịch địa phương để lập đề án, phương án, kế hoạch chi tiết phát triển du lịch trên địa bàn phù hợp với chiến lược, mục tiêu và quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh. Thực hiện việc quản lý đối với các tài nguyên, khu, điểm du lịch và các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn. Ban hành các quy chế, các mô hình, phương án quản lý các khu, điểm du lịch để quản lý nhằm xây dựng môi trường du lịch xanh, chuyên nghiệp, hiệu quả, an toàn, thân thiện và hấp dẫn. Lồng ghép các nguồn lực phát triển của tỉnh và nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia để cải thiện cơ sở hạ tầng, bảo tồn văn hóa, phát triển nguồn lực, sản xuất thực phẩm, bảo vệ môi trường... gắn với phát triển du lịch bền vững, tạo sinh kế bền vững cho người dân. Xây dựng chiến lược xúc tiến quảng bá du lịch của địa phương gắn với ứng dụng chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động quảng bá như: lập trang thông tin du lịch địa phương, mã QR tại các điểm đến, mời các KOLs giới thiệu điểm đến... Chủ động tổ chức nghiên cứu đề xuất thu hút các dự án phát triển du lịch trên địa bàn và có cơ chế khuyến khích, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu đề xuất phương án thu giá dịch vụ tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn để bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa và tái đầu tư cơ sở hạ tầng... Thực hiện nghiên túc chế độ thông tin báo cáo với các cơ quan chức năng trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

16. Các đơn vị kinh doanh du lịch, dịch vụ

Chủ động xây dựng phương án kinh doanh, huy động vốn đầu tư, phát triển thị trường. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ lao động du lịch; đẩy mạnh liên doanh, liên kết và xây dựng thương hiệu.

Trên đây là Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Trong quá trình triển khai thực hiện có những khó khăn, vướng mắc đề nghị các ngành, địa phương báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

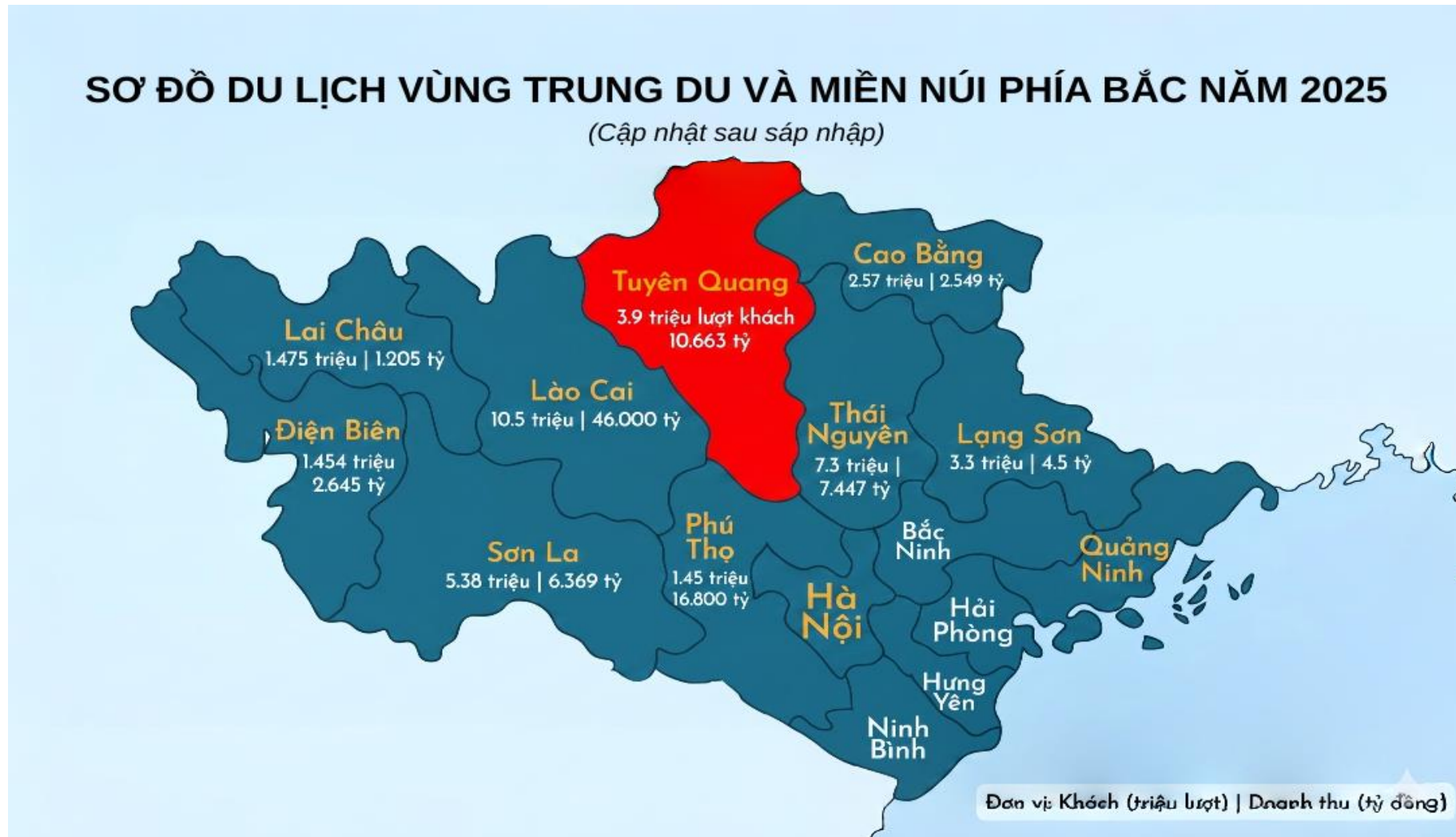
Phụ lục 1. Thống kê lượng khách du lịch các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2025*Đơn vị tính: Triệu lượt khách*

Phụ lục 2. Thống kê doanh thu du lịch các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2025*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Phụ lục 3. Cơ cấu GRDP và tỷ lệ của ngành du lịch các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Tỉnh	GRDP (tỷ đồng)	Tỷ lệ của ngành du lịch trong GRDP tỉnh (%)
Phú Thọ	412.401	4%
Thái Nguyên	200.000	4%
Lào Cai	142.057	32%
Sơn La	96.005	7%
Tuyên Quang	95.634	11,3%
Lạng Sơn	58.273	8%
Lai Châu	39.974	3%
Điện Biên	35.657	7%
Cao Bằng	27.935	9%

Phụ lục 4. Sơ đồ cơ cấu du lịch các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc



Phụ lục 5. Lượng khách quốc tế đến Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025

Đơn vị: lượt khách

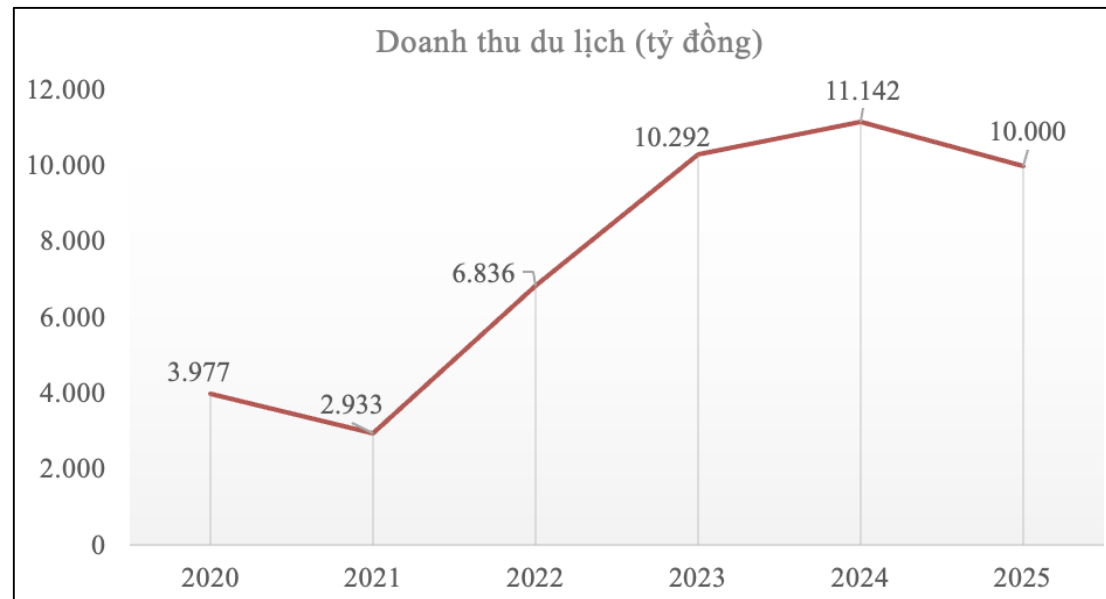
Năm Khách quốc tế	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Hà Giang	70.391	4.382	71.308	304.558	400.340	
Tuyên Quang (trước sáp nhập)	1.768	807	1.807	5.900	6.750	
Tuyên Quang						546.657

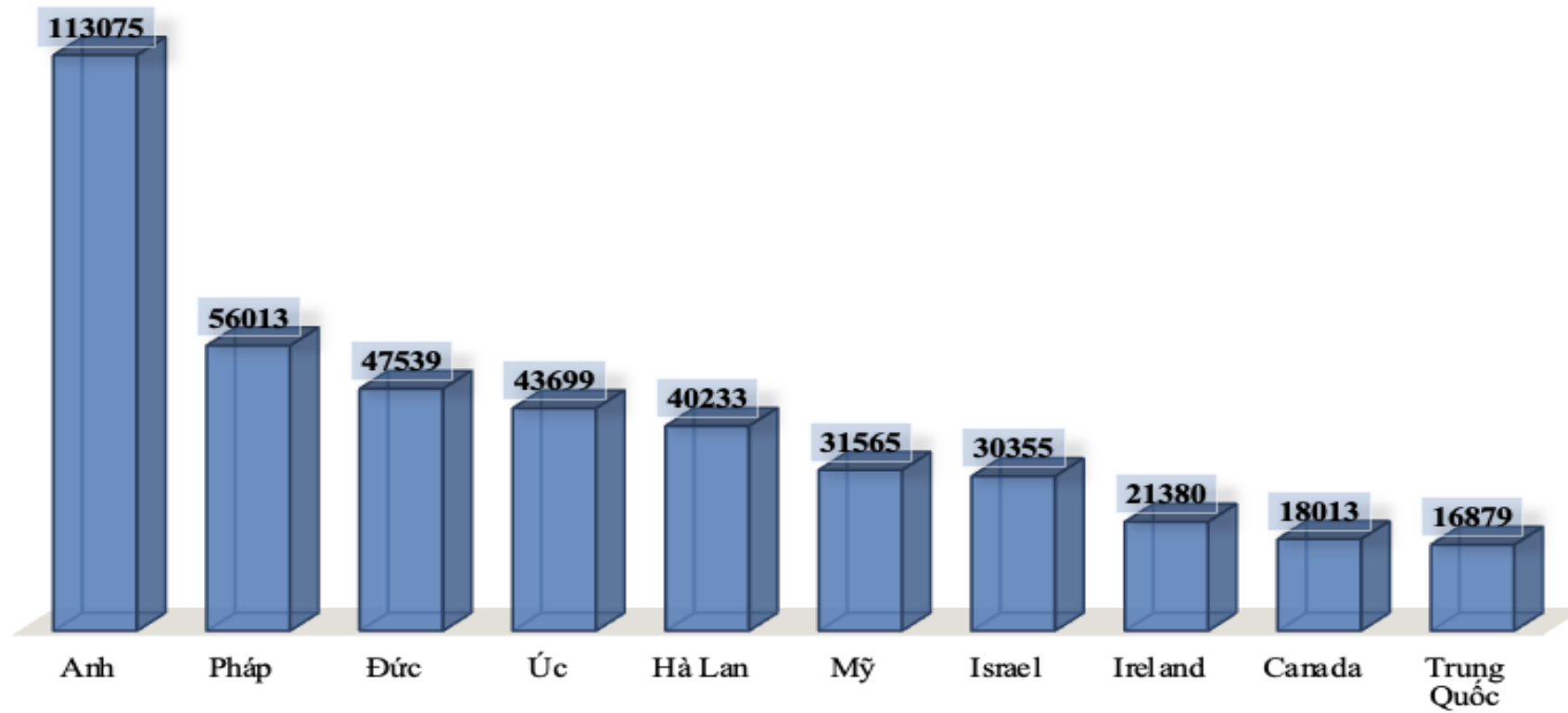
Phụ lục 6. Lượng khách nội địa đến Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025*Đơn vị: lượt khách*

Năm Khách nội địa	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Hà Giang	1.501.360	908.050	2.268.000	3.018.000	3.286.000	
Tuyên Quang (trước sáp nhập)	1.706.232	1.899.193	2.370.193	2.644.100	2.889.250	
Tuyên Quang						3.926.057

Phụ lục 7. Doanh thu du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025*Đơn vị: tỷ đồng*

Doanh thu du lịch	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tuyên Quang (trước sáp nhập)	1.500	1.300	2.300	3.200	3.700	-
Hà Giang	2.477	1.633	4.536	7.092	8.142	
Tuyên Quang	3.977	2.933	6.836	10.292	11.142	10.633



Phụ lục 8. Thống kê 10 thị trường khách quốc tế lớn nhất đến Tuyên Quang năm 2025*Đơn vị: lượt khách*

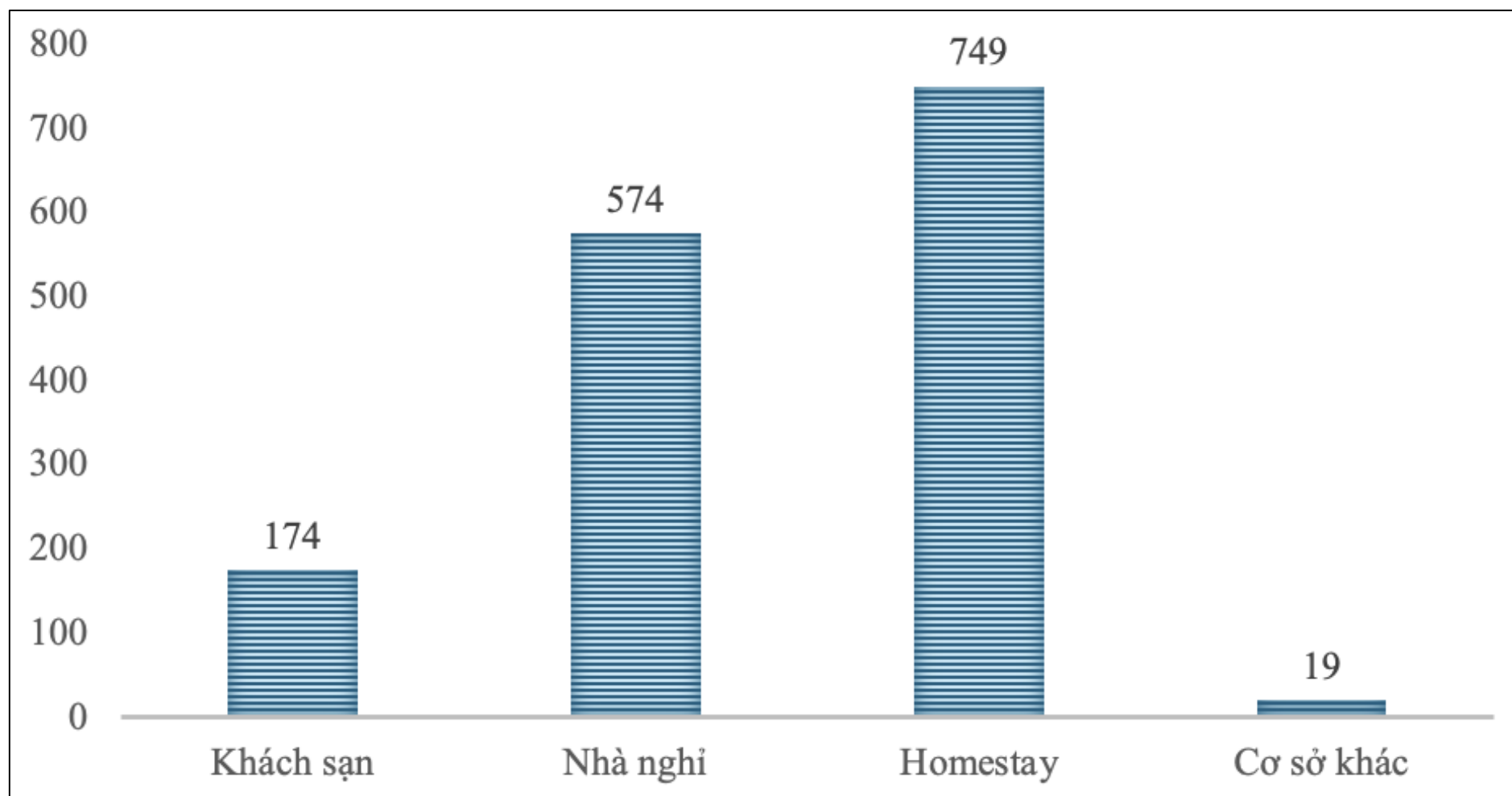
Phụ lục 9. Các thị trường khách quốc tế chủ đạo đến Tuyên Quang

	Quốc gia	Lượng khách 2025	2030	2035	2050	Tốc độ tăng trưởng TB/năm
Top dẫn đầu	Anh	113.075	124.383	136.821	150.503	10%
	Pháp	56.013	61.614	67.776	74.553	10%
	Đức	47.539	52.293	57.522	63.274	10%
	Úc	43.699	48.069	52.876	58.163	10%
Nằm trong top 10	Hà Lan	40.233	44.256	48.682	53.550	10%
	Mỹ	31.565	34.722	38.194	42.013	10%
	Israel	30.355	33.391	36.730	40.403	10%
	Ireland	21.380	23.518	25.870	28.457	10%
	Canada	18.013	19.814	21.796	23.975	10%
	Trung Quốc	16.879	18.567	20.424	22.466	10%

Ghi chú: Căn cứ số liệu 2025, dự báo tăng trưởng các năm

Phụ lục 10. Lao động trong ngành du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 – 2025

[illegible]

Phụ lục 11. Tổng hợp số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025

Phụ lục 12. Các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2025

	Chính sách
Tuyên Quang cũ	Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Đề án Đổi mới tổ chức Lễ hội Thành Tuyên, giai đoạn 2023 – 2025...
Hà Giang cũ	Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 04/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 15- NQ/TU ngày 06/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang, giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 19- NQ/TU, ngày 26/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến năm 2028 trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

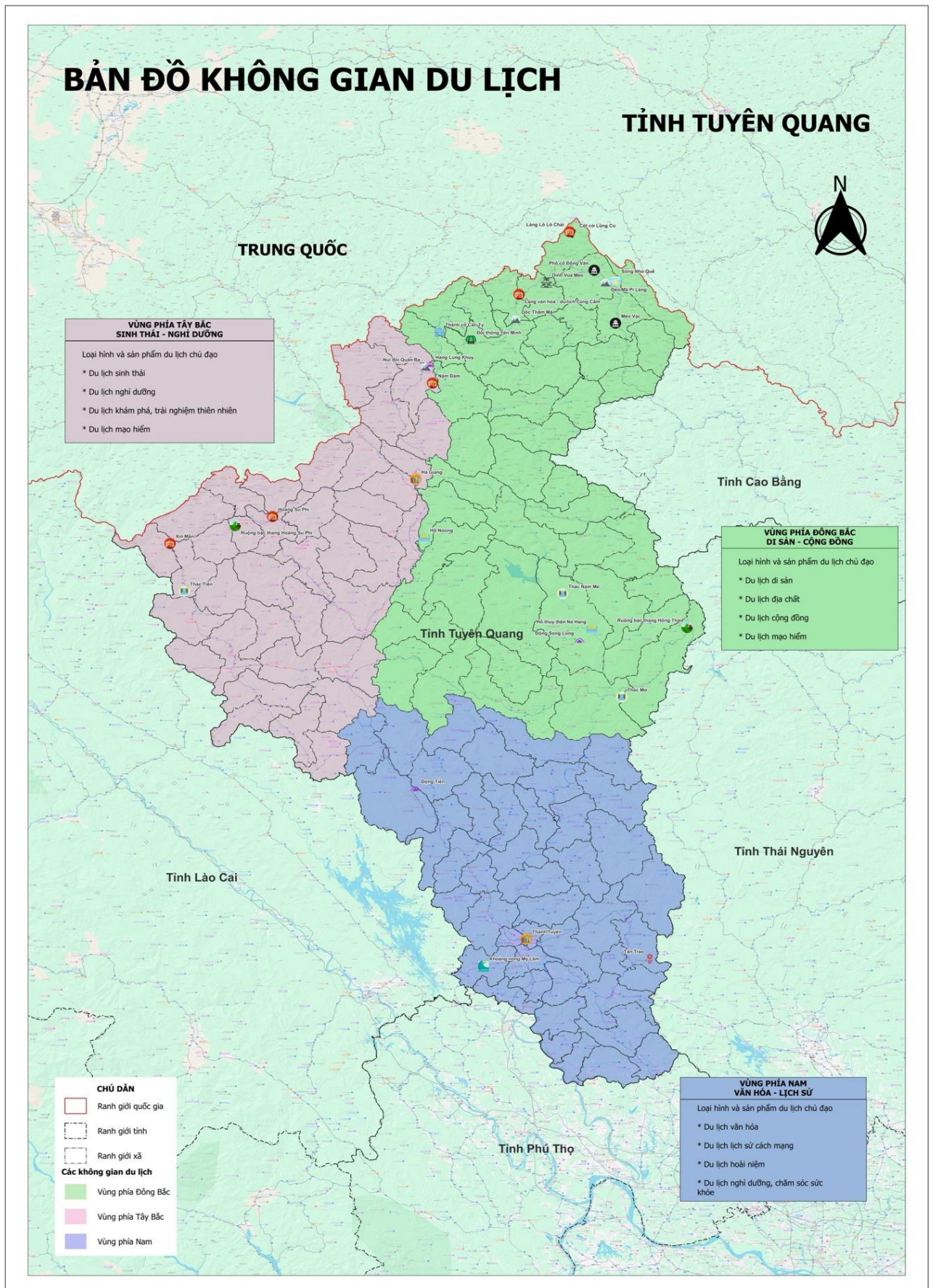
Phụ lục 13. Ma trận về sản phẩm và phân khúc quốc tế du lịch tỉnh đến 2030, tầm nhìn đến 2050

Phân khúc Sản phẩm	Siêu sang	Hạng sang	Phổ thông	Bình dân
Cao cấp				
Trải nghiệm văn hoá sâu				
Sinh thái - nghỉ dưỡng				
Du lịch cộng đồng				
Du lịch đại chúng				
Biên giới				
Du lịch về nguồn				
Lịch sử - văn hoá				

Ghi chú mức độ:

Ưu tiên nhất	
Ưu tiên vừa	
Ít ưu tiên	

Phụ lục 14. Không gian du lịch tỉnh Tuyên Quang đến 2030, định hướng 2050



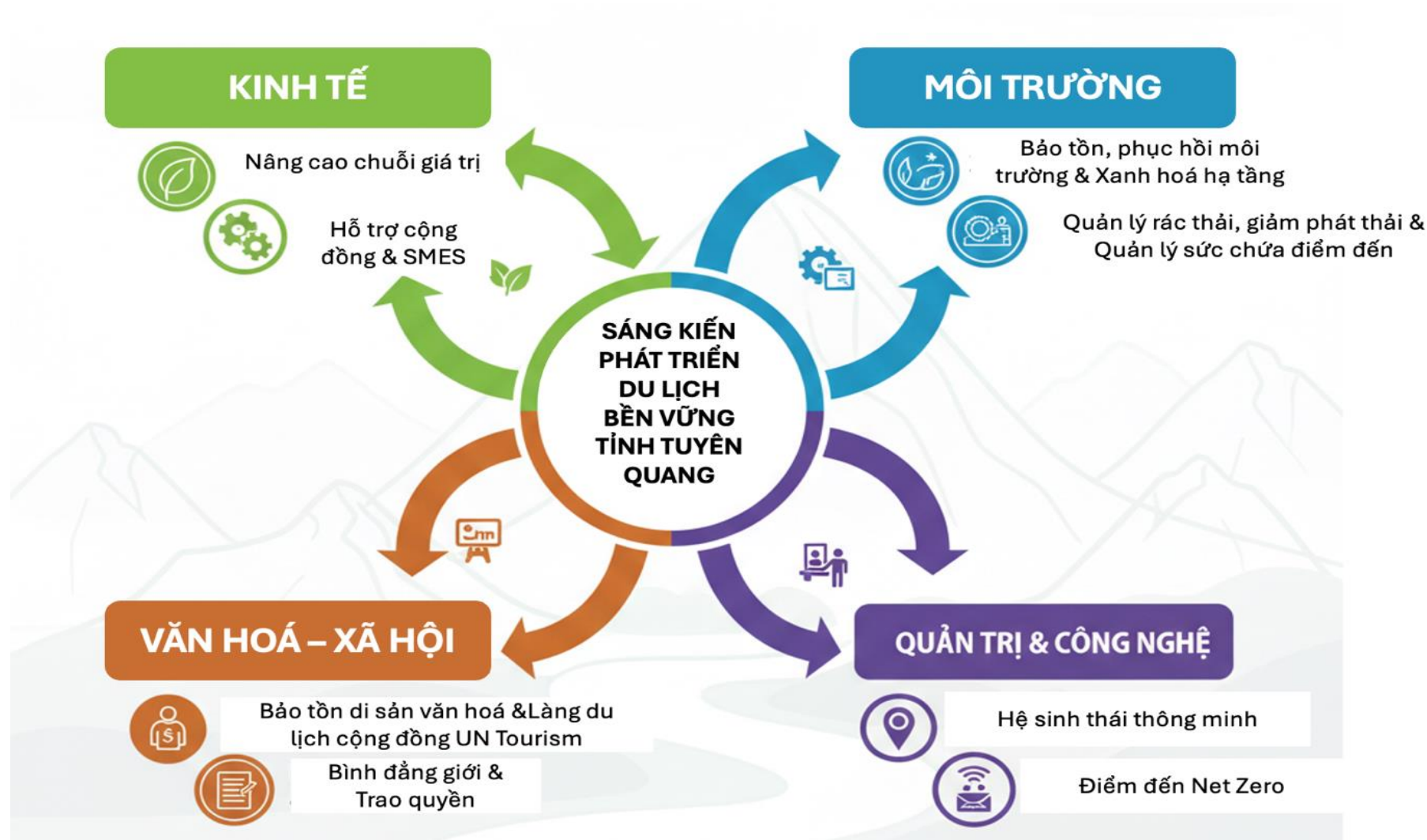
Phụ lục 15. Định hướng thị trường khách du lịch quốc tế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

Thị trường Sản phẩm	Anh, Pháp và châu Âu	Trung Quốc	Nhật Bản, Hàn Quốc	Châu Á (Đài Loan, Ấn Độ, Trung Đông,...)	Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Canada,.) và Australia	ASEAN
Lịch sử - văn hoá						
Công vụ (MICE)						
Sinh thái - nghỉ dưỡng						
Du lịch cộng đồng						
Du lịch trải nghiệm, checkin						
Biên giới						
Du lịch về nguồn						
Nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ						
Lễ hội, tâm linh						

Phụ lục 16. Định hướng thị trường khách du lịch nội địa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

Thị trường Sản phẩm	Hà Nội	Miền Bắc (Trung du miền núi phía Bắc, ĐB Sông Hồng)	TP. Hồ Chí Minh	Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ	Duyên hải miền Trung
Lịch sử - văn hoá					
Công vụ (MICE)					
Sinh thái - nghỉ dưỡng					
Du lịch cộng đồng					
Du lịch trải nghiệm, checkin					
Biên giới					
Du lịch về nguồn					
Nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ					
Lễ hội, tâm linh					

Phụ lục 17. Sơ đồ hoá khung sáng kiến phát triển du lịch tỉnh đến 2030, tầm nhìn đến 2050



Phụ lục 18. Khung sáng kiến phát triển du lịch tỉnh đến 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
1	Kinh tế	Nâng cao chuỗi cung ứng du lịch	- Kết nối các nhà cung cấp dịch vụ địa phương, chuẩn hoá chất lượng sản phẩm đầu vào cho du lịch. - Yêu cầu: Các nhà kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cam kết sử dụng 100% nguyên liệu địa phương (nông sản, thực phẩm,...) bằng việc thu mua của người dân địa phương. - Hỗ trợ các HTX nông nghiệp, dịch vụ sản xuất các sản phẩm đặc sản với mẫu mã, chất lượng cao như (mật ong bạc hà, thịt gác bếp,...) tạo ra những bộ quà tặng phục vụ khách du lịch. - Hỗ trợ đào tạo, nâng cao kỹ thuật về canh tác nông nghiệp, hỗ trợ về giống cho người dân địa phương nhằm nâng cao chất lượng nông sản phục vụ du lịch. - Các thành phần khác trong chuỗi giá trị du lịch như lưu trú, vận chuyển, tham quan, hạ tầng cần được kết nối chặt chẽ nhằm nâng cao giá trị của ngành du lịch địa phương.
		Kinh tế di sản	- Khai thác các giá trị của di sản thiên nhiên và di sản văn hoá bền vững tạo ra các giá trị bền vững cho ngành du lịch tỉnh Tuyên Quang. - Các sản phẩm du lịch và dịch vụ khai thác các giá trị từ di sản thiên nhiên như Cao nguyên đá Đổng Vần, Khu danh lam thắng cảnh Na Hang – Lâm Bình,... tạo ra các lợi ích kinh tế thông qua du lịch bền vững, du lịch sinh thái. Bài học kinh nghiệm có thể thấy từ một số mô hình như Di sản Tràng An (Ninh Bình); Di sản Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Trị),... - Các sản phẩm du lịch và dịch vụ khai thác các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể như Khu di tích Tân Trào, các lễ hội, các làng nghề truyền thống,... tạo ra lợi ích kinh tế bền vững góp phần bảo tồn di sản văn hoá.
		Kinh tế trải nghiệm	- Thiết kế các hoạt động tương tác trực tiếp cho khách du lịch thay vì tham quan thuần túy nhằm tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách du lịch. - Tại các điểm tham quan: Thiết kế các hoạt động tương tác và trải nghiệm sâu về văn hoá tự nhiên như: + Trải nghiệm làm nông nghiệp tại Đổng Vần, Mèo Vạc; + Trải nghiệm nghề thủ công mỹ nghệ tại Chế tác khèn, thêu dệt vải lanh của người Mông; nghề chạm bạc của người Nùng, làm nó hai mê của người Tày, v.v. + Trải nghiệm cuộc sống của các nhân vật trong bối cảnh phim tại Nhà của Pao, Dinh thự Vua Mèo; làng Sảo Há, v.v.
			- Cung cấp các gói tín dụng ưu đãi hỗ trợ các cộng đồng khởi nghiệp làm du lịch và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
		Hỗ trợ cộng đồng và doanh nghiệp vừa và nhỏ	- Hỗ trợ các gói nâng cao năng lực về quản trị, kỹ năng kinh doanh, tiếp thị cho người dân địa phương và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. - Tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận các chương trình, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội cho cộng đồng và doanh nghiệp địa phương. - Tạo cơ chế để cộng đồng và doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách trong phát triển du lịch tại địa phương.
2	Môi trường	Bảo tồn và phục hồi môi trường	- Thực thi các chiến lược về bảo vệ môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh nhằm gia tăng độ che phủ và chất lượng của các hệ sinh thái tự nhiên như Tây Côn Lĩnh, Du Già, Na Hang – Lâm Bình, Phong Quang, Bát Đại Sơn, v.v. - Tái trồng rừng, duy trì độ che phủ và bảo vệ đa dạng sinh học tại các điểm tham quan thiên nhiên, các rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh. - Thay đổi phương thức trong sử dụng phân bón trong nông nghiệp từ phân bón hoá học sang phân bón hữu cơ nhằm bảo vệ môi trường đất và nước.
		Xanh hoá hạ tầng	- Từng bước thực thi các biện pháp xanh hoá hạ tầng giao thông bằng cách: + Chuyển đổi phương tiện: Thực hiện lộ trình thay thế xe buýt, taxi chạy xăng/dầu sang xe điện hoặc nhiên liệu xanh tại các tuyến chính của tỉnh như tuyến Tuyên Quang – Tân Trào; Tân Trào – Hàm Yên; Hà Giang – Đồng Văn, Hà Giang – Yên Minh – Quản Bạ, v.v. + Ưu tiên đường sắt: Tập trung nguồn vốn vào các dự án đường sắt trong đó nghiên cứu kết nối hệ thống đường sắt quốc gia đến Tuyên Quang nhằm giảm phát thải trong sử dụng giao thông cá nhân. - Tiến hành thực hiện xanh hoá hạ tầng du lịch, bao gồm việc áp dụng các công trình xanh trong ngành du lịch: Khách sạn, khu nghỉ dưỡng thân thiện với môi trường sử dụng các vật liệu như tre, đá tự nhiên,... và ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng (điện mặt trời, hệ thống quản lý nước thông minh). - Kết nối giao thông xanh tại điểm đến: Tại các điểm du lịch như Khu di tích Tân Trào, Khu danh lam thắng cảnh Na Hang – Lâm Bình, Cao nguyên đá Đồng Văn,... cung cấp các dịch vụ xe đạp công cộng, xe điện nội khu hoặc thuyền chạy bằng điện. - Cải tạo hạ tầng chung bằng cách trồng cây xanh, cây bản địa, cải tạo môi trường sau thiên tai như sạt lở, lũ lụt, v.v.
			- Quản lý rác thải thông minh (Waste Management) + Phân loại tại nguồn: Tiên quyết thực hiện việc phân loại rác trên địa bàn tỉnh. Bước đầu có thể thử nghiệm tại một số điểm du lịch, một số cộng đồng, lãnh du lịch tiêu biểu. Rác cần được tác riêng như rác hữu cơ (ủ phân bón); rác tái chế (nhựa, giấy, kim loại); rác không tái chế (xử lý).

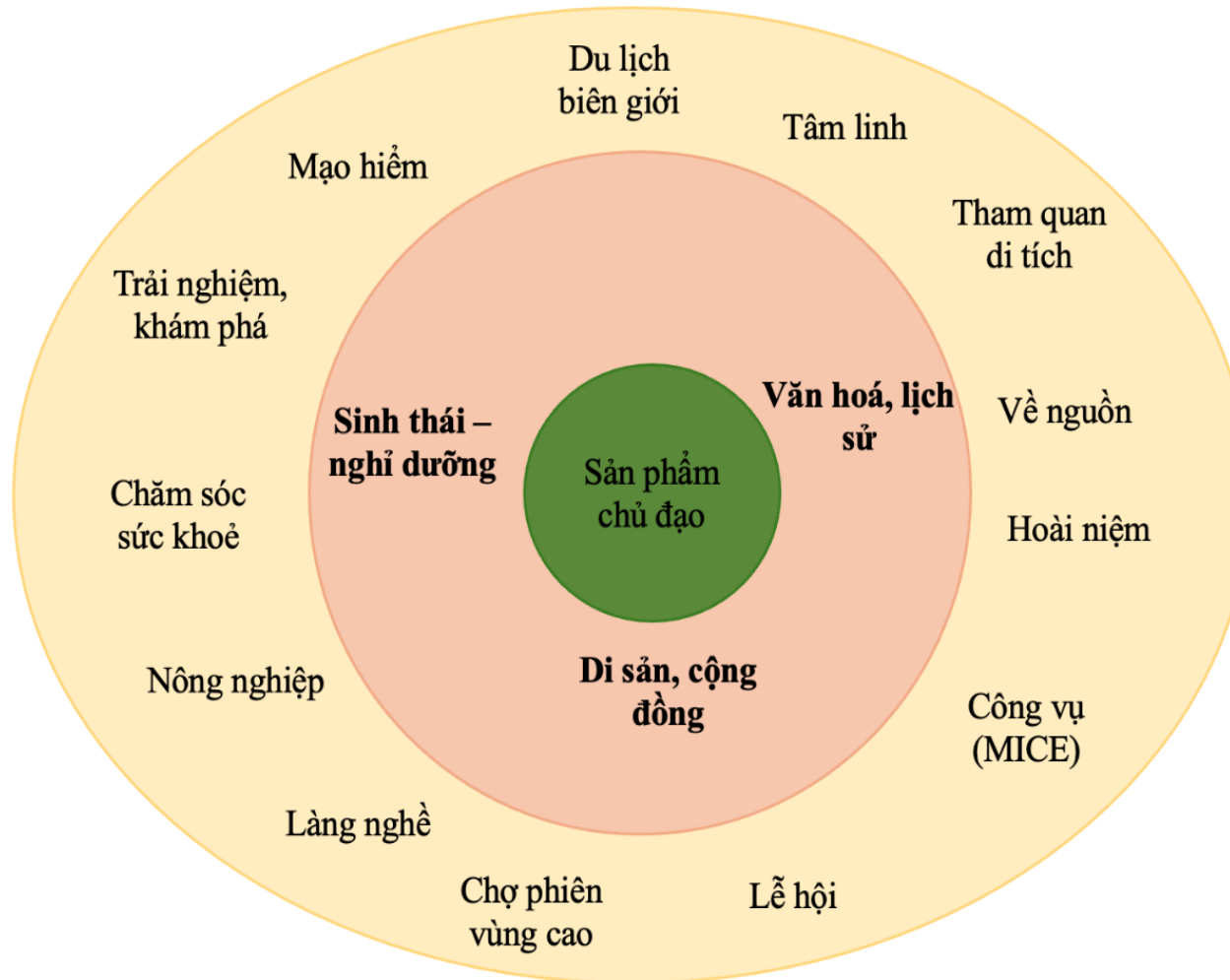
TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
		Quản lý rác thải và giảm phát thải	+ Đầu tư hệ thống xử lý: Hạn chế tối đa việc chôn lấp (gây ô nhiễm nghiêm trọng đất và nước ngầm); Phát triển hệ thống nhà máy điện rác (Waste – to Energy) để tận dụng từ việc đốt rác tạo ra năng lượng. Thí điểm xây dựng 02 nhà máy tại khu vực phường Hà Giang 1, và phường Minh Xuân. - Giảm phát thải khí nhà kính + Chuyển đổi năng lượng hoàn toàn trong ngành du lịch. Thay thế năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo như gió, mặt trời, v.v + Các hoạt động du lịch phát thải thấp như vận chuyển bằng xe điện, nhiên liệu sinh học; dịch vụ ăn uống giảm việc phát thải thức ăn thừa, sử dụng nhiều thực phẩm, v.v.
		Quản lý sức chứa điểm đến	- Xây dựng dự án về quản lý sức chứa điểm đến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang - Sức chứa điểm đến cần được kiểm soát trên 4 khía cạnh: Sức chứa vật lý, sức chứa sinh thái, sức chứa tâm lý, sức chứa xã hội. - Các công cụ quản lý sức chứa có thể được áp dụng: + Hệ thống đặt chỗ trước: Bắt buộc khách đăng ký qua ứng dụng hoặc website để kiểm soát số lượng ngay từ ban đầu. + Phân vùng chức năng: Chia điểm đến thành các khu vực khác nhau (khu vực hạn chế khách, khu vực tập trung,...) + Quản lý luồng khách: Thiết kế đường đi một chiều hoặc quy định thời gian tham quan tối đa tại các điểm để tránh việc quá tải.
3	Văn hoá – Xã hội	Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá	- Kiểm tra và số hoá di sản: Tiến hành lập hồ sơ khoa học, quét 3D và lưu trữ tư liệu về di sản (vật thể và phi vật thể). - Tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử. Xây dựng các chương trình, dự án về bảo tồn di sản văn hoá. - Bảo tồn “sống”: Không chỉ bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá, mà cần bảo tồn các cộng đồng văn hoá, làng văn hoá đang hiện hữu bằng việc hỗ trợ nghệ nhân truyền dạy cho các thế hệ trẻ. Có những chính sách đãi ngộ đặc thù để các nghệ nhân yên tâm giữ nghề. - Phát huy các giá trị di sản thông qua du lịch bền vững gắn với quản lý sức chứa, giáo dục di sản cho thế hệ trẻ.
		Mô hình làng du lịch cộng đồng UN Tourism	- Xây dựng các mô hình làng du lịch cộng đồng dựa trên triết lý cốt lõi của UN Tourism: “Của cộng đồng, bởi cộng đồng và vì cộng đồng” - Cộng đồng địa phương ở một số làng du lịch như Lô Lô Chải, Năm Dăm, Thèn Pả, v.v. cần phải là chủ thể tham gia trực tiếp vào việc lập kế hoạch và ra quyết định. - Phát triển bao trùm: Đảm bảo lợi ích kinh tế được phân phối công bằng cho mọi thành viên, đặc biệt là phụ nữ, thanh niên và các nhóm dễ bị tổn thương.

TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
			- Nâng cao thu nhập đi đôi với việc bảo vệ các giá trị truyền thống, đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên. - Ưu tiên phát triển chuỗi giá trị địa phương (nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, ẩm thực).
		Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và các nhóm yếu thế	- Khuyến khích phụ nữ và các nhóm yếu thế tham gia ào chuỗi giá trị du lịch như quản lý homestay, làm hướng dẫn viên địa phương, sản xuất thủ công mỹ nghệ hoặc cung ứng nông sản. - Hỗ trợ các khoản vay tín dụng ưu đãi và hướng dẫn kỹ năng quản lý tài chính để họ có thể tự khởi nghiệp kinh doanh nhỏ tại địa phương. - Ưu tiên quảng bá các sản phẩm do phụ nữ hoặc người khuyết tật làm ra như các sản phẩm thủ công của người Mông; giúp nâng cao giá trị thương hiệu cho địa phương. - Tổ chức các lớp đào tạo về ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, quản lý vận hành, đặc biệt là kỹ năng số (sử dụng mạng xã hội). - Trao quyền và tăng cường lãnh đạo cho phụ nữ như đảm bảo việc phụ nữ đảm nhận các vị trí trong Ban quản lý du lịch cộng đồng hoặc HTX du lịch. - Khuyến khích sự chia sẻ việc nhà của nam giới để phụ nữ có thêm thời gian tham gia vào các hoạt động cộng đồng và đào tạo. - Thiết lập các quy tắc ứng xử tại điểm đến trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ phụ nữ, nhóm yếu thế. - Hình thành các câu lạc bộ, hiệp hội phụ nữ làm du lịch để họ chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau về vốn, kỹ thuật, thí điểm tại Đồng Văn.
4	Quản trị	Xây dựng bộ công cụ về quản lý bền vững cấp tỉnh	- Bộ công cụ quản lý bền vững cấp tỉnh cho tỉnh Tuyên Quang cần hệ thống hoá các tiêu chuẩn quốc tế GSTC, UN Tourism vào bối cảnh địa phương: - Hệ thống chỉ tiêu thống kê và theo dõi (chỉ số về kinh tế, môi trường, văn hoá xã hội); - Hệ thống tiêu chí “Du lịch xanh” cấp tỉnh (Nhãn xanh cho cơ sở lưu trú; Chứng nhận điểm đến bền vững; ưu đãi chính sách) - Hệ thống quản lý sức chứa và điều tiết dòng khách (bản đồ số về sức chứa; hệ thống cảnh báo sớm; cổng đặt chỗ tập trung) - Sổ tay hướng dẫn thực hành cho doanh nghiệp, cộng đồng, du khách. - Cơ chế phản hồi và đánh giá tác động: Hệ thống thu thập ý kiến của khách du lịch, người dân. Tổ chức kiểm tra hàng năm và điều chỉnh kế hoạch.
5	Các sáng kiến khác		- Công nghệ quản lý và bảo tồn: + Big Data và AI: phân tích dữ liệu hành vi để dự báo lưu lượng khách, từ đó quản lý sức chứa chính xác, tránh gây áp lực lên hệ sinh thái và hạ tầng.

TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
		Ứng dụng công nghệ trong phát triển du lịch bền vững	+ Hệ thống cảm biến IoT: theo dõi chất lượng không khí, nguồn nước, tiếng ồn tại các khu cảnh quan, khu bảo tồn thiên nhiên theo thời gian thực để có phản ứng kịp thời khi môi trường bị xâm hại. + Số hoá di sản (3D/VR/AR): tạo ra các bản sao số để bảo tồn di sản văn hoá, giúp khách du lịch có thể trải nghiệm qua thực tế ảo. + Chuyển đổi toàn bộ vé tham quan, bản đồ và thông tin hướng dẫn sang nền tảng số để loại bỏ rác thải giấy.
		Hệ thống quản lý khách du lịch tích hợp công nghệ thông minh	- Cảm biến đếm người và AI Camera: lắp đặt tại các nút giao thông hoặc các điểm di tích như Tân Trào, Cột cờ Lũng Cú, v.v. để phân tích lưu lượng khách. Nếu khu vực quá đông, hệ thống sẽ gửi cảnh báo đến ban quản lý. - Thuyết minh tự động (Audio Guide): sử dụng mã QR tại các điểm di sản để khách tự trải nghiệm qua điện thoại, giúp giảm số lượng hướng dẫn viên tập trung đông người và hạn chế tiếng ồn.
		“Điểm đến Net Zero” không phát thải carbon	- Năng lượng tái tạo, giao thông không phát thải, công trình xanh, kinh tế tuần hoàn và rác thải là những quy trình cần được chuyển đổi tại Tuyên Quang. - Hấp thụ và bù đắp: phục hồi hệ sinh thái, tín chỉ carbon. - Áp dụng hệ thống đo lường carbon ứng dụng để tính toán chính xác dấu chân carbon của mỗi du khách trong suốt thời gian lưu trú (từ ăn uống, ngủ nghỉ đến đi lại). - Quảng bá xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch Net Zero nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.
		Mạng lưới Di sản Karst ASEAN (ASEAN+ Karst Heritage Network)	- Trục hợp tác trọng tâm: Kết nối các CVĐC có tương đồng về địa hình Karst như: Langkawi (Malaysia), Satun (Thái Lan), Khorat (Thái Lan), Bohol Island (Philippines) và các CVĐC tại Trung Quốc (hàng xóm trực tiếp). - Hộ chiếu Di sản (Heritage Passport): Du khách có dấu xác nhận đã thăm 1 CVĐC trong mạng lưới sẽ được giảm phí tham quan hoặc ưu đãi dịch vụ tại Đồng Văn và ngược lại. - Trung tâm cứu hộ và Bảo tồn Karst chung: Hợp tác chuyên gia để xử lý các vấn đề bạn vừa nêu ở trên (sụt lún, khan hiếm nước, xử lý thải trên đá vôi) – chia sẻ công nghệ lọc nước trên núi đá từ các nước ASEAN. - Chương trình trao đổi "Đại sứ bản địa": Đưa thanh niên dân tộc thiểu số (Mông, Lô Lô...) sang các CVĐC ASEAN để học cách làm du lịch cộng đồng và ngược lại.
			- Mô hình "Giao thoa Ánh sáng": Mời các nghệ nhân làm đèn lồng nổi tiếng thế giới tham gia: Đèn lồng giấy thủ công của Nhật Bản (Nebuta Matsuri), đèn lồng cung đình Huế, đèn lồng hiện đại từ Hội An, và đèn lồng không lò của Philippines, Trung Quốc. Mỗi nước/vùng miền sẽ có một "Đại lộ Ánh sáng" riêng biệt quanh hồ.

TT	Trụ cột	Sáng kiến	Hành động
		Festival Quốc tế Đèn lồng & Ánh sáng Thành Tuyên	Ứng dụng Công nghệ trình diễn (Light Show): - Mapping 3D lên các mô hình khổng lồ: Không chỉ là đèn thả sáng bên trong, mà dùng công nghệ ánh sáng trình chiếu câu chuyện lịch sử/văn hóa lên bề mặt các mô hình di động. - Diễu hành thuyền hoa (Lồng đèn nổi): Tận dụng lợi thế sông Lô để tổ chức diễu hành đèn lồng trên nước, kết hợp với âm nhạc dân gian đương đại. - Kinh tế đêm: Tổ chức hội chợ ẩm thực quốc tế và không gian trải nghiệm làm đèn lồng thủ công cho du khách, tạo nguồn thu trực tiếp tại chỗ thay vì chỉ xem diễu hành miễn phí.

Phụ lục 19. Sơ đồ các sản phẩm du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050



Phụ lục 20. Danh mục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện đề án

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁT TRIỂN DU LỊCH				
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết số 92-NQ/TU ngày 13/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
2	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò, vị trí của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội; trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường du lịch và hình ảnh điểm đến của tỉnh.	Thường xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
3	Lồng ghép giáo dục di sản văn hóa, lịch sử, tài nguyên du lịch và môi trường trong các hoạt động ngoại khóa; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa, di sản và du lịch; tạo điều kiện để học sinh tham gia trải nghiệm, thực hành và trở thành lực lượng tuyên truyền, bảo tồn các giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch của địa phương.	Năm 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hoá, TT&DL và Các đơn vị có liên quan	
4	Giảng dạy chuyên đề về phát triển du lịch trong hệ thống đào tạo của các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.	Năm 2026	Các cơ sở đào tạo tỉnh (Trường chính trị tỉnh, ĐH Tân Trào, Phân hiệu ĐH Thái Nguyên)	Sở Văn hóa, TT&DL; Sở Giáo dục và Đào tạo và Các đơn vị có liên quan	
5	Xây dựng và triển khai Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch tỉnh Tuyên Quang.	Thường xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ UBND các xã, phường	Hiệp hội Du lịch tỉnh;	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
6	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp xã, cộng đồng dân cư tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng về phát triển du lịch bền vững.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
7	Truyền thông về các giá trị tài nguyên, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, danh thắng gắn với với phát triển du lịch: phòng sự, tin, bài...	Thường xuyên	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ngành; UBND các xã, phường	
II	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH				
1	Tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh	Giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND các xã, phường	
2	Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý khu du lịch, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng	Năm 2026-2027	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tư pháp; UBND các xã, phường	
3	Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế phối hợp liên ngành trong quản lý hoạt động du lịch, quản lý điểm đến, bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững.	Năm 2026-2028	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; các đơn vị liên quan	
4	Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch.	Thường xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan	
5	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển du lịch bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; các sở, ngành; UBND các xã, phường	
III.	PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH				
1	Phát triển sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng				
1.1	Phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng gắn với Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Bình, Mặt trận Vị Xuyên, Căng Bắc Mê và các di tích lịch sử tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL, HHDL	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
1.2	Xây dựng các chương trình tham quan, trải nghiệm, giáo dục truyền thống, học tập ngoại khóa, hành trình về nguồn và tri ân phục vụ học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang... Gắn với bảo tàng Bảo tàng ATK Tân Trào.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL (Bảo tàng ATK)	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường có liên quan	
1.3	Xây dựng các sản phẩm du lịch chuyên đề kết nối Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Kim Bình, Mặt trận Vĩ Xuyên, Cánh Bắc Mê với các khu, điểm di tích lịch sử, cách mạng trong không gian du lịch Chiến khu Việt Bắc.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường có liên quan	
2	Phát triển sản phẩm du lịch di sản địa chất, sinh thái và văn hóa				
2.1	Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn: khai thác giá trị di sản địa chất, địa mạo, cảnh quan, đa dạng sinh học và văn hóa bản địa các dân tộc trong khu vực Công viên địa chất.	Giai đoạn 2026-2030	Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Sở VH TTDL; UBND các xã, phường có liên quan	
2.2	Phát triển các sản phẩm tham quan, trải nghiệm theo hệ thống tuyến, điểm di sản; sản phẩm nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và trải nghiệm văn hóa bản địa trong khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn.	Giai đoạn 2026-2030	Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
2.3	Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên gắn với Khu du lịch quốc gia Na Hang - Lâm Bình, Tây Côn Lĩnh, Du Già và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của tỉnh; gắn với khai thác bền vững các giá trị tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên.	Giai đoạn 2026-2030	Vườn quốc gia UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2.4	Phát triển các sản phẩm du lịch đường thủy, du lịch trên mặt hồ thủy điện, thể thao nước, trải nghiệm cảnh quan và văn hóa bản địa tại khu vực lòng hồ Na Hang - Lâm Bình, sông Nho Quế và các khu vực có điều kiện phát triển phù hợp.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở Xây dựng; Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
2.5	Phát triển các sản phẩm du lịch thể thao ngoài trời, thể thao mạo hiểm gắn với các hoạt động marathon, xe đạp địa hình, off-road,	Giai đoạn 2026-2030	Doanh nghiệp du lịch	Sở Xây dựng; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
	dù lượn, chèo kayak, SUP và các hoạt động trải nghiệm thiên nhiên phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.			các xã, phường có liên quan	
2.6	Tổ chức khảo sát, xây dựng và thí điểm các sản phẩm du lịch mạo hiểm, khám phá thiên nhiên như khám phá hồ sụt, hang động, leo núi, trekking, vượt thác và các hoạt động trải nghiệm chuyên biệt phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VHTTDL	Sở Xây dựng; Sở NN&MT; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường có liên quan	
2.7	Nghiên cứu chính sách đặc thù thu hút đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới như du lịch trải nghiệm cảnh quan bằng máy bay tầm thấp và các loại hình du lịch đặc thù có khả năng cạnh tranh cao.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường có liên quan	
3	Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dược liệu				
3.1	Phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe gắn với suối khoáng Mỹ Lâm, suối khoáng Quảng Ngần, suối khoáng Thanh Hà, suối khoáng Nậm Choong và các khu vực có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Sở Y tế; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
3.2	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, nghỉ dưỡng dài ngày và các cơ sở lưu trú chất lượng cao tại các khu vực có tiềm năng.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường có liên quan	
3.3	Phát triển các sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với tắm khoáng, tắm lá thuốc truyền thống của đồng bào Dao; trải nghiệm thu hái, chế biến và sử dụng dược liệu bản địa; kết hợp các hoạt động thiền, yoga, dưỡng sinh, chăm sóc sức khỏe tại các khu du lịch, làng du lịch cộng đồng và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	Doanh nghiệp du lịch	Sở Y tế; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
3.4	Phát triển các sản phẩm du lịch dược liệu gắn với vùng nguyên liệu, tri thức y học dân gian, văn hóa bản địa; xây dựng các chương trình tham quan, trải nghiệm trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến	Giai đoạn 2026-2030	Doanh nghiệp du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
	dược liệu và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe đặc trưng của địa phương.			các xã, phường có liên quan	
4	Phát triển sản phẩm du lịch tâm linh, lễ hội và công nghiệp văn hóa				
4.1	Phát triển các sản phẩm du lịch tâm linh gắn với hệ thống đền, chùa, di tích tín ngưỡng, không gian văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh; hình thành các tuyến, điểm du lịch tâm linh đặc trưng phục vụ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4.2	Nâng cao chất lượng, quy mô và thương hiệu các lễ hội tiêu biểu của tỉnh như Lễ hội Thành Tuyên, Chợ phong lưu Khâu Vai, Lễ hội hoa Tam giác mạch, Nhảy lửa, Gầu Tào, Lồng Tông, Hoa Lê, Hoa Đào và các lễ hội truyền thống khác; phát triển các sản phẩm du lịch lễ hội, trải nghiệm văn hóa và công nghiệp văn hóa gắn với lễ hội.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4.3	Phát triển các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn, trình diễn văn hóa dân gian, nghề thủ công truyền thống, sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch và các sản phẩm sáng tạo văn hóa phục vụ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Sở Công Thương; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4.4	Xây dựng và triển khai các dự án du lịch gắn với điện ảnh và các chương trình nghệ thuật.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Sở Tài chính; UBND các xã, phường có liên quan; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4.5	Phát triển các sản phẩm thiết kế sáng tạo, sản phẩm văn hóa đặc trưng, sản phẩm OCOP và quà tặng du lịch phục vụ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Sở VH TTDL; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hiệp hội Du lịch tỉnh.	
4.6	Tổ chức các cuộc thi sáng tạo, đổi mới sản phẩm du lịch; thi thiết kế quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP gắn du lịch; thi ảnh đẹp, video clip quảng bá du lịch, sáng tác biểu trưng, khẩu hiệu và các sản phẩm truyền thông phục vụ xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Sở Công Thương; Tỉnh đoàn; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường.	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
5	Phát triển du lịch cộng đồng, nông nghiệp và du lịch xanh				
5.1	Duy trì, nâng cao chất lượng và xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng đa trải nghiệm gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, kiến trúc bản địa, nghề truyền thống và sinh kế bền vững của cộng đồng dân cư tại các làng du lịch cộng đồng tiêu biểu như Lô Lô Chải, Nậm Đăm, Hạ Thành, Thôn Tha, Lũng Cầm Trên, Pả Vi Hạ, Du Già, Nậm Hồng, Hồng Thái, Bản Bung, Nà Tông, Khâu Tràng, Hồng Quang, Pác Cáp, Bản Khun, Lũng Hẩu và các địa phương có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
5.2	Phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp, farmstay, trải nghiệm mùa vụ, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, vùng chè, cây ăn quả, dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương.	Giai đoạn 2026-2030	Doanh nghiệp du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
5.3	Phát triển các mô hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, kinh tế tuần hoàn trong du lịch, homestay xanh, farmstay xanh, làng du lịch xanh và điểm đến xanh gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển du lịch bền vững.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
5.4	Phát triển các sản phẩm du lịch ẩm thực gắn với đặc sản địa phương, văn hóa ẩm thực các dân tộc; xây dựng các điểm trải nghiệm, không gian giới thiệu, trình diễn và quảng bá ẩm thực phục vụ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Sở Công Thương; Hiệp hội Du lịch tỉnh.	
5.5	Phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề, quà tặng lưu niệm và các sản phẩm đặc trưng phục vụ khách du lịch; tăng cường kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại gắn với phát triển du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Sở VHTTDL; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	
6	Phát triển du lịch biên giới, hợp tác quốc tế				

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
6.1	Phát triển các sản phẩm du lịch biên giới, du lịch cửa khẩu, giao lưu văn hóa, thương mại và kết nối tour, tuyến du lịch qua Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã biên giới có liên quan	Sở VH TTDL; Công thương; Ngoại vụ; Công an tỉnh; Bộ đội Biên phòng	
6.2	Phát triển các sản phẩm du lịch liên kết với các địa phương của Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc); thúc đẩy hình thành các chương trình du lịch qua biên giới và trao đổi khách du lịch giữa các địa phương.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	UBND các xã biên giới; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
6.3	Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế hợp tác phát triển du lịch qua biên giới; xây dựng các chương trình du lịch sử dụng giấy thông hành, mở rộng trao đổi khách du lịch và tăng cường liên kết giữa các địa phương khu vực biên giới.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; UBND các xã biên giới	
6.4	Tổ chức các đoàn giao lưu văn hóa, khảo sát, học tập kinh nghiệm, xúc tiến hợp tác và trao đổi thông tin về phát triển du lịch với các địa phương của Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc); tăng cường kết nối doanh nghiệp, trao đổi khách du lịch và phát triển sản phẩm du lịch qua biên giới.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; UBND các xã biên giới	
6.5	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch; lồng ghép xúc tiến, quảng bá du lịch thông qua các hoạt động đối ngoại; huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các chương trình, dự án hợp tác phát triển du lịch bền vững.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các cơ quan liên quan	
IV.	XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH				
1	Xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch quốc gia Tân Trào.	Năm 2026-2028	Sở VH TTDL	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường liên quan	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; hoàn thiện các tiêu chí phục vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.	Năm 2026-2028	Sở Xây dựng; Sở VH TTDL	Sở Xây dựng; Ban Quản lý CVĐC toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn;	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
				UBND các xã, phường liên quan	
3	Lập quy hoạch chi tiết Khu du lịch quốc gia Na Hang - Lâm Bình	Năm 2027	Sở VHTTDL	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường liên quan	
4	Lập quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch trọng điểm theo quy định; hoàn thiện phương án tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.	Hàng năm	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL các sở, ngành liên quan	
5	Xây dựng các khu điểm du lịch đạt tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị công nhận	Hàng năm	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL các sở, ngành liên quan	
6	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối các khu du lịch, điểm du lịch trọng điểm, làng du lịch cộng đồng, các điểm có tiềm năng phát triển du lịch; cải thiện khả năng tiếp cận điểm đến.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường;	Sở Xây dựng; các sở, ngành liên quan	
7	Xây dựng, nâng cấp hệ thống bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, điểm dừng chân, trung tâm đón tiếp khách, điểm cung cấp thông tin du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; Sở VHTTDL	
8	Đầu tư hệ thống biển chỉ dẫn, biển thuyết minh, biển cảnh báo, biển nhận diện điểm đến; hoàn thiện hệ thống chiếu sáng, cảnh quan và các công trình phục vụ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; Sở VHTTDL	
9	Xây dựng chương trình xúc tiến thu hút đầu tư cơ sở lưu trú du lịch, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, cơ sở dịch vụ du lịch chất lượng cao; khuyến khích đầu tư các công trình phục vụ du lịch theo hướng đồng bộ, hiện đại và thân thiện với môi trường.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	
10	Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật: hệ thống cấp nước, điện, Wifi....	Giai đoạn 2026-2030	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL; Sở Xây dựng; các sở, ngành liên quan	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
V.	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH				
1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh, cấp xã và cán bộ quản lý điểm đến.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Sở VH TTDL UBND các xã, phường	
2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ, hướng dẫn viên, marketing, chế biến ẩm thực, buồng, bàn, bar, chuyển đổi số, kỹ năng giao tiếp ... cho đội ngũ lao động trực tiếp trong các cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, khu, điểm du lịch, làng du lịch.	Hàng năm	Sở VH TTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
3	Tổ chức tập huấn về quản lý và phát triển các điểm đến du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn làng du lịch tốt nhất của UNDP.	Năm 2026 - 2028	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
4	Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhân viên phục vụ, lái xe, người điều khiển phương tiện thủy, hướng dẫn viên tại điểm, người bán hàng và các lực lượng trực tiếp phục vụ khách du lịch tại địa phương.	Hàng năm	Sở VH TTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường doanh nghiệp du lịch	
5	Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch.	2026-2030	Sở VH TTDL	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở đào tạo; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
6	Tổ chức các hội thi, cuộc thi nghiệp vụ, tay nghề du lịch; thi hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, lễ tân, buồng phòng, chế biến món ăn, pha chế đồ uống, kỹ năng phục vụ khách du lịch và các cuộc thi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch trên địa bàn tỉnh	Hàng năm	Sở VH TTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; các cơ sở đào tạo; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường.	
VI.	XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU DU LỊCH				
1	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang.	Năm 2026 – 2027	Sở VH TTDL	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
2	Xây dựng và truyền thông bộ nhận diện, thương hiệu: “Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn, Tuyên Quang, Việt Nam - điểm đến văn hoá khu vực hàng đầu thế giới”	Năm 2026 – 2027	Sở VH TTDL	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
3	Xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông, xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.	Năm 2026-2027	Sở VHTTDL	Các sở, ngành; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4	Xây dựng, sản xuất phim quảng bá, phim tài liệu, phóng sự, clip, bộ ảnh, ấn phẩm du lịch, bản đồ du lịch, cẩm nang du lịch, tài liệu truyền thông đa ngôn ngữ phục vụ quảng bá thương hiệu và điểm đến du lịch .	Hàng năm	Sở VHTTDL	Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường	
5	Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá du lịch trên các nền tảng số, các kênh truyền thông trong nước và quốc tế; tăng cường hợp tác với các cơ quan báo chí, truyền thông, các nhà sáng tạo nội dung và các nền tảng du lịch trực tuyến	Hàng năm	Báo và Đài phát thanh Truyền hình tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
6	Tổ chức tham gia các Hội chợ du lịch, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, chương trình kết nối doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư và xúc tiến phát triển du lịch nhằm tăng cường liên kết, hợp tác, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường khách du lịch.	Hàng năm	Sở VHTTDL	Sở Tài chính; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các sở, ngành liên quan	
7	Tổ chức các chương trình khảo sát điểm đến (Famtrip), khảo sát báo chí (Presstrip), Roadshow, chương trình giới thiệu sản phẩm du lịch.	Hàng năm	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
8	Tổ chức các đoàn công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm: Trung Quốc, Nhật, Hàn, Đức, Úc, Anh, Pháp, Mỹ....	Hàng năm	Sở VHTTDL	Sở Ngoại vụ; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
9	Xây dựng hồ sơ, tham dự các giải thưởng du lịch trong nước và quốc tế; quảng bá và khai thác hiệu quả giá trị truyền thông từ các danh hiệu, giải thưởng nhằm nâng cao vị thế, hình ảnh và thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang.	Hàng năm	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; các sở, ngành liên quan	
10	Lồng ghép quảng bá, xúc tiến du lịch trong các hoạt động đối ngoại của tỉnh; tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, địa phương nước ngoài nhằm mở rộng quan hệ	Giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các sở, ngành liên quan.	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
	hợp tác, quảng bá hình ảnh, điểm đến và huy động nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển du lịch.				
11	Tăng cường liên kết xúc tiến, quảng bá du lịch với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm du lịch lớn; phối hợp xây dựng, quảng bá các chương trình du lịch liên vùng và mở rộng thị trường khách du lịch.	Hàng năm	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; các địa phương liên kết; doanh nghiệp du lịch.	
VII	BẢO TỒN VĂN HOÁ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG				
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ tác động tiêu cực đến cảnh quan, môi trường và tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch.	Năm 2026, 2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường;	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
2	Tăng cường quản lý môi trường du lịch; tổ chức thu gom, phân loại, xử lý chất thải; giảm thiểu rác thải nhựa; xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng và các tuyến du lịch trọng điểm.	Hàng năm	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL	
3	Lồng ghép các chương trình, chính sách dân tộc trong phát triển du lịch cộng đồng; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch và nâng cao sinh kế cho người dân.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường	
4	Quy hoạch, bảo tồn và phát triển các vùng cây trồng đặc trưng phục vụ phát triển du lịch; hình thành các vùng hoa, cây cảnh quan theo mùa gắn với xây dựng sản phẩm du lịch và cảnh quan điểm đến như hoa tam giác mạch, hoa đào, hoa lê, hoa mận và các loài cây đặc trưng khác của địa phương.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường	
5	Tổ chức trồng cây xanh, cây hoa, cây cảnh quan; chỉnh trang cảnh quan môi trường tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng, các tuyến giao thông du lịch, cửa ngõ đón khách, điểm ngắm cảnh và các khu vực công cộng phục vụ du lịch.	Hàng năm	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
6	Tổ chức các phong trào, chiến dịch bảo vệ môi trường du lịch; phát động các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, chỉnh trang cảnh quan tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng và các tuyến du lịch trọng điểm; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp và du khách trong xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp.	Hàng năm	UBND các xã, phường	Sở VH TTDL; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
7	Nghiên cứu và tổ chức thực hiện các mô hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, kinh tế tuần hoàn áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường trong hoạt động du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường	
8	Nghiên cứu, xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch xanh, điểm đến Net Zero, mô hình du lịch phát thải thấp gắn với bảo tồn tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững tại các khu, điểm du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Sở NN&MT; Sở KH&CN; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
9	Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên du lịch, giám sát môi trường, quản lý sức chứa điểm đến, cảnh báo rủi ro, theo dõi chất lượng môi trường và hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.	Giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường;	Sở VH TTDL; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	
VIII.	CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRONG DU LỊCH				
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu du lịch; số hóa tài nguyên du lịch, khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch và hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Sở KH&CN; UBND các xã, phường	
2	Duy trì, nâng cấp và khai thác hiệu quả Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ quản lý nhà nước, xúc tiến quảng bá và hỗ trợ khách du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VH TTDL	Sở KH&CN; các cơ quan liên quan	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
3	Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh và du lịch số; phát triển các ứng dụng, tiện ích số phục vụ du khách, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	Sở KH&CN; doanh nghiệp du lịch	
4	Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), mã QR, bản đồ số, thực tế ảo (VR/AR) trong quản lý, bảo tồn, phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá và nâng cao trải nghiệm du khách.	Giai đoạn 2026-2030	Doanh nghiệp du lịch	Sở KH&CN; các cơ quan, đơn vị liên quan	
5	Số hóa di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, di sản văn hóa và các điểm du lịch; xây dựng các sản phẩm tham quan, trải nghiệm số phục vụ bảo tồn, giáo dục và phát triển du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VHTTDL	Sở KH&CN; UBND các xã, phường	
6	Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, làng du lịch cộng đồng ứng dụng công nghệ số trong quản trị, kinh doanh, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá và bán sản phẩm du lịch trên môi trường số.	Giai đoạn 2026-2030	Hiệp hội Du lịch tỉnh	Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp du lịch	
7	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia hoạt động du lịch; thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch.	Giai đoạn 2026-2030	Sở VHTTDL	Sở KH&CN; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường	
8	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo tồn, khai thác tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.	Giai đoạn 2027-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở VHTTDL; các sở, ngành liên quan	
IX.	TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH				
1	Tổ chức điều tra xã hội học: thị trường du lịch, thông tin khách du lịch	Hàng năm	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường; các sở, ngành liên quan	
2	Tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch theo Quyết định số 2654/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Hàng năm	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường; các sở, ngành liên quan	
3	Tăng cường công tác quản lý khu, điểm du lịch, làng du lịch; hướng dẫn thực hiện các quy định về hoạt động du lịch tại các	Hàng năm	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp du lịch	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
	khu, điểm du lịch nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát huy giá trị tài nguyên du lịch.				
4	Rà soát, hoàn thiện quy hoạch xây dựng, phương án quản lý không gian, kiến trúc và cảnh quan tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.	Hàng năm	Sở Xây dựng	UBND các xã, phường	
5	Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan tại các khu, điểm du lịch; hướng dẫn xây dựng công trình du lịch phù hợp với quy hoạch, bảo tồn bản sắc văn hóa, kiến trúc truyền thống và cảnh quan tự nhiên của địa phương.	Hàng năm	Sở Xây dựng	Sở VH TTDL; UBND các xã, phường	
6	Tăng cường quản lý các điểm du lịch tự phát, điểm check-in, điểm dừng chân, điểm ngắm cảnh; kiểm soát hoạt động đầu tư xây dựng, san gạt địa hình, khai thác dịch vụ du lịch, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường và du lịch.	Hàng năm	Sở Xây dựng	Sở VH TTDL; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh du lịch; quản lý hoạt động lữ hành, hướng dẫn viên du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, vận chuyển khách du lịch và các dịch vụ du lịch theo quy định.	Hàng năm	Sở VH TTDL	Công an tỉnh; các sở, ngành liên quan	
8	Tăng cường công tác quản lý khách du lịch quốc tế, người nước ngoài và hoạt động du lịch tại khu vực biên giới; thực hiện nghiêm các quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại, lưu trú; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội tại các khu, điểm du lịch và khu vực biên giới.	Hàng năm	Công an tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Sở VH TTDL; UBND các xã, phường biên giới	
9	Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch; quản lý hoạt động du lịch mạo hiểm, du lịch đường thủy và các hoạt động trải nghiệm có nguy cơ cao; nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn, ứng phó thiên tai, phòng chống cháy nổ và quản lý rủi ro tại các khu, điểm du lịch.	Hàng năm	Công an tỉnh	Sở VH TTDL; Sở Y tế; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị triển khai		Ghi chú
			Đơn vị triển khai	Đơn vị tham mưu/phối hợp	
10	Bảo đảm điều kiện y tế, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh tại các khu, điểm du lịch; xây dựng phương án sơ cấp cứu và hỗ trợ y tế cho khách du lịch.	Hằng năm	Sở Y tế	Sở VH TTDL; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	
11	Tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng trong quản lý nhà nước về du lịch; phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch tỉnh, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong quản lý điểm đến, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển du lịch bền vững.	Hằng năm	Hiệp hội Du lịch tỉnh	Sở VH TTDL; Các sở, ngành; UBND các xã, phường;	

Phụ lục 21. Khái toán kinh phí các dự án đầu tư phát triển du lịch tỉnh đến 2030, tầm nhìn đến 2050

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
	Tổng cộng (I+II+III+IV.....)	846	338	508	15	15	102	113,5	103	130	76	115	42	134,5			
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁT TRIỂN DU LỊCH	25	25	0	4	0	6	0	6	0	6	0	3	0			
1	Lồng ghép giáo dục di sản văn hóa, lịch sử, tài nguyên du lịch và môi trường trong các hoạt động ngoại khóa; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa, di sản và du lịch; tạo điều kiện để học sinh tham gia trải nghiệm, thực hành và trở thành lực lượng tuyên truyền, bảo tồn các giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch của địa phương.	4,5	4,5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0,5	0	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hoá, TT&DL và Các đơn vị có liên quan	
2	Xây dựng và triển khai Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch tỉnh Tuyên Quang	8	8	0	1	0	2	0	2	0	2	0	1		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ UBND các xã, phường	Hiệp hội Du lịch tỉnh;	
3	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp xã, cộng đồng dân cư tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng về phát triển du lịch bền vững.	4,5	4,5	0	1	0	1		1		1		0,5	0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
4	Truyền thông về các giá trị tài nguyên, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, danh thắng gắn với với phát triển du lịch: phòng sự, tin, bài...	8	8	0	1	0	2	0	2	0	2	0	1	0	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ngành; UBND các xã, phường	
II	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH (A+B+C+...)	594,5	153	441,5	2,5	15	48	97	56	120	28	84	18,5	125,5			
A	Phát triển sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng	57	48	9	0	0	18	0	15	0	9	9	6	0			
1	Phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng gắn với Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Bình, Mặt trận Vĩ Xuyên, Căng Bắc Mê và các di tích lịch sử tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.	19	16	3	0	0	6	0	5	0	3	3	2	0	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL, HHDL	
2	Xây dựng các chương trình tham quan, trải nghiệm, giáo dục truyền thống, học tập ngoại khóa, hành trình về nguồn và tri ân phục vụ học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang... Gắn với bảo tàng Bảo tàng ATK Tân Trào.	19	16	3	0	0	6	0	5	0	3	3	2	0	Sở VH TTDL (Bảo tàng ATK)	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường có liên quan	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
3	Xây dựng các sản phẩm du lịch chuyên đề kết nối Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Kim Bình, Mặt trận Vệ Xuyên, Căng Bắc Mê với các khu, điểm di tích lịch sử, cách mạng trong không gian du lịch Chiến khu Việt Bắc.	19	16	3	0	0	6	0	5	0	3	3	2	0	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường có liên quan	
B	Phát triển sản phẩm du lịch di sản địa chất, sinh thái và văn hoá	237	39	198	2	15	13	55	20	52	2	32	2	44			
4	Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn: khai thác giá trị di sản địa chất, địa mạo, cảnh quan, đa dạng sinh học và văn hóa bản địa các dân tộc trong khu vực Công viên địa chất.	29	8	21	0	0	5	5	3	10	0	0	0	6	Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường có liên quan	
5	Phát triển các sản phẩm tham quan, trải nghiệm theo hệ thống tuyến, điểm di sản; sản phẩm nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và trải nghiệm văn hóa bản địa trong khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn.	41	10	31	0	0	5	15	5	10	0	0	0	6	Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
6	Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên gắn với Khu du lịch quốc gia Na Hang - Lâm Bình, Tây Côn Lĩnh, Du Già và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của tỉnh; gắn với khai thác bền vững các giá trị tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên.	40	0	40	0	0	0	10	0	10	0	10	0	10	Vườn quốc gia, UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Phát triển các sản phẩm du lịch đường thủy, du lịch trên mặt hồ thủy điện, thể thao nước, trải nghiệm cảnh quan và văn hóa bản địa tại khu vực lòng hồ Na Hang - Lâm Bình, sông Nho Quế và các khu vực có điều kiện phát triển phù hợp.	50	5	45	0	5	0	10	5	10	0	10	0	10	UBND các xã, phường có liên quan	Sở Xây dựng; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
8	Phát triển các sản phẩm du lịch thể thao ngoài trời, thể thao mạo hiểm gắn với các hoạt động marathon, xe đạp địa hình, off-road, dù lượn, chèo kayak, SUP và các hoạt động trải nghiệm thiên nhiên phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.	50	5	45	0	5	0	10	5	10	0	10	0	10	Doanh nghiệp du lịch	Sở Xây dựng; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
9	Tổ chức khảo sát, xây dựng và thí điểm các sản phẩm du lịch mạo hiểm, khám phá thiên nhiên như khám phá hồ sụt, hang động, leo núi, trekking, vượt thác và các hoạt động trải nghiệm chuyên biệt phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.	27	11	16	2	5	3	5	2	2	2	2	2	2	Sở VHTTDL	Sở Xây dựng; Sở NN&MT; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường có liên quan	
C	Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ và được liệu	88	0	88	0	0	0	20	0	20	0	8	0	40			
10	Phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe gắn với suối khoáng Mỹ Lâm, suối khoáng Quảng Ngần, suối khoáng Thanh Hà, suối khoáng Nậm Choong và các khu vực có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.	22	0	22	0	0	0	5	0	5	0	2	0	10	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Sở Y tế; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
11	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, nghỉ dưỡng dài ngày và các cơ sở lưu trú chất lượng cao tại các khu vực có tiềm năng.	22	0	22	0	0	0	5	0	5	0	2	0	10	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường có liên quan	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
12	Phát triển các sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với tắm khoáng, tắm lá thuốc truyền thống của đồng bào Dao; trải nghiệm thu hái, chế biến và sử dụng dược liệu bản địa; kết hợp các hoạt động thiền, yoga, dưỡng sinh, chăm sóc sức khỏe tại các khu du lịch, làng du lịch cộng đồng và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.	22	0	22	0	0	0	5	0	5	0	2	0	10	Doanh nghiệp du lịch	Sở Y tế; Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
13	Phát triển các sản phẩm du lịch dược liệu gắn với vùng nguyên liệu, tri thức y học dân gian, văn hóa bản địa; xây dựng các chương trình tham quan, trải nghiệm trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến dược liệu và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe đặc trưng của địa phương.	22	0	22	0	0	0	5	0	5	0	2	0	10	Doanh nghiệp du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
D	Phát triển sản phẩm du lịch tâm linh, lễ hội và công nghiệp văn hoá	66	6	60	0	0	2	15	0	14	4	20	0	11			

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
15	Phát triển các sản phẩm du lịch tâm linh gắn với hệ thống đền, chùa, di tích tín ngưỡng, không gian văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh; hình thành các tuyến, điểm du lịch tâm linh đặc trưng phục vụ khách du lịch.	22	1	21	0	0	0	5	0	5	1	5	0	6	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
16	Phát triển các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn, trình diễn văn hóa dân gian, nghề thủ công truyền thống, sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch và các sản phẩm sáng tạo văn hóa phục vụ khách du lịch.	16	1	15	0	0		0	0	5	1	5	0	5	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VH TTDL; Sở Công Thương; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
17	Xây dựng và triển khai các dự án du lịch gắn với điện ảnh và các chương trình nghệ thuật.	13	1	12	0	0	0	5	0	2	1	5	0	0	Sở VH TTDL	Sở Tài chính; UBND các xã, phường có liên quan; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
18	Tổ chức các cuộc thi sáng tạo, đổi mới sản phẩm du lịch; thi thiết kế quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP gắn du lịch; thi ảnh đẹp, video clip quảng bá du lịch, sáng tác biểu trưng, khẩu hiệu và các sản phẩm truyền thông phục vụ xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh.	15	3	12	0	0	2	5	0	2	1	5	0	0	Sở VH TTDL	Sở Công Thương; Tỉnh đoàn; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường.	
E	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, nông nghiệp và du lịch xanh	88	20	68	0,5	0	6	7	8	34	4	7	1,5	20			

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
19	Duy trì, nâng cao chất lượng và xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng đa trải nghiệm gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, kiến trúc bản địa, nghề truyền thống và sinh kế bền vững của cộng đồng dân cư tại các làng du lịch cộng đồng tiêu biểu như Lô Lô Chải, Nậm Đăm, Hạ Thành, Thôn Tha, Lũng Cầm Trên, Pả Vi Hạ, Du Già, Nậm Hồng, Hồng Thái, Bản Bung, Nà Tông, Khâu Tràng, Hồng Quang, Pác Cáp, Bản Khun, Lũng Hâu và các địa phương có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.	26	7	19	0,5	0	2	2	2	10	1	2	1,5	5	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
20	Phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp, farmstay, trải nghiệm mùa vụ, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, vùng chè, cây ăn quả, dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương.	23	3	20	0	0	0	5	2	8	1	2	0	5	Doanh nghiệp du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
21	Phát triển các mô hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, kinh tế tuần hoàn trong du lịch, homestay xanh, farmstay xanh, làng du lịch xanh và điểm đến xanh gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển du lịch bền vững.	20	5	15	0	0	2	0	2	8	1	2	0	5	UBND các xã, phường có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
22	Phát triển các sản phẩm du lịch ẩm thực gắn với đặc sản địa phương, văn hóa ẩm thực các dân tộc; xây dựng các điểm trải nghiệm, không gian giới thiệu, trình diễn và quảng bá ẩm thực phục vụ khách du lịch.	19	5	14	0	0	2	0	2	8	1	1	0	5	UBND các xã, phường có liên quan	Sở VHTTDL; Sở Công Thương; Hiệp hội Du lịch tỉnh.	
G	Phát triển du lịch biên giới, hợp tác quốc tế	58,5	40	18,5	0	0	9	0	13	0	9	8	9	10,5			
24	Phát triển các sản phẩm du lịch biên giới, du lịch cửa khẩu, giao lưu văn hóa, thương mại và kết nối tour, tuyến du lịch qua Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo.	10,5	6	4,5	0	0	1,5	0	1,5	0	1,5	2	1,5	2,5	UBND các xã biên giới có liên quan	Sở VHTTDL; Công thương; Ngoại vụ; Công an tỉnh; Bộ đội Biên phòng	
25	Phát triển các sản phẩm du lịch liên kết với các địa phương của Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc); thúc đẩy hình thành các chương trình du lịch qua biên giới và trao đổi khách du lịch giữa các địa phương.	13	9	4	0	0	2	0	3	0	2	2	2	2	Sở VHTTDL	UBND các xã biên giới; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
26	Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế hợp tác phát triển du lịch qua biên giới; xây dựng các chương trình du lịch sử dụng giấy thông hành, mở rộng trao đổi khách du lịch và tăng cường liên kết giữa các địa phương khu vực biên giới.	13	9	4	0	0	2	0	3	0	2	2	2	2	Sở VHTTDL	Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; UBND các xã biên giới	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
27	Tổ chức các đoàn giao lưu văn hóa, khảo sát, học tập kinh nghiệm, xúc tiến hợp tác và trao đổi thông tin về phát triển du lịch với các địa phương của Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc); tăng cường kết nối doanh nghiệp, trao đổi khách du lịch và phát triển sản phẩm du lịch qua biên giới.	11	7	4	0	0	1,5	0	2,5	0	1,5	2	1,5	2	Sở Ngoại vụ	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các cơ quan liên quan	
28	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch; lồng ghép xúc tiến, quảng bá du lịch thông qua các hoạt động đối ngoại; huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các chương trình, dự án hợp tác phát triển du lịch bền vững.	11	9	2	0	0	2	0	3	0	2	0	2	2	Sở Ngoại vụ	Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các cơ quan liên quan	
III	XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH	63,5	41,5	22	4	0	15,5	0	12	0	10	13	0	9			
1	Xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch quốc gia Tân Trào.	5	3	2	0	0	0,5	0	0,5	0	2	1	0	1	Sở VHTTDL	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường liên quan	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; hoàn thiện các tiêu chí phục vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.	20	18	2	0	0	10	0	5	0	3	1	0	1	Sở Xây dựng;	Sở Xây dựng; Ban Quản lý CVĐC toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn;	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
3	Lập quy hoạch chi tiết Khu du lịch quốc gia Na Hang - Lâm Bình	5,5	3,5	2	0	0	1	0	0,5	0	2	1	0	1	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường liên quan	
4	Lập quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch trọng điểm theo quy định; hoàn thiện phương án tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.	4,5	2,5	2	0	0	1	0	1	0	0,5	1	0	1	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường liên quan	
5	Xây dựng các khu điểm du lịch đạt tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị công nhận	5	2	3	0	0	0,5	0	1	0	0,5	2	0	1	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL các sở, ngành liên quan	
6	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối các khu du lịch, điểm du lịch trọng điểm, làng du lịch cộng đồng, các điểm có tiềm năng phát triển du lịch; cải thiện khả năng tiếp cận điểm đến.	7,5	4,5	3	2	0	1	0	1	0	0,5	2	0	1	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL các sở, ngành liên quan	
7	Xây dựng, nâng cấp hệ thống bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, điểm dừng chân, trung tâm đón tiếp khách, điểm cung cấp thông tin du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm.	6	3	3	1	0	0,5	0	1	0	0,5	2	0	1	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; Sở VHTTDL	
8	Đầu tư hệ thống biển chỉ dẫn, biển thuyết minh, biển cảnh báo, biển nhận diện điểm đến; hoàn thiện hệ thống chiếu sáng, cảnh quan và các công trình phục vụ khách du lịch.	6	3	3	1	0	0,5	0	1	0	0,5	2	0	1	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; Sở VHTTDL	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
9	Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật: hệ thống cấp nước, điện, Wifi....	4	2	2	0	0	0,5	0	1	0	0,5	1	0	1	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL; Sở Xây dựng; các sở, ngành liên quan	
IV	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH	11	11	0	1	0	5	0	2,5	0	2,5	0	0	0			
1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh, cấp xã và cán bộ quản lý điểm đến.	2,5	2,5	0	0,5	0	1	0	0,5	0	0,5	0	0		Sở Nội vụ	Sở VHTTDL UBND các xã, phường	
2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ, hướng dẫn viên, maketing, chế biến ẩm thực, buồng, bàn, bar, chuyển đổi số, kỹ năng giao tiếp... cho đội ngũ lao động trực tiếp trong các cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, khu, điểm du lịch, làng du lịch.	2	2	0	0	0	1	0	0,5	0	0,5	0	0	0	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
3	Tổ chức tập huấn về quản lý và phát triển các điểm đến du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn làng du lịch tốt nhất của UN	2,5	2,5	0	0,5	0	1	0	0,5	0	0,5	0	0	0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
4	Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhân viên phục vụ, lái xe, người điều khiển phương tiện thủy, hướng dẫn viên tại điểm, người bán hàng và các lực lượng trực tiếp phục vụ khách du lịch tại địa phương.	2	2	0	0	0	1	0	0,5	0	0,5	0	0	0	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường doanh nghiệp du lịch	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
5	Tổ chức các hội thi, cuộc thi nghiệp vụ, tay nghề du lịch; thi hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, lễ tân, buồng phòng, chế biến món ăn, pha chế đồ uống, kỹ năng phục vụ khách du lịch và các cuộc thi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch trên địa bàn tỉnh	2	2	0	0	0	1	0	0,5	0	0,5	0	0	0	Sở VH TTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; các cơ sở đào tạo; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường.	
V	XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ, VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU	57,5	48	9,5	3	0	12	9,5	11	0	13	0	9	0			
1	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang.	2	1	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	Sở VH TTDL	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
2	Xây dựng và truyền thông bộ nhận diện, thương hiệu: “Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Tuyên Quang, Việt Nam - điểm đến văn hoá khu vực hang đầu thế giới”	4	2,5	1,5	1	0	0,5	1,5	0	0	1	0	0	0	Sở VH TTDL	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	
3	Xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông, xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.	3,5	2,5	1	1	0	0,5	1	0	0	1	0	0	0	Sở VH TTDL	Các sở, ngành; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
4	Xây dựng, sản xuất phim quảng bá, phim tài liệu, phóng sự, clip, bộ ảnh, ấn phẩm du lịch, bản đồ du lịch, cẩm nang du lịch, tài liệu truyền thông đa ngôn ngữ phục vụ quảng bá thương hiệu và điểm đến du lịch .	5	4	1	0	0	1	1	1	0	1	0	1	0	Sở VH TTDL	Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
																các xã, phường	
5	Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá du lịch trên các nền tảng số, các kênh truyền thông trong nước và quốc tế; tăng cường hợp tác với các cơ quan báo chí, truyền thông, các nhà sáng tạo nội dung và các nền tảng du lịch trực tuyến	4	3	1	0	0	1	1	1	0	1	0	0	0	Báo và Đài phát thanh Truyền hình tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
6	Tổ chức tham gia các Hội chợ du lịch, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, chương trình kết nối doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư và xúc tiến phát triển du lịch nhằm tăng cường liên kết, hợp tác, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường khách du lịch.	13	12	1	0	0	3	1	3	0	3	0	3	0	Sở VHTTDL	Sở Tài chính; Hiệp hội Du lịch tỉnh; các sở, ngành liên quan	
7	Tổ chức các chương trình khảo sát điểm đến (Famtrip), khảo sát báo chí (Presstrip), Roadshow, chương trình giới thiệu sản phẩm du lịch.	4	3	1	0	0	1	1	1	0	1	0	0	0	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
8	Tổ chức các đoàn công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm: Trung Quốc, Nhật, Hàn, Đức, Úc, Anh, Pháp, Mỹ....	9	8	1	0	0	2	1	2	0	2	0	2	0	Sở VHTTDL	Sở Ngoại vụ; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp du lịch	
9	Xây dựng hồ sơ, tham dự các giải thưởng du lịch trong nước và quốc tế; quảng bá và khai thác hiệu quả giá trị truyền thông từ các danh hiệu, giải thưởng nhằm nâng cao vị thế, hình ảnh và thương hiệu du lịch tỉnh Tuyên Quang.	13	12	1	0	0	3	1	3	0	3	0	3	0	Sở VHTTDL	Hiệp hội Du lịch tỉnh; các sở, ngành liên quan	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
VI	BẢO TỒN VĂN HOÁ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	51	28	23	0	0	8	4	8	7	8	12	4	0			
1	Tăng cường quản lý môi trường du lịch; tổ chức thu gom, phân loại, xử lý chất thải; giảm thiểu rác thải nhựa; xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng và các tuyến du lịch trọng điểm.	6	4	2	0	0	1	0	1	0	1	2	1	0	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL	
2	Lồng ghép các chương trình, chính sách dân tộc trong phát triển du lịch cộng đồng; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch và nâng cao sinh kế cho người dân.	6	4	2	0	0	1	0	1	0	1	2	1	0	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường	
3	Quy hoạch, bảo tồn và phát triển các vùng cây trồng đặc trưng phục vụ phát triển du lịch; hình thành các vùng hoa, cây cảnh quan theo mùa gắn với xây dựng sản phẩm du lịch và cảnh quan điểm đến như hoa tam giác mạch, hoa đào, hoa lê, hoa mận và các loài cây đặc trưng khác của địa phương.	5	3	2	0	0	1	0	1	0	1	2	0	0	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở VHTTDL; UBND các xã, phường	
4	Tổ chức trồng cây xanh, cây hoa, cây cảnh quan; chỉnh trang cảnh quan môi trường tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng, các tuyến giao thông du lịch, cửa ngõ đón khách, điểm ngắm cảnh và các khu vực công cộng phục vụ du lịch.	8	3	5	0	0	1	0	1	3	1	2	0	0	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
5	Tổ chức các phong trào, chiến dịch bảo vệ môi trường du lịch; phát động các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, chỉnh trang cảnh quan tại các khu, điểm du lịch, làng du lịch cộng đồng và các tuyến du lịch trọng điểm; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp và du khách trong xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp.	5	1	4	0	0	0	1	0	1	1	2	0	0	UBND các xã, phường	Sở VHTTDL; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệp hội Du lịch tỉnh	
6	Nghiên cứu và tổ chức thực hiện các mô hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, kinh tế tuần hoàn áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường trong hoạt động du lịch.	9	8	1	0	0	2	0	2	0	2	1	2	0	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở VHTTDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường	
	Nghiên cứu, xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch xanh, điểm đến Net Zero, mô hình du lịch phát thải thấp gắn với bảo tồn tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững tại các khu, điểm du lịch.	12	5	7	0	0	2	3	2	3	1	1	0	0	Sở VHTTDL	Sở NN&MT; Sở KH&CN; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	
VII	CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRONG DU LỊCH	29	17	12	0	0	4	3	4	3	5	6	4	0			
1	Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, làng du lịch cộng đồng ứng dụng công nghệ số trong quản trị, kinh doanh, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá và bán sản phẩm du lịch trên môi trường số.	9	1	8	0	0	0	3	0	3	1	2	0	0	Hiệp hội Du lịch tỉnh	Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp du lịch	

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng giai đoạn			Giai đoạn 2026-2030										Đơn vị thực hiện	Đơn vị tham mưu/phối hợp	Ghi chú
					2026		2027		2028		2029		2030				
		Tổng	NSNN	XHH	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá	Ngân sách	Xã hội hoá			
2	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia hoạt động du lịch; thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch.	10	8	2	0	0	2	0	2	0	2	2	2	0	Sở VHTTDL	Sở KH&CN; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã, phường	
3	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo tồn, khai thác tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.	10	8	2	0	0	2	0	2	0	2	2	2	0	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở VHTTDL; các sở, ngành liên quan	
VII I	TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	14,5	14,5	0	0,5	0	3,5	0	3,5	0	3,5	0	3,5	0			
1	Tổ chức điều tra xã hội học: thị trường du lịch, thông tin khách du lịch	2,5	2,5	0	0,5	0	0,5	0	0,5	0	0,5	0	0,5	0	Sở VHTTDL	UBND xã, phường; các sở, ngành liên quan	
2	Tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch theo Quyết định số 2654/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	12	12	0	0	0	3	0	3	0	3	0	3	0	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường; các sở, ngành liên quan	

*) Ghi chú: Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 là 846 tỷ đồng. Phân bổ theo từng năm như sau:

- Năm 2026: 30 tỷ đồng (ngân sách 15 tỷ đồng; xã hội hóa 15 tỷ đồng).
- Năm 2027: 215,5 tỷ đồng (ngân sách 102 tỷ đồng; xã hội hóa 113,5 tỷ đồng).
- Năm 2028: 233 tỷ đồng (ngân sách 103 tỷ đồng; xã hội hóa 130 tỷ đồng).
- Năm 2029: 191 tỷ đồng (ngân sách 76 tỷ đồng; xã hội hóa 115 tỷ đồng).
- Năm 2030: 176,5 tỷ đồng (ngân sách 42 tỷ đồng; xã hội hóa 134,5 tỷ đồng).

Phụ lục 22. Dự báo lượng khách du lịch đến Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050*Đơn vị: Lượt khách*

Hạng mục	2025	2030	2035	2040	2050	TTBQ (%/năm)			
						2030	2035	2040	2050
Tổng số lượt khách đến Tuyên Quang	3.926.057	6.000.000	8.000.000	12.000.000	20.000.000	10,57%	6,67%	10,00%	13,33%
Khách quốc tế	546.657	900.000	1.300.000	2.500.000	4.000.000	12,93%	8,89%	18,46%	12,00%
Khách nội địa	3.379.400	5.100.000	6.700.000	9.500.000	16.000.000	10,18%	6,27%	8,36%	13,68%
Tỷ lệ khách quốc tế trong tổng khách	13,92%	15,00%	16,25%	20,83%	20,00%				

Ghi chú: () Số liệu hiện trạng, dự báo tăng trưởng*

Phụ lục 23. Dự báo tăng trưởng doanh thu du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2050

Tổng thu từ khách du lịch của Tuyên Quang được tính toán dựa trên tổng số lượt khách đến, số ngày lưu trú trung bình trên địa bàn và khả năng chi tiêu trung bình trong 1 ngày của mỗi du khách. Từ số liệu hiện trạng (năm 2025) về tổng thu từ khách du lịch 10.000 tỷ đồng, với khoảng 3,9 triệu lượt khách, ước tính mức chi tiêu trung bình của khách du lịch là 2,5 triệu đồng.

Theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035, đã xác định du lịch đóng góp trên 10% vào GRDP của tỉnh.

Như vậy, căn cứ vào tổng lượt khách đến Tuyên Quang (cả quốc tế và nội địa), căn cứ vào số ngày lưu trú trung bình và mức chi tiêu như trên..., tổng thu từ khách du lịch của tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được đưa ra ở bảng sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Hạng mục	2025	2030	2035	2040	2050	TTBQ (%/năm)			
						2030	2035	2040	2050
Tổng thu từ du lịch	10.633	16.300	21.700	50.000	150.000	11%	7%	26%	40%

Phụ lục 24. Dự báo số buồng lưu trú du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2050

Tính toán nhu cầu cơ sở lưu trú theo công thức sau:

$$\text{Nhu cầu buồng lưu trú} = \text{Số lượt khách} * \text{Ngày lưu trú trung bình} * \text{Hệ số chung buồng} * \text{Công suất buồng trung bình}$$

365 ngày

Hiện nay, số ngày lưu trú trung bình đối với khách quốc tế là 2,5 ngày, đối với khách nội địa là 1,8 ngày. Theo đó, nhu cầu về buồng lưu trú của Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thể hiện theo bảng dưới đây:

STT	Hạng mục	Đơn vị	2025	2030	2035	2040	2050	TTBQ (%/năm)			
		tính						2030	2035	2040	2050
1	Khách quốc tế	Lượt khách	546.657	900.000	1.300.000	2.000.000	3.500.000				
1.1	Số ngày lưu trú bình quân	ngày	2,5	3	3	3,2	3,3				
2	Khách nội địa	Lượt khách	3.379.400	5.100.000	6.700.000	9.500.000	16.000.000				
2.1	Số ngày lưu trú bình quân	ngày	1,8	2,4	2,4	2,5	2,7				
3	Nhu cầu buồng lưu trú của Tuyên Quang	buồng	14.415	18.500	28.000	38.000	65.000	9,17%	11,20%	10,42%	8,57%
	Khách sạn cao cấp (4-5 sao)			2775 (15%)	5.600 (20%)	9.500 (25%)	22.750 (35%)				
	Homestay và du lịch cộng đồng			8.325 (45%)	12.600 (45%)	15.960 (42%)	26.000 (40%)				
	Khách sạn tầm trung (3 sao)			7.400 (40%)	9.800 (35%)	12.540 (33%)	16.250 (25%)				

Phụ lục 25. Dự báo cơ sở lưu trú tại một số vùng du lịch trọng điểm đến năm 2030, định hướng đến 2035

Địa phương	2030						2035					
	Tổng số lượng	Khách sạn (từ 1 sao trở lên, trong đó 3 sao chiếm 20%)	Nhà khách	Nhà nghỉ	Homestay	Tốc độ tăng trưởng	Số lượng (2035)	Khách sạn (từ 1 sao trở lên, trong đó 3 sao chiếm 20%)	Nhà khách	Nhà nghỉ	Homestay	Tốc độ tăng trưởng
Minh Xuân	95	25	3	62	5	13%	107	30	4	65	8	13%
Mỹ Lâm	46	6	0	25	15	24%	65	10	0	25	30	41%
Thượng Lâm	34	1	0	3	30	21%	37	1	0	4	32	9%
Nà Hang	53	6	2	5	40	33%	65	10	3	7	45	23%
Tân Trào	28	2	0	1	25	22%	33	2	0	1	30	18%
Hà Giang 1	201	35	6	80	80	14%	214	36	8	85	85	6%
Hà Giang 2	90	25	0	35	30	32%	240	78	0	109	53	167%
Lũng Cú	67	0	0	2	65	14%	74	1	0	3	70	10%
Đồng Văn	247	45	7	45	150	18%	263	48	7	48	160	6%
Mèo Vạc	93	15	0	28	50	16%	105	20	0	30	55	13%
Yên Minh	66	9	0	22	35	40%	75	10	0	25	40	14%
Du Già	46	0	0	1	45	21%	54	1	0	3	50	17%
Quản Bạ	76	6	0	25	45	31%	88	8	0	30	50	16%
Hoàng Su Phì	25	2	0	11	12	14%	31	4	0	12	15	24%

Ghi chú: (*) Số liệu hiện trạng, dự báo tăng trưởng

Phụ lục 26. Dự báo lao động du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2050

Căn cứ vào số lượng buồng lưu trú được dự báo; chỉ tiêu lao động bình quân cho một buồng của cả nước cũng như tỉnh được xác định 1 buồng trung bình có 1,0 – 1,5 lao động trực tiếp³ và số lao động gián tiếp⁴ ngoài xã hội được tính 1 lao động trực tiếp tương ứng với 2 lao động gián tiếp).

STT	Hạng mục	2025	2030	2035	2040	2050	TTBQ (%/năm)			
							2030	2035	2040	2050
1	Lao động trực tiếp		20.000	35.000	45.000	60.000				
2	Lao động gián tiếp		20.000	30.000	40.000	60.000				
3	Tổng số lao động của tỉnh Tuyên Quang (người)	27.000	40.000	65.000	85.000	120.000	10,00%	8,89%	6,15%	8,24%

Ghi chú: () Số liệu hiện trạng, dự báo tăng trưởng*

³ Lao động trực tiếp là số lao động làm việc trong các công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ du lịch khác

⁴ Lao động gián tiếp là lao động tham gia vào các hoạt động có liên quan đến hoạt động du lịch

Phụ lục 27. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch văn hóa – lịch sử và du lịch tâm linh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Về nguồn; tham quan đình Tân Trào, di tích Kim Bình và các điểm di tích lịch sử cách mạng; tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc di tích	Rà soát, biên tập lại các bài thuyết minh di tích bảo đảm đúng lịch sử, dễ hiểu, hấp dẫn, phù hợp từng nhóm khách	Ban quản lý di tích	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Sở VH TT & DL và các đơn vị liên quan
2	Tham quan, tìm hiểu không gian di tích, cảnh quan, kiến trúc, không gian văn hóa truyền thống gắn với di tích	Tổ chức trùng tu, tôn tạo di tích gắn với phát triển du lịch; chú trọng bảo tồn giá trị gốc di tích, cải tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường, bổ sung hệ thống biển chỉ dẫn, biển giới thiệu tại điểm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã có di tích	Bộ VH TT & DL và các đơn vị liên quan
3	Tham quan theo tuyến, điểm; trải nghiệm dịch vụ tại các khu, điểm di tích	Thành lập, kiện toàn Ban quản lý di tích; phân công rõ trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo vệ di tích gắn với phục vụ khách du lịch	UBND các xã, phường	Sở VH TT & DL và các đơn vị liên quan
4	Nghe thuyết minh, trải nghiệm kể chuyện lịch sử, trải nghiệm giáo dục truyền thống tại di tích	Đào tạo, bồi dưỡng hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch chuyên nghiệp, có kỹ năng kể chuyện, diễn giải lịch sử, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ và ứng xử văn minh du lịch	Sở VH TT & DL	Ban quản lý di tích; UBND các địa phương; cơ sở đào tạo; Hiệp hội Du lịch và các đơn vị liên quan
5	Trải nghiệm về nguồn; trải nghiệm đời sống kháng chiến; trải nghiệm ẩm thực, sinh hoạt văn hóa truyền thống tại khu vực phụ cận di tích; kết nối tham quan làng văn hóa, điểm du lịch lân cận	Xây dựng các sản phẩm du lịch trải nghiệm kết nối gắn với di tích; hình thành các tuyến du lịch văn hóa - lịch sử liên kết với làng văn hóa du lịch cộng đồng, sản phẩm OCOP, ẩm thực, nghề truyền thống và các điểm du lịch khác trên địa bàn	UBND các xã, phường	UBND các địa phương; Ban quản lý di tích; doanh nghiệp lữ hành; Hiệp hội Du lịch; các đơn vị liên quan
6	Tham quan trưng bày, tra cứu thông tin, trải nghiệm số tại di tích	Từng bước số hóa hiện vật, tư liệu, hình ảnh; xây dựng bảo tàng mini, bảo tàng số, mã QR, hệ thống thuyết minh tự động để giới thiệu về di tích; kết nối cơ sở dữ liệu di sản phục vụ quảng bá và giáo dục truyền thống	Sở VH TT & DL, Ban quản lý di tích, UBND các xã, phường có di tích	Sở Khoa học và Công nghệ; Ban quản lý di tích; UBND các địa phương; các đơn vị liên quan

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7	Tham quan, hành hương tại đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La và các cơ sở tín ngưỡng; tham gia nghi lễ truyền thống	Bảo tồn, tôn tạo di tích tín ngưỡng; bảo đảm gìn giữ không gian tâm linh, cảnh quan, vệ sinh môi trường; bổ sung biên chỉ dẫn, nội quy, điểm giới thiệu di tích	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường có di tích	Ban quản lý di tích; các đơn vị liên quan
8	Tham gia nghi lễ truyền thống, hoạt động tín ngưỡng, tham quan di tích kết hợp tìm hiểu giá trị lịch sử – văn hóa	Rà soát, chuẩn hóa nội dung thuyết minh, hướng dẫn thực hành nghi lễ, bảo đảm đúng quy định, phù hợp thuần phong mỹ tục, không thương mại hóa hoạt động tín ngưỡng	Ban quản lý di tích	Sở VH TT&DL; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; UBND các địa phương và các đơn vị liên quan
9	Tham quan mùa lễ hội, mùa cao điểm hành hương; sử dụng các dịch vụ tại khu vực di tích	Tổ chức, sắp xếp hoạt động dịch vụ tại khu vực di tích; niêm yết giá công khai; quản lý hàng quán, bãi đỗ xe, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự; chấm dứt tình trạng ép giá, chèo kéo khách	UBND các xã, phường	Sở VH TT&DL; Công an; Sở Tài chính; Ban quản lý di tích và các đơn vị liên quan
10	Tham gia lễ hội đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La, Lễ hội Thành Tuyên, Lễ hội chợ tình Khau Vai, Lễ hội hoa Tam giác mạch... và các lễ hội truyền thống; trải nghiệm ẩm thực, trình diễn văn hóa dân gian, diễu hành, không gian lễ hội	Nâng cao chất lượng tổ chức lễ hội gắn với phát triển du lịch; xây dựng sản phẩm trải nghiệm lễ hội đặc trưng; tăng cường truyền thông, quảng bá; tổ chức phân luồng giao thông, điều tiết khách, bảo đảm an toàn, văn minh lễ hội, vệ sinh môi trường	UBND các địa phương	Sở VH TT&DL; Công an; Sở Tài chính; Ban quản lý di tích; doanh nghiệp và các đơn vị liên quan

Phụ lục 28. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch địa chất gắn với du lịch mạo hiểm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tham quan các điểm di sản địa chất, hóa thạch, cảnh quan karst	Chuẩn hóa nội dung thuyết minh địa chất; xây dựng hệ thống biển thuyết minh, biển chỉ dẫn tại điểm	Ban QL CVĐC Đồng Văn	Sở VH TT&DL; Sở KH&CN; UBND các xã, phường
2	Tham quan theo tuyến, điểm địa chất, điểm ngắm cảnh	Xây dựng, công bố tuyến du lịch địa chất; tổ chức điểm dừng chân, điểm quan sát	Ban QL CVĐC Đồng Văn	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
3	Thăm hiểm hang động	Khoanh vùng bảo vệ hang động; ban hành quy chế khai thác, kiểm soát hoạt động du lịch	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; Ban QL CVĐC; UBND các xã, phường
4	Trải nghiệm dệt lanh, ẩm thực, sinh hoạt cộng đồng vùng đá	Phát triển sản phẩm du lịch gắn cộng đồng; hỗ trợ OCOP, quà tặng du lịch	UBND các xã, phường	HTX; doanh nghiệp
5	Học tập, nghiên cứu thực địa	Xây dựng chương trình giáo dục địa chất; tổ chức tour học tập, ngoại khóa	Ban QL CVĐC Đồng Văn	Sở GD&ĐT; Ban QL CVĐC
6	Tra cứu thông tin, trải nghiệm số	Số hóa dữ liệu; xây dựng bản đồ số, QR, thuyết minh tự động	Ban QL CVĐC Đồng Văn	Sở KH&CN; Ban QL CVĐC
7	Trekking, chinh phục cung đường núi, rừng	Rà soát, phân loại tuyến theo cấp độ; công bố tuyến đủ điều kiện khai thác	Trung tâm XTDL	Sở NN&MT; UBND các xã, phường
8	Thăm hiểm hang, vượt thác	Ban hành quy chế quản lý; quy định điều kiện, tiêu chuẩn an toàn	Sở VH TT&DL	Công an; Sở NN&MT; UBND các xã, phường
9	Xe địa hình, xe đạp địa hình	Xây dựng cung đường; lắp biển chỉ dẫn, cảnh báo; kiểm soát hoạt động	UBND các xã, phường	Sở VH TT&DL; Công an
10	Khám phá hồ sụt, địa hình hiểm trở	Quy định trang thiết bị bắt buộc; kiểm soát điều kiện tổ chức tour	Sở VH TT&DL	Công an; doanh nghiệp

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	Cắm trại, trải nghiệm sinh tồn	Quy hoạch khu cắm trại; xây dựng phương án cứu hộ, cứu nạn	UBND xã, phường	Công an; Sở Y tế; Sở VHTT&DL
12	Hoạt động ngoài trời	Bảo vệ môi trường; quy định không xả rác; bảo vệ hệ sinh thái	Sở NN&MT	Sở VHTT&DL; UBND các xã, phường

Phụ lục 29. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch sinh thái gắn với nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tham quan lòng hồ Na Hang – Lâm Bình, Nho Quế 1, Nho Quế 2...; du thuyền, chèo thuyền;	Rà soát, quy hoạch không gian du lịch lòng hồ; tổ chức tuyến tham quan; quản lý hoạt động phương tiện thủy; bảo vệ cảnh quan, môi trường nước	Sở Xây dựng	Sở NN&MT; UBND các xã, phường
2	Nghỉ dưỡng tại khu sinh thái, resort; trải nghiệm không gian xanh, yên tĩnh	Thu hút đầu tư cơ sở lưu trú chất lượng cao; phát triển kiến trúc hài hòa cảnh quan; tiêu chuẩn hóa dịch vụ nghỉ dưỡng	Sở Tài chính	Sở VH&DL; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường
3	Tham quan thác nước, rừng, hang động, cảnh quan tự nhiên	Khoanh vùng bảo vệ tài nguyên; đầu tư điểm dừng chân, biển chỉ dẫn; kiểm soát khai thác du lịch	Sở NN&MT	Sở VH&DL; UBND các xã, phường
4	Đi bộ, xe đạp, tuyến tham quan sinh thái	Phát triển tuyến du lịch xanh; hạn chế phương tiện cơ giới; đầu tư hạ tầng thân thiện môi trường	UBND các xã, phường	Sở VH&DL; Sở Xây dựng
5	Tham quan điểm đông khách	Xây dựng phương án quản lý sức chứa; phân luồng khách; kiểm soát hoạt động dịch vụ	Sở VH&DL	UBND các xã, phường
6	Trải nghiệm thiên nhiên có trách nhiệm	Tổ chức phân loại rác; giảm rác thải nhựa; bảo vệ môi trường, cảnh quan	Sở NN&MT	Sở VH&DL; UBND các xã, phường

Phụ lục 30. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch sinh thái rừng, núi và cảnh quan tự nhiên đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Trekking, khám phá rừng Tây Côn Lĩnh, khu rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ	Rà soát, khoanh vùng khu vực được phép khai thác; ban hành quy chế quản lý; xây dựng tuyến, điểm du lịch sinh thái rừng	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường; Ban quản lý rừng
2	Quan sát hệ sinh thái, động thực vật, nghiên cứu thiên nhiên	Bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng chương trình giáo dục môi trường;	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; Sở GD&ĐT; UBND các xã, phường
3	Tham quan, chụp ảnh ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, Xín Mần...	Bảo tồn cảnh quan; kiểm soát xây dựng; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gắn du lịch	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
4	Leo núi, săn mây, khám phá cung đường núi cao	Xây dựng tuyến, điểm; lắp đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo; bảo đảm an toàn	UBND các xã, phường	Sở VH TT&DL; Công an; Sở NN&MT
5	Cắm trại, nghỉ đêm, trải nghiệm thiên nhiên	Quy hoạch khu cắm trại; kiểm soát hoạt động; phòng cháy chữa cháy rừng; bảo đảm an toàn	UBND các xã, phường	Sở NN&MT; Công an; Sở VH TT&DL
6	Trải nghiệm đời sống, sản xuất, văn hóa cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng tham gia dịch vụ; phát triển sản phẩm OCOP; nâng cao sinh kế	Sở NN&MT	UBND các xã, phường; HTX; doanh nghiệp
7	Đi bộ, xe đạp, tuyến du lịch sinh thái	Phát triển tuyến du lịch xanh; hạn chế phương tiện cơ giới; đầu tư hạ tầng thân thiện môi trường	UBND các xã, phường	Sở VH TT&DL; Sở Xây dựng
8	Tham quan các điểm đông khách	Quản lý sức chứa; phân luồng khách; kiểm soát dịch vụ	Sở VH TT&DL	UBND các xã, phường
9	Trải nghiệm thiên nhiên có trách nhiệm	Tổ chức phân loại rác; giảm rác thải nhựa; bảo vệ hệ sinh thái rừng	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
10	Tra cứu thông tin, bản đồ số, QR	Ứng dụng công nghệ số; xây dựng bản đồ du lịch; hệ thống thông tin điểm đến	Sở VH TT&DL	Sở KH&CN; UBND các xã, phường

Phụ lục 31. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, nông nghiệp và nông thôn

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Lưu trú homestay; sinh hoạt cùng người dân; trải nghiệm đời sống	Rà soát, lựa chọn làng tiêu biểu; xây dựng mô hình điểm; ban hành quy chế quản lý	Sở VH TT&DL	UBND các xã, phường; Hiệp hội Du lịch
2	Trải nghiệm nhà ở truyền thống, lễ hội, phong tục	Bảo tồn kiến trúc, văn hóa; hỗ trợ nghệ nhân; xây dựng sản phẩm văn hóa đặc trưng	Sở VH TT&DL	UBND các xã, phường; Ban Dân tộc
3	Trải nghiệm dệt, chế biến, làng nghề; mua sản phẩm OCOP	Khôi phục nghề; phát triển OCOP; xây dựng điểm bán, chuỗi tiêu thụ	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường; HTX
4	Chế biến, thưởng thức ẩm thực địa phương	Chuẩn hóa quy trình; xây dựng thương hiệu; bảo đảm ATTP	Sở VH TT&DL	Sở Y tế; UBND các xã, phường
5	Trồng trọt, thu hoạch, chăn nuôi; trải nghiệm mùa vụ	Xây dựng lịch mùa vụ; chuẩn hóa trải nghiệm;	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
6	Tham quan vùng chè, cam, dược liệu; trải nghiệm chế biến	Phát triển vùng nguyên liệu; tổ chức điểm tham quan; gắn với OCOP	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
7	Tham quan mô hình nông nghiệp công nghệ	Xây dựng mô hình trình diễn; kết hợp giáo dục; chuyển giao kỹ thuật	Sở NN&MT	Sở KH&CN; Sở VH TT&DL
8	Lưu trú tại trang trại; trải nghiệm sản xuất	Hướng dẫn mô hình farmstay; bảo đảm điều kiện kinh doanh; nâng cao chất lượng	Sở VH TT&DL	Sở NN&MT; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường
9	Trải nghiệm đời sống, sinh hoạt nông thôn	Phát triển sản phẩm trải nghiệm; bảo tồn nếp sống; nâng cao dịch vụ	UBND các xã, phường	Sở VH TT&DL; Sở NN&MT
10	Trải nghiệm du lịch xanh	Phân loại rác; xử lý chất thải; bảo vệ môi trường	Sở NN&MT	Sở VH TT&DL; UBND các xã, phường
11	Tra cứu, quảng bá, đặt dịch vụ	Ứng dụng công nghệ; xây dựng nền tảng số; quảng bá sản phẩm	Sở VH TT&DL	Sở KH&CN; Sở NN&MT; UBND các xã, phường

Phụ lục 32. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch đô thị và kinh tế đêm đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tham quan các xã, phường trung tâm của tỉnh Tuyên Quang; không gian đô thị, quảng trường, điểm check-in	Quy hoạch không gian du lịch đô thị; xây dựng điểm nhấn, tuyến tham quan; chỉnh trang đô thị phục vụ du lịch	UBND các xã, phường (khu vực đô thị)	Sở VHTT&DL; Sở Xây dựng
2	Tham gia lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch	Tổ chức sự kiện chuyên nghiệp; xây dựng sản phẩm du lịch sự kiện; quảng bá rộng rãi	Sở VHTT&DL	UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan
3	Tham quan, mua sắm tại chợ, trung tâm thương mại, phố thương mại	Phát triển hệ thống điểm mua sắm; niêm yết giá công khai; nâng cao chất lượng hàng hóa	Sở Công Thương	Sở VHTT&DL; UBND các xã, phường
4	Thưởng thức ẩm thực đặc trưng tại đô thị	Xây dựng tuyến phố ẩm thực; chuẩn hóa chất lượng; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm	UBND các xã, phường (khu vực đô thị)	Sở VHTT&DL; Sở Y tế
6	Tham quan, vui chơi tại phố đi bộ, không gian đêm	Quy hoạch, tổ chức phố đi bộ; bảo đảm an ninh trật tự; phát triển dịch vụ đêm	UBND các xã, phường (khu vực đô thị)	Công an; Sở VHTT&DL; Sở Công Thương
7	Tham quan, mua sắm, ẩm thực tại chợ đêm	Quy hoạch chợ đêm; quản lý giá; kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ	UBND các xã, phường	Sở Công Thương; Sở VHTT&DL
8	Xem biểu diễn văn hóa, nghệ thuật ban đêm	Xây dựng chương trình biểu diễn đặc sắc; tổ chức thường xuyên; nâng cao chất lượng nghệ thuật	UBND các xã, phường (khu vực đô thị)	UBND các xã, phường; các đơn vị nghệ thuật
9	Trải nghiệm dịch vụ giải trí ban đêm	Phát triển dịch vụ giải trí lành mạnh; quản lý hoạt động; bảo đảm an toàn	UBND các xã, phường (khu vực đô thị)	Công an; Sở VHTT&DL

Phụ lục 33. Nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch biên giới gắn với giao lưu, hợp tác quốc tế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Hoạt động trải nghiệm	Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tham quan khu vực cửa khẩu; trải nghiệm xuất nhập cảnh, mua sắm biên giới	Nâng cấp hạ tầng cửa khẩu; cải thiện thủ tục xuất nhập cảnh; tổ chức không gian dịch vụ du lịch tại cửa khẩu	UBND các xã biên giới	Sở VHTT&DL; Bộ đội Biên phòng; Hải quan; các đơn vị liên quan
2	Mua sắm, trao đổi hàng hóa tại khu vực biên giới	Phát triển chợ biên giới; niêm yết giá công khai; kiểm soát chất lượng hàng hóa	UBND các xã biên giới	Sở Công Thương; Sở VHTT&DL; các đơn vị liên quan
3	Tham gia lễ hội, giao lưu văn hóa hai bên biên giới	Tổ chức hoạt động giao lưu định kỳ; xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa xuyên biên giới	Sở VHTT&DL	Sở Ngoại vụ; UBND các xã biên giới
4	Tham gia tour liên kết với Trung Quốc (Quảng Tây, Vân Nam)	Xây dựng, kết nối tour tuyến; ký kết hợp tác; đơn giản hóa thủ tục	Sở VHTT&DL	Sở Ngoại vụ; doanh nghiệp; các đơn vị liên quan
5	Trải nghiệm đời sống, văn hóa cư dân biên giới	Phát triển du lịch cộng đồng khu vực biên giới; nâng cao sinh kế người dân	UBND các xã biên giới	Sở VHTT&DL; các đơn vị liên quan
6	Tham gia hội chợ, diễn đàn, sự kiện hợp tác quốc tế	Tổ chức sự kiện xúc tiến; mở rộng hợp tác quốc tế; quảng bá điểm đến	Sở VHTT&DL	Sở Ngoại vụ; Sở Công Thương
8	Tra cứu thông tin, hướng dẫn, quảng bá	Ứng dụng công nghệ số; xây dựng nền tảng thông tin du lịch biên giới	Sở VHTT&DL	Sở KH&CN; các đơn vị liên quan

Phụ lục 34. Danh mục làng văn hóa du lịch, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
				2026	2027	2028	2029	2030			
A	KHU DU LỊCH QUỐC GIA										
1	Khu du lịch quốc gia Tân Trào	Các xã: Tân Trào, Minh Thanh, Trung Sơn, Hùng Lợi	Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng tiêu chí khu du lịch quốc gia	x	x	x	x	x	Sở Xây dựng, Sở VHTTDL, UBND các xã thuộc khu du lịch	Các sở ngành liên quan	
2	Khu du lịch quốc gia Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Các xã trên địa bàn Công viên Địa chất	Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng tiêu chí khu du lịch quốc gia	x	x	x	x	x	Sở Xây dựng, Sở VHTTDL, UBND các xã thuộc khu du lịch	Các sở ngành liên quan	
B	KHU DU LỊCH CẤP TỈNH										
1	Khu nghỉ dưỡng Hmong Village	Xã Lùng Tám	Duy trì đảm bảo giữ vững thương hiệu và các tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	Xã Lùng Tám	
2	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x				Doanh nghiệp	Phường Mỹ Lâm	
3	Khu du lịch thảo nguyên Suối Thầu	Xã Pà Vầy Sủ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x	x	x	x	UBND xã Xã Pà Vầy Sủ		

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
4	Khu du lịch Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x				UBND xã Lũng Cú	
5	Khu du lịch Nho Quế 1	Xã Mèo Vạc	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x				Doanh nghiệp	
6	Khu du lịch Nậm Hồng	Xã Thông Nguyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x	x			UBND xã Thông Nguyên	
7	Khu du lịch tổng hợp nghỉ dưỡng và giải trí sáng tạo Bách Thảo Ngân	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x				Doanh nghiệp	Phường Minh Xuân
8	Khu du lịch sinh thái Phia Piu gắn bảo tồn văn hóa dân tộc	Xã Ngọc Đường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	Xã Ngọc Đường
9	Khu Lâm viên Phiêng Bung	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	x	x	x	x		Doanh nghiệp	Xã Nà Hang
C	ĐIỂM DU LỊCH LÀNG VĂN HÓA DU LỊCH CỘNG ĐỒNG									
1	Làng VHDL tiêu biểu dân tộc Lô Lô thôn Lô Lô Chải	Xã Lũng Cú	Duy trì đảm bảo giữ vững thương hiệu làng du lịch tốt nhất thế giới năm 2025 và các tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Lũng Cú	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
2	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Hồng	Xã Thông Nguyên	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Thông Nguyên	
3	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Ràng	Xã Khuôn Lùng	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Khuôn Lùng	
4	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Quảng Hạ	Xã Quảng Nguyên	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Quảng Nguyên	
5	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Chì	Xã Xuân Giang	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Xuân Giang	
6	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lũng Cẩm Trên	Xã Sà Phìn	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Sà Phìn	
7	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ	Xã Mèo Vạc	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch	x	x	x	x	x	UBND xã Mèo Vạc	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
			vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực							
8	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Tông	Xã Thượng Lâm	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Thượng Lâm	
9	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Đông	Xã Thượng Lâm	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Thượng Lâm	
10	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Muông	Xã Thượng Lâm	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Thượng Lâm	
11	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Đíp	Xã Lâm Bình	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Lâm Bình	
12	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Bản Ba	Xã Trung Hà	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây	x	x	x	x	x	UBND xã Trung Hà	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
			dựng và định vị thương hiệu trong khu vực							
13	Làng văn hóa du lịch cộng đồng Ma Lé	Xã Lũng Cú	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ.	x	x	x	x	x	UBND Xã Lũng Cú	
14	Làng VHDL thôn Bản Biển	Xã Minh Quang	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Bản Biển	
15	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Tha	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x				UBND phường Hà Giang 1	
16	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Hạ Thành	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã phường Hà Giang 1	
17	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Thanh Sơn	Xã Thanh Thủy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Thanh Thủy	
18	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Xà Phìn	Xã Thanh Thủy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã Thành Thủy	
19	Làng VHDL dân tộc Mông Thôn Phiêng Luông	Xã Yên Cường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Yên Cường	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
20	Làng VHDL dân tộc La Chí thôn Na Lếng	Xã Bản Phùng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Bản Phùng	
21	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Tân Phong	Xã Hồ Thầu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Hồ Thầu	
22	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Piên	Xã Nậm Dịch	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Nậm Dịch	
23	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Khun	Xã Bằng Lang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Yên Phú	
24	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lao Xa	Xã Sà Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Sà Phìn	
25	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lùng Hẩu	Xã Lùng Tám	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Lùng Tám	
26	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Cốc Pảng	Xã Du Già	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Du Già	
27	Làng VHDL dân tộc Lô Lô thôn Sảng Pả A	Xã Mèo Vạc	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Mèo Vạc	
28	Làng VHDL dân tộc Nùng thôn Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Khâu Vai	
29	Làng VHDL dân tộc thôn Khuổi Củng	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Lâm Bình	
30	Làng VHDL dân tộc Bản Bon	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x		UBND xã Lâm Bình	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
31	Làng VHDL dân tộc thôn Thượng Minh	Xã Minh Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Minh Quang	
32	Làng VHDL dân tộc thôn Nà My	Xã Bình An	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Bình An	
33	Làng VHDL dân tộc thôn Nà Khá	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x		UBND xã Nà Hang	
34	Làng VHDL dân tộc thôn Bản Bung	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x			UBND xã Nà Hang	
35	Làng VHDL dân tộc thôn An Thịnh	Xã Tân An	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x			UBND xã Tân An	
36	Làng VHDL dân tộc thôn Bó Củng	Xã Kim Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã Kim Bình	
37	Làng VHDL dân tộc thôn Pác Cáp	Xã Phù Lưu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã Phù Lưu	
38	Làng VHDL dân tộc thôn Cao Đường	Xã Bạch Xa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Bạch Xa	
39	Làng VHDL dân tộc Dao tiền thôn Khau Tràng	Xã Hồng Thái	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	UBND xã Hồng Thái	
40	Làng VHDL dân tộc Dao tổ dân phố Đá Bàn 1	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND phường Mỹ Lâm	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
41	Làng VHDL dân tộc thôn Giếng Tanh	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x		UBND phường Mỹ Lâm	
42	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Cây Thị, xã Nhữ Khê	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Nhữ Khê	
43	Làng VHDL Cao Lan thôn Trại Xoan	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Nhữ Khê	
44	Làng VHDL Lán Xì A	Xã Phố Bàng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Phố Bàng	
45	Làng Văn hóa du lịch dân tộc Dao Dao thôn Nậm Dăm	Xã Quản Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Quản Bạ	
46	Làng VHDL phố cổ thôn Phố Bàng 1	Xã Phố Bàng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Phố Bàng	
D	ĐIỂM DU LỊCH DI TÍCH LỊCH SỬ									
1	Điểm du lịch di tích Bãi đá cổ Nậm Dăn	Xã Nậm Dăn	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du, xây dựng sản phẩm du lịch đêm, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng thương hiệu	x	x	x	x	x	UBND xã Nậm Dăn/ Sở VH TT&DL	
2	Điểm du lịch Danh thắng Cột cờ Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du, xây dựng sản phẩm du lịch đêm, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng thương hiệu	x	x	x	x	x	UBND xã Lũng Cú/ Sở VH TT&DL	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
3	Điểm du lịch di tích Phố cổ Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du, xây dựng sản phẩm du lịch đêm, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng thương hiệu	x	x	x	x	x	UBND xã Đồng Văn/ Sở VH TT&DL	
4	Điểm du lịch di tích Kiến trúc Nhà Vương	Xã Sà Phìn	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	Ban quản lý di tích, UBND xã Sà Phìn	
5	Điểm du lịch Bảo tàng tỉnh	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x				Bảo tàng tỉnh	
6	Điểm du lịch Quảng trường 26/3	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường Hà Giang 1	
7	Điểm du lịch nghĩa trang liệt sỹ Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Vị Xuyên	
8	Điểm du lịch Đền thờ AHLS mặt trận Vị Xuyên, cao điểm 468	Xã Thanh Thủy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Thanh Thủy	
9	Điểm du lịch di tích Căng Bắc Mê	Xã Yên Cường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Yên Cường	
10	Điểm du lịch Cụm tượng đài Thanh niên xung phong	Xã Đồng Văn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Đồng Văn	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
11	Điểm du lịch Bảo tàng tỉnh	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	Bảo tàng tỉnh	
12	Điểm du lịch Khu di tích Nha Công an Minh Thanh	Xã Minh Thanh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Minh Thanh	
13	Điểm du lịch di tích lịch sử Kim Bình	Xã Kim Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x		UBND xã Kim Bình	
14	Điểm du lịch di tích Làng Ngòi Đá Bàn	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường Mỹ Lâm	
15	Điểm du lịch di tích lịch sử cách mạng Lào	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường Mỹ Lâm	
16	Điểm du lịch Cơ sở cách mạng Đường Thương.	Xã Đường Thượng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Đường Thượng	
E	ĐIỂM DU LỊCH DANH LÀM THẮNG CẢNH, ĐỊA ĐIỂM CÓ YẾU TỐ HẤP DẪN DU LỊCH KHÁC									
1	Điểm du lịch sinh thái Khuổi Xú	Xã Bắc Quang	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	Doang nghiệp	Xã Bắc Quang
2	Điểm du lịch hang Tham Luồng	Xã Minh Tân	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	Doang nghiệp	Xã Minh Tân

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
3	Điểm du lịch Thác Tiên Đèo Gió	Xã Nám Dăn	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	UBND xã Nám Dăn	
4	Điểm du lịch Hang Lũng Khúy	Xã Quán Bạ	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	UBND xã Quán Bạ	
5	Điểm du lịch Quảng trường Nguyễn Tất Thành	Phường Minh Xuân	Duy trì các tiêu chí của điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng và định vị thương hiệu trong khu vực	x	x	x	x	x	Bảo tàng tỉnh	
6	Điểm du lịch sinh thái Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	Doang nghiệp	
7	Điểm du lịch sinh thái Thác Bản Ba	Xã Trung Hà	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	UBND xã Trung Hà	
10	Điểm du lịch sinh thái Động Tiên	Xã Yên Phú	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu.	x	x	x	x	x	UBND xã Yên Phú	
14	Điểm du lịch sinh thái Thảo nguyên Suối thầu	Xã Pà Vây Sủ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Pà Vây Sủ	
13	Điểm du lịch Hồ thủy điện Nho Quế 1	Xã Mèo vạc	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	Xã Mèo vạc
16	Điểm du lịch danh thắng Mã Pì Lèng	Xã Đồng văn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Đồng Văn	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
17	Điểm du lịch Flamingo Tân Trào	Xã Tân Trào	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	Xã Tân Trào
18	Điểm du lịch nông trại Cây và Hoa	Xã Sơn Dương	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	Xã Sơn Dương
19	Điểm du lịch điểm dừng chân Ô A Pháo	Xã Hàm Yên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã Hàm Yên	
20	Điểm du lịch Công viên hồ Tân Quang	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND phường Minh Xuân	
21	Điểm du lịch Hang Bó Kim	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Nà Hang	
22	Điểm du lịch Thác Ba Tiên	Xã Du Già	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x			UBND xã Du Già	
23	Điểm du lịch danh thắng ruộng bậc thang khu vực phía Tây của tỉnh	các Xã thuộc vùng danh thắng ruộng bậc thang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND các thuộc danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì	
24	Điểm du lịch trải nghiệm vườn Hoa Lê	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x			UBND xã Hồng Thái	
25	Điểm du lịch Cầu kính thuận Hoà (thôn Mịch A)	Xã Thuận Hòa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	Doanh nghiệp	UBND xã Thuận Hòa

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
26	Điểm du lịch lòng hồ Thủy điện Thuận Hoà (thôn Mịch A)	Xã Thuận Hòa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Thuận Hòa	
27	Điểm du lịch Thác Mạ Héc, thôn Thôm Tấu	Xã Phù Lưu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Phù Lưu	
28	Điểm du lịch Thạch Lâm Viên	Phường Hà Giang 2	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường Hà Giang 2	
29	Điểm du lịch Hang Mạc Đá	Xã Sà Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Sà Phìn	
30	Điểm du lịch suối khoáng nóng Quảng Ngàn	Xã Việt Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Việt Lâm	
31	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh, sinh thái kết hợp cắm trại, nghỉ dưỡng Nậm Đầu	Xã Minh Ngọc	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND Xã Minh Ngọc/ Doanh nghiệp	
32	Điểm du lịch lòng hồ thủy điện Nậm Lang	xã Đường Thượng, xã Du Già	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du		x	x	x	x	Doanh nghiệp	
G	ĐIỂM DU LỊCH TRẢI NGHIỆM VĂN HÓA									
1	Điểm du lịch Chợ phiên Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, xây dựng sản phẩm kinh tế đêm, nâng cao chất lượng dịch vụ	x	x	x	x	x	UBND xã Đồng Văn	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
2	Điểm du lịch chợ phiên Mèo Vạc	Xã Mèo Vạc	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, xây dựng sản phẩm kinh tế đêm, nâng cao chất lượng dịch vụ	x	x	x	x	x	UBND xã Mèo Vạc	
3	Điểm du lịch Chợ Phiên Phố Cáo	Xã Phố Cáo	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Phố Cáo	
4	Điểm du lịch trải nghiệm nghề dệt Lũng Tám	Xã Lũng Tám	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Lũng Tám	
5	Điểm du lịch trải nghiệm thảo dược	Xã Quản Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Quản Bạ	
6	Tổ hợp du lịch mạo hiểm trên không Bảo Yên	Xã Nậm Dịch, Xã Thông Nguyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Xã Nậm Dịch, Xã Thông Nguyên	
7	Tổ hợp dịch vụ du lịch Tiến Thành	Phường An Tường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường An Tường	
H	ĐIỂM DU LỊCH TÍN NGƯỠNG									
1	Điểm du lịch Đền Hạ	Phường Minh Xuân	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	x	x	x	x	x	UBND Phường Minh Xuân	
2	Điểm du lịch Đền Thượng	Phường Nông Tiến	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	x	x	x	x	x	UBND phường Nông Tiến	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
3	Điểm du lịch Đền Ý La	Phường Minh Xuân	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	x	x	x	x	x	UBND Phường Minh Xuân	
4	Điểm du lịch Chùa Hương Nghiêm	Phường An Tường	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	x	x	x	x	x	UBND Phường An Tường	
5	Điểm du lịch Đền Bách Thần	Xã Chiêm Hóa	Duy trì đảm bảo các tiêu chí điểm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	x	x	x	x	x	UBND xã Chiêm Hóa	
6	Điểm du lịch chùa Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Lũng Cú	
7	Thiền viện Trúc Lâm	Phường Nông Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x			UBND Phường Nông Tiến	
8	Điểm du lịch Đền Mẫu	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND Phường Hà Giang 1	
9	Điểm du lịch Chùa Sùng Khánh	Xã Vị Xuyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Vị Xuyên	
10	Điểm du lịch Chùa Bình Lâm	Xã Phú Linh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Phú Linh	
11	Điểm du lịch Chùa Nậm Dầu	Xã Linh Hồ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Linh Hồ	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện					Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				2026	2027	2028	2029	2030		
12	Điểm du lịch Đèn Cảnh Xanh	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND phường Minh Xuân	
13	Điểm du lịch Đèn Mỏ Than	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND phường Minh Xuân	
14	Điểm du lịch Chùa Phật Lâm	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Nhữ Khê	
15	Điểm du lịch Chùa Phú Lâm	Phường Mỹ Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND phường Mỹ Lâm	
16	Điểm du lịch Đình Thọ Vực	Xã Hồng Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Hồng Sơn	
17	Điểm du lịch Hồ Khờn	Xã Thái Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	x	x	x	x	x	UBND xã Thái Sơn	
18	Điểm du lịch Chợ đêm Na Hang	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	x	x	x	x	x	UBND xã Nà Hang	

**Phụ lục 35. Danh mục làng văn hóa du lịch, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2031-2035 và tầm nhìn đến 2050**

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	KHU DU LỊCH QUỐC GIA					
1	Khu du lịch sinh thái quốc gia Na Hang – Lâm Bình	Các xã: Thượng Lâm, Lâm Bình, Na Hang, Hồng Thái, Thượng Nông, Yên Hoa, Côn Lôn	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng tiêu chí khu du lịch quốc gia	GD 2031 - 2035	Sở Xây dựng, Sở VH-TTDL, UBND các xã thuộc khu du lịch	
B	KHU DU LỊCH CẤP TỈNH					
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng Quản Bạ	Xã Quản Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	Doanh nghiệp	
2	Khu du lịch Du Già	Xã Du Già	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Xã Du Già	
3	Khu du lịch Chiêu Lầu Thi	Xã Hồ Thầu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồ Thầu	
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng Khâu Tràng	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
5	Khu du lịch sinh thái thôn Hùng An	Xã Hồ Thầu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồ Thầu	
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Hoàng Su Phì	Xã Nậm Dịch	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Nậm Dịch	
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng Hoàng Su Phì	Xã Thông Nguyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	Doanh nghiệp	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	Khu du lịch bảo tồn phát triển chè Shan Tuyết cổ thụ	Xã Nậm Dịch	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Nậm Dịch/ Doanh nghiệp	
9	Khu Papiu – Lũng Hồ 1	Thôn Phìn Tỷ B, xã Du Già	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	Doanh nghiệp	
10	Khu Papiu – Lũng Hồ 2	Xã Đường Thượng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	Doanh nghiệp	
11	Khu du lịch Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	GD 2031 - 2035	UBND xã Khâu Vai	
C	ĐIỂM DU LỊCH LÀNG VĂN HÓA DU LỊCH CỘNG ĐỒNG					
12	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Tân Sơn	Xã Bắc Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Bắc Quang	
13	Làng VHDL dân tộc Pà then thôn Minh Thượng	Xã Tân Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Tân Quang	
14	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Lũng Tao	Xã Cao Bồ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Cao Bồ	
15	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Bản Lạn	Xã Bắc Mê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã Bắc Mê	
16	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Suối Thầu	Xã Hoàng Su Phì	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã Hoàng Su Phì	
17	Làng VHDL dân tộc Pà Thẻn thôn My Bắc	Xã Tân Trịnh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã My Bắc	
18	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Chang	Xã Xuân Giang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã Xuân Giang	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
19	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Sảo Há, Khó Chơ	Xã Yên Minh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Yên Minh	
20	Làng VHDL dân tộc Giáy thôn Tát Ngà	Xã Tát Ngà	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND xã Tát Ngà	
21	Làng VHDL dân tộc thôn Động Sơn	Xã Yên Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Yên Sơn	
22	Làng VHDL dân tộc Dao đỏ thôn Bản Lục	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
23	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Nà Pin	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
24	Làng VHDL sinh thái công Trời, Quản Bạ	Xã Quản Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Quản Bạ	
25	Làng VHDL dân tộc Pà Thên thôn Khuổi Hóp	Xã Tri Phú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Tri Phú	
26	Làng VHDL dân tộc Cao Lan thuộc thôn Hòa Bình và thôn Đoàn Kết	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Nhữ Khê	
27	Làng VHDL thôn Khau Cau	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Lâm Bình	
28	Làng VHDL Phố Trỏ	Xã Phố Bàng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Phố Bàng	
29	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Hóa Chéo Phìn	Xã Nậm Dịch	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Nậm Dịch	
30	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Buông	Xã Xuân Giang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Xuân Giang	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
31	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Giang Sỳ Tùng	Xã Đồng Văn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Đồng Văn	
32	Làng VHDL dân tộc thôn Khuổi Trang	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Lâm Bình	
33	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Mã Lương	Xã Tri Phú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Tri Phú	
34	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Khuôn Làn	Xã Tri Phú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Tri Phú	
35	Làng VHDL thôn Trúng Chải	Xã Phố Bàng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Phố Bàng	
36	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Noong I, II	Xã Phú Linh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Phú Linh	
D	ĐIỂM DU LỊCH DI TÍCH LỊCH SỬ					
1	Điểm du lịch Đồn Pố Lũng	Xã Hoàng Su Phì	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Hoàng Su Phì	
2	Điểm du lịch di tích Đồn Pháp và tường thành Lũng Hồ	Xã Lũng Hồ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Lũng Hồ	
3	Điểm du lịch Bảo tàng các dân tộc vùng Cao nguyên đá Đồng văn	Xã Đồng Văn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	Ban Quản lý CNDD Đồng Văn	
4	Điểm du lịch di tích lịch sử cách mạng Trọng Con	Xã Bàng Hành	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Bàng Hành/ Sở VH TT & DL	
5	Điểm du lịch di tích Nàn ma	Xã Pà Vây Sủ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã PÀ Vây Sủ	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Điểm du lịch Sùng Chứ Đà Là	Xã Đường Thượng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Đường Thượng	
E	ĐIỂM DU LỊCH DANH LÀM THẮNG CẢNH, ĐỊA ĐIỂM CÓ YẾU TỐ HẤP DẪN DU LỊCH KHÁC					
1	Điểm du lịch sinh thái Thủy Lâm Viên	Xã Bằng Hành	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Bằng Hành	
2	Điểm du lịch sinh thái Thiên Sơn	Xã Bắc Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Bắc Quang	
3	Điểm du lịch Hồ thủy điện Nho Quế 2	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031- 2035	Doanh nghiệp	
4	Điểm du lịch lâm viên Phiêng Bung	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 – 2035	UBND xã Nà Hang	
5	Điểm du lịch Thác Đồng Đài	Xã Sơn Dương	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Sơn Dương	
6	Điểm du lịch dốc Thẩm Mã	Xã Phó Bảng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Phó Bảng	
7	Điểm du lịch bãi đá mặt trăng	Xã Sà Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Sà Phìn	
8	Điểm du lịch ruộng bậc thang thôn Khâu Tràng	Xã Hồng Thái	Duy trì đảm bảo tiêu chí điểm du, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
9	Điểm du lịch ruộng bậc thang (thôn Khuổi Trang)	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Lâm Bình	
10	Điểm du lịch trải nghiệm vườn Hoa Mận (thôn Nà Héc)	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	Điểm du lịch vườn chè san tuyết Phia Chang	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
12	Điểm du lịch thác nước Pác Hẩu	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
13	Điểm du lịch thác nước Tát Thốc	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
14	Điểm du lịch Thác Vằng Bo thuộc thôn Nà Mụ	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
15	Điểm du lịch Nà Pin (Tọt Cồn)	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031 - 2035	UBND xã Hồng Thái	
16	Điểm du lịch sinh thái Hàm Ếch	Xã Bình Ca	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031 - 2035	UBND xã Bình Ca	
17	Điểm du lịch Sinh thái Thuận Hoà (thôn Lũng Pù)	Xã Thuận Hòa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Thuận Hòa	
18	Điểm du lịch Thác Hợp Hòa, thôn Đồng Phai	Xã Thuận Hòa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã Thuận Hòa	
19	Điểm du lịch Thác Thâm Liêm, thôn Nặm Lương	Xã Phù Lưu	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Phù Lưu	
20	Khu du lịch sinh thái An Khê	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Nhữ Khê	
21	Điểm du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng thôn Bản Cườm 1, thôn Bản Cườm 2, thôn Nà Bá	Xã Ngọc Đường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GD 2031-2035	UBND xã Ngọc Đường	
22	Điểm du lịch sinh thái thôn Nà Khậu	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GD 2031-2035	UBND xã Lâm Bình	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
23	Điểm du lịch Mê Cung đá xã Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Khâu Vai	
24	Điểm đồi cỏ cháy thôn Phiêng Bung	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Khâu Vai	
25	Điểm du lịch Hang Khâu Mềng (thôn Khâu Mềng)	Xã Thuận Hòa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Thuận Hòa	
26	Điểm du lịch lòng hồ An Dương và đập tràn Hùng Tâm	Xã Hùng An	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch		UBND xã Hùng An	
27	Điểm du lịch Hang Tiên	Xã Xuân Giang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Xuân Giang	
28	Điểm du lịch thác nước Năm Tầu, Năm Tan, Khâu Đôn	Xã Liên Hiệp	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Liên Hiệp	
29	Điểm du lịch danh thắng Thác Luồng	Xã Khuôn Lùng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Khuôn Lùng	
30	Điểm du lịch danh thắng Thác Trăn	Xã Khuôn Lùng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Khuôn Lùng	
31	Khu du lịch sinh thái Phia Dầu	Xã Ngọc Đường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Mgochj Đường	
32	Điểm du lịch di sản địa mạo Thung Lũng Mù Lũng Phìn	Xã Lũng Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Lũng Phìn	
33	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh cua chữ M	Xã Lũng Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Lũng Phìn	
34	Điểm du lịch sinh thái khu vực Phong Quang	Phường Hà Giang 2	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND phường Hà Giang 2	
35	Điểm du lịch Nà Pin (Tọt Cờn)	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Hồng Thái	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
36	Khu du lịch sinh thái Lũng Chang	Xã Linh Hồ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Linh Hồ	
37	Điểm du lịch Hang Ròng	Xã Sà Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Sà Phìn	
38	Điểm du lịch Thác Văng Bo	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hồng Thái	
39	Điểm du lịch suối khoáng nóng thôn Nặm Choong	Xã Quảng Nguyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Quảng Nguyên	
G	ĐIỂM DU LỊCH TRẢI NGHIỆM VĂN HÓA					
1	Điểm du lịch Làng nghề dệt lanh thôn Đầu Cầu	Xã Cán Tỷ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Cán Tỷ	
2	Điểm du lịch Chợ phiên Xã Lũng Phìn	Xã Lũng Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND xã Lũng Phìn	
3	Điểm du lịch làng nghề thêu tay dân tộc Dao Tiền thôn Tân Cường	Xã Tân An	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND xã Tân An	
4	Cụm du lịch thôn Pắc Ngàm	Xã Tân Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Tân Tiến	
5	Khu nghỉ dưỡng sinh thái thôn Pắc Và	Xã Tân Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Tân Tiến	
H	ĐIỂM DU LỊCH TÍN NGƯỠNG					
1	Điểm du lịch Thạch Sơn Thần	Xã Quản Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Quản Bạ	
2	Điểm du lịch Đền Thác Con	Phường Hà Giang 2	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND Phường Hà Giang 2	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Điểm du lịch chùa Quan âm	Phường Hà Giang 2	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND Phường Hà Giang 2	
4	Điểm du lịch Chùa Núi Cấm	Phường Hà Giang 1	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND Phường Hà Giang 1	
5	Điểm du lịch Thạch Lâm Viên	Phường Hà Giang 2	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND Phường Hà Giang 1	
6	Điểm du lịch Chùa Thiên Ân	Xã Bắc Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Bắc Quang	
7	Điểm du lịch Đền Trần Hưng Đạo	Xã Tân Quang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031-2035	UBND xã Tân Quang	
8	Điểm du lịch Đền Chúa Bà	Xã Vĩnh Tuy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND xã Vĩnh Tuy	
9	Điểm du lịch Đền thờ miếu Ông, miếu Bà	Xã Khâu Vai	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031-2035	UBND xã Khâu Vái	
10	Điểm du lịch Chùa Minh Cầm	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Như Khê	
11	Điểm du lịch Đền Cô Minh Lương	Xã Yên Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Yên Sơn	
12	Điểm du lịch Đền Lương Quán	Xã Yên Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND xã Yên Sơn	
13	Điểm du lịch Chùa Phổ Linh	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ 2031 - 2035	UBND phường Minh Xuân	
14	Điểm du lịch Chùa Đồng Yên	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ 2031 - 2035	UBND phường Minh Xuân	
15	Điểm du lịch Hang Đán Poong	Xã Bạch Ngọc	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Bạch Ngọc	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
16	Điểm du lịch di tích lịch sử Đình Muồng	Xã Khuôn Lùng	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Khuôn Lùng	
17	Điểm du lịch Đền Thần Hoàng	Xã Pà Vây Sủ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Pà Vây Sủ	
18	Điểm du lịch Đình Bản Chún	Xã Quang Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Quang Bình	
19	Điểm du lịch Chùa Bình An	Xã Quán Bạ	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Quán Bạ	
20	Điểm du lịch suối Bản Án	Xã Ngọc Long	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Ngọc Long	
21	Điểm du lịch Đền Quan Công	Xã Đồng Văn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Đồng Văn	
22	Điểm du lịch Đền Lâm Sơn	Phường Nông Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Nông Tiến	
23	Điểm du lịch Đền Pha Lô	Phường Nông Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Nông Tiến	
24	Điểm du lịch Đền Ghềnh Quýt	Phường Nông Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Nông Tiến	
25	Điểm du lịch Đền Cầm	Phường Nông Tiến	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Nông Tiến	
26	Điểm du lịch Đồng Xuân	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND phường Minh Xuân	
27	Điểm du lịch Chùa Trùng Quang	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Minh Xuân	
28	Điểm du lịch Chùa Linh Thông	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Minh Xuân	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
29	Điểm du lịch Đền Quang Kiêu	Phường Minh Xuân	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường Minh Xuân	
30	Điểm du lịch Chùa An Vinh	Phường An Tường	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND phường An Tường	
31	Điểm du lịch Chùa Thiện	Xã Sơn Thúy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND Sơn Thúy	
32	Điểm du lịch Chùa Thanh Sơn Tự	Xã Phú Lương	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Phú Lương	
33	Điểm du lịch Chùa Hòa Bình	Xã Tân Thanh	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Tân Thanh	
34	Điểm du lịch Chùa Khoan Lư	Xã Sơn Thúy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Sơn Thúy	
35	Điểm du lịch Chùa Bảo Quang	Xã Phú Lương	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Phú Lương	
36	Điểm du lịch Đền Thượng	Xã Sơn Dương	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Sơn Dương	
37	Điểm du lịch Đền Đàm Hồng	Xã Chiêm Hóa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Đàm Hồng	
38	Điểm du lịch Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc	Xã Yên Nguyên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Yên Nguyên	
39	Điểm du lịch Đền Thác Cái	Xã Yên Phú	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Yên Phú	
40	Điểm du lịch Đền Bắc Mực	Xã Hàm Yên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hàm Yên	
41	Điểm du lịch Đền Pác Tà	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Nà Hang	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
42	Điểm du lịch Đền Pác Văng	Xã Nà Hang	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Nà Hang	
43	Điểm du lịch Đền Pú Bảo	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Lâm Bình	
44	Điểm du lịch Chùa Phúc Lâm	Xã Thượng Lâm	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Thượng Lâm	
45	Điểm du lịch Phủ Toàn Thắng	Xã Thái Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Thái Sơn	
46	Điểm du lịch Đền Đức Ông	Xã Sơn Thụy	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Sơn Thụy	
47	Điểm du lịch Chùa Tây Thiên	Xã Hồng Sơn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hồng Sơn	
48	Điểm du lịch Đền Văng Sâu	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hồng Thái	
49	Điểm du lịch Đền Cây Thị	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Nhữ Khê	
50	Điểm du lịch kiến trúc nghệ thuật Đình Minh Cầm	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Nhữ Khê	
51	Điểm du lịch Đình Nhữ Hán	Xã Nhữ Khê	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Nhữ Khê	
52	Điểm du lịch tâm linh di tích Chùa Quan âm	Xã Lũng Phìn	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Lũng Phìn	
53	Điểm du lịch Chùa Bà thôn Làng Chùa	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Lâm Bình	
54	Điểm du lịch Chùa Ông thôn Nậm Đíp	Xã Lâm Bình	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du	GĐ sau 2035	UBND xã Lâm Bình	

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
55	Điểm du lịch đền Vàng sâu	Xã Hồng Thái	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hồng Thái	
56	Điểm du lịch Đền Chúa Bà Thác Con	Xã Bạch Xa	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Bạch Xa	
57	Điểm du lịch Đền Vinh Quang	Xã Hoàng Su Phì	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hoàng Su Phì	
58	Điểm du lịch Đền Suối Thầu	Xã Hoàng Su Phì	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng tiêu chí điểm du lịch	GĐ sau 2035	UBND xã Hoàng Su Phì	

Phụ lục 36. Danh mục thu hút đầu tư

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm	Hiện trạng sử dụng đất	Thông tin về Quy hoạch đã có quyết định trước khi sát nhập tỉnh và các loại quy hoạch dự kiến cập nhật, điều chỉnh	Nguồn vốn đầu tư
1	Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo	Diện tích đất sử dụng: 29,75 ha	Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang	Đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác đất cây lâu năm.	- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 cũ tại Quyết định 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2035 cũ tại Quyết định số 1578/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất thành phố Hà Giang tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang cũ.	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
2	Dự án Khu du lịch Núi Cẩm	Diện tích đất sử dụng: 15,8 ha	Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	Đất rừng sản xuất	- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 cũ tại Quyết định 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2035 cũ tại Quyết định số 1578/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất thành phố Hà Giang tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang cũ.	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm	Hiện trạng sử dụng đất	Thông tin về Quy hoạch đã có quyết định trước khi sát nhập tỉnh và các loại quy hoạch dự kiến cập nhật, điều chỉnh	Nguồn vốn đầu tư
3	Dự án Khu hỗn hợp du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí suối khoáng Quảng Ngần	Diện tích đất sử dụng: khoảng 120 ha.	Xã Việt Lâm, tỉnh Tuyên Quang	Đất ở tại nông thôn; Đất rừng sản xuất; Đất trồng cây lâu năm;...	- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 cũ tại Quyết định 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Vị Xuyên đến năm 2030 tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang cũ.	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
4	Dự án Khu hỗn hợp du lịch cộng đồng, homestay	Diện tích đất sử dụng: khoảng 50 ha	Xã Tát Ngà, tỉnh Tuyên Quang	Đất ở tại nông thôn; Đất rừng sản xuất; Đất trồng cây lâu năm;...	Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Mèo Vạc cũ đến năm 2030	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
5	Dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Kỳ Lân	Diện tích khoảng 200ha	Tổ 8, phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	Đất thương mại, dịch vụ	Dự án phù hợp với quy hoạch phân khu phường Đồi Cẩn, thành phố Tuyên Quang cũ tại Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND Thành phố Tuyên Quang (nay là phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang)	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
6	Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Bản Mò	Diện tích sử dụng 20,5ha	Thôn Bản Mò, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang	Đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm khác	Dự án phù hợp với đồ án quy hoạch chung thị trấn Đồng Văn đến năm 2025, định hướng đến năm 2050 tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Hà Giang cũ (nay là xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang)	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm	Hiện trạng sử dụng đất	Thông tin về Quy hoạch đã có quyết định trước khi sát nhập tỉnh và các loại quy hoạch dự kiến cập nhật, điều chỉnh	Nguồn vốn đầu tư
7	Dự án Bến thủy xã Yên Hoa thuộc khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Tuyên Quang.	Diện tích: 1,0 ha	Xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang	Đất năng lượng; đất rừng sản xuất	Dự án phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Na Hang cũ giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
8	Dự án khu du lịch sinh thái Nậm An, xã Tân Quang	Diện tích đất 2,936 ha	Thôn Nậm An, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đất rừng sản xuất	- Đất đã được thu hồi từ đất rừng sản xuất của 11 hộ gia đình để xây dựng khu du lịch sinh thái Nậm An theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 của UBND huyện Bắc Quang cũ (nay là xã Bắc Quang) - Dự án phù hợp quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Quang đến năm 2030 tại Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang cũ	Vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
9	Dự án cáp treo/ zipline/ bungee		Vùng Công viên địa chất (các địa điểm có tiềm năng như Lũng Cú/Mã Pì Lèng/ Hẻm vực Khau Vai/ hẻm vực Nậm Lang...)		Dự án cần phù hợp với các QH 310 và 2051, 438 của TTg CP	Vốn đầu tư công/ tư nhân/ nước ngoài

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm	Hiện trạng sử dụng đất	Thông tin về Quy hoạch đã có quyết định trước khi sát nhập tỉnh và các loại quy hoạch dự kiến cập nhật, điều chỉnh	Nguồn vốn đầu tư
10	Dự án cầu kính		Vùng Công viên địa chất (các địa điểm có tiềm năng như Lũng Cú/Mã Pì Lèng/ Hẻm vực Khau Vai/ hẻm vực Nậm Lang...)		Dự án cần phù hợp với các QH 310 và 2051, 438 của TTg CP	Vốn đầu tư công/ tư nhân/ nước ngoài
11	Dự án Bảo tàng số hóa 3-4-5 D		Khu vực xã mèo Vạc			Vốn đầu tư công/ tư nhân/ nước ngoài